

NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 1964

BACH KHOA

năm thứ tám

TRẦN - THỨC - LINH NAN THAM NHỮNG .
NGUYỄN-HIỂN-LÊ mối tình giữa một nhà cách mạng
Việt-Nam và một học giả Trung quốc . ANH VIỆT
Liên Hiệp Quốc và các nước liên kết Á
Phi . TRẦN - THIÊN các trào lưu lớn của
tư tưởng hiện đại . PHI - BẰNG một quan niệm
về sử học . HỒ - HỮU - TƯỜNG **TRẦM TƯ :**
VỀ VŨ TRỤ . PHI - Y - TỬ nói về xuất xứ
đanh từ nhân sĩ . MỘNG - TRUNG lá thư
Bruxelles . NGUYỄN - VĂN - TRUNG chính trị hóa
nền giáo dục . YÊN-HY-BA những người chết chưa
chôn . HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG vòng tay học
trò . NGUYỄN - NGU - I
VÀI KÍ NIỆM VỀ
LÊ VĂN TRƯƠNG

174



Thank thoát
Fine
Div d'ang
Racée
Tonique

NUOC HOA
 NGOI SAO
 EAU
 DE
 COLOGNE
 L'ETOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^U F^{IL}LE DES DISTILLERIES DE L. J. G. **DiC**

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
 EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE
 Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
 en vérifiant que la capsule inviolable
 que comportent les bouteilles
 d'origine sous leur bouchon à
 vis est bien en place



NUOC HOA "NGOI SAO"
 RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO.

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
 mua quý ngài nên để đặt kiểm
 soát lại nắp chì giữa gian
 bạc ở miệng chai chính gốc
 nằm phía trong nắp vặn
 đinh ốc còn nguyên vẹn.



BÁCH

KHOA *trong số này*

Số 174 ngày 1-4-64

TRẦN-THÚC-LINH <i>nạn tham nhũng</i>	3
NGUYỄN-HIẾN-LÊ <i>mối tình giữa một nhà cách mạng Việt-Nam và một học giả Trung Quốc</i>	13
ANH-VIỆT <i>Liên-Hiệp-Quốc và các nước liên kết Á-Phi</i>	17
TRÀNG-THIÊN <i>các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại</i>	25
PHI-BĂNG <i>một quan niệm về sử học</i>	29
PHI-Y-TỬ <i>nói về xuất xứ danh từ nhân sĩ</i>	33
HỒ-HỮU-TƯỜNG <i>trầm tư của người tội tử hình : về vũ trụ</i>	37
MỘNG-TRUNG <i>lá thư Bruxelles</i>	43
NGUYỄN-VĂN-TRUNG <i>chính trị hóa nền giáo dục</i>	51
YÊN-HI-BA <i>những người chết chưa chôn</i>	61
HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG <i>vòng tay học trò (truyện dài)</i>	73
NGUYỄN-NGU-Í <i>vài kỉ niệm về Lê-Văn-Trương</i>	76

BÁCH-KHOA

những bài trong số tới

<i>Hàn lâm viện hay viện văn hóa ?</i>	ĐOÀN-THÊM
<i>Việc dạy sử ở các trường Trung Học</i>	NGUYỄN-PHƯƠNG
<i>Nhạc Jazz</i>	TRẦN-VĂN-KHÊ
<i>Nhiệm-sắc-thề và di-truyền tính</i>	VÕ-QUANG-YẾN
<i>Lược-khảo về tiểu-thuyết trinh-thám Anh</i>	NGUYỄN-TRẦN-HUÂN
<i>Giao diềm lãnh độ</i>	CÔ-LIÊU
<i>Biện chứng pháp và nhân bản học</i>	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
<i>Đàn hỏa và Xá-Lợi</i>	NGUYỄN-VĂN-THƯ
<i>Một nhà vô địch nhện dốt (dịch Kafka)</i>	HOÀNG-MINH-TRÍ
<i>Một ngày của Ivan (Dịch A. Sol-jénitsyne)</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Đi vào « Sốc »</i>	SƠN-NAM
<i>Vòng tay anh (truyện ngắn)</i>	TÚY-HỒNG
<i>Tình yêu đất (truyện ngắn)</i>	VÕ-HỒNG
<i>An ủi (truyện ngắn)</i>	LÊ-TẮT-ĐIỀU
<i>Gió trên đồi (truyện ngắn)</i>	TRÙNG-DƯƠNG
<i>Lạnh tuổi vàng (truyện ngắn)</i>	TRẦN-THI-NHÃ-CA
<i>Hai giờ với vài vị chức sắc</i>	
<i>Đại đạo tam kỳ phổ độ</i>	NGUYỄN-NGU-Ý
<i>Mấy ý nghĩ và sứ mệnh đạo Phật</i>	PHÙNG-KHÁNH và LÊ-VĂN-HẢO

Nạn

tham nhũng

TRÊN báo chí, trong thỉnh phòng, người ta đã nói nhiều đến những biện pháp kinh bang tế thế, gây một sức động tâm lý quần chúng thuận tiện cho việc thực hiện đường lối Cách mạng v.v... Có người cho công việc cần thiết lúc này là phục hưng kinh tế, có người cho vấn đề cần bản là diệt trừ Cộng-Sản, văn hồi trật tự. Có người lại cho đạo luật Hiến-Pháp, một Chính Phủ dân cử là những điểm cốt yếu... Nhưng nếu nạn tham nhũng còn hoành hành thì đạo đức suy vi, dân chúng bất bình, tiền bạc tích trữ, quý kim tâu tán. Kinh tế đời trệ ở đây mà ra. Cộng-Sản cũng do đó mà còn đất sống. Hiến Pháp dù rất tốt đẹp, Chính Phủ dù nhiều thiện chí... các biện pháp cứu quốc kiến quốc cũng chỉ là những đường gươm chém nước.

Lần lượt ta xét những nguyên do nạn tham nhũng đề đề nghị những

biện pháp ngăn chặn.

Nguyên do nạn tham nhũng

Tham nhũng là một tệ đoan xã hội. Vì vậy các nguyên do tham nhũng rất phức tạp lại tương quan ảnh hưởng lẫn nhau. Nếu dưới đây có sự sắp xếp âu cũng chỉ là một cố gắng đề tiện trình bày.

Có những kẻ hầu như sẵn máu tham nhũng. Người viết những dòng này đã có phen được một vài thân hữu than thở về thái độ ham tiền của con cái. Chúng trách cha chúng ngu, không biết ăn cắp, không biết soay tiền, học sỏi tóc trán, làm việc gần đến lúc về hưu mà ở nhà đi thuê, vận chuyển bằng xe buýt. Chúng cương quyết lựa những nghề dễ lợi dụng chức vụ để làm giàu, thật giàu. Sau đó, chúng sẽ có : danh giá, địa vị kẻ cả bằng cấp chứng nhận là nhà đạo đức, là kẻ

học giả, là người yêu nước v.v...

Đối với nhân viên sẵn máu tham nhũng, mỗi danh bả lợi, những sơ hở của bộ máy công quyền, những thủ tục phức tạp nặng nề, một chế độ không đếm xỉa gì đến nguyên tắc hợp pháp là những lý do sinh ra tham nhũng.

Khi thấy có tiền mua tiền cũng được, chồng quan cả, vợ hầu bà, những kẻ vốn tham nhũng tất lo vơ vét để có tiền mua quan; lên quan sẽ trực lợi; có lợi sẽ tiến hơn về danh vọng cũng như về tiền tài. Điều đó ai cũng thấy rõ.

Nhưng mấy ai hiểu rằng những sơ hở của guồng máy công quyền đã kích lệ rất nhiều những kẻ sẵn máu tham nhũng hoành hành. Từ trước đến nay bao nhiêu chuyện ăn tiền, hối mại quyền thế, thâm lạm công quỹ... đã xảy ra mà chưa thấy có cơ quan nào nghiên cứu các vụ phạm pháp, rút ưu khuyết điểm của tổ chức hiện hành để tìm ra phương sách sửa chữa. Đến ngay một bản kết toán hằng năm của chuẩn chi viên với bản kết toán của ngân khố để đối chiếu nhau, cho thăm kể viên kiểm soát cũng không có. Nhu cầu càng ngày càng nhiều, công sở mỗi ngày một lăm, công việc mỗi ngày một cấp bách, nhân viên lại thường thiếu khả năng và kinh nghiệm nên những kẻ tinh ý rất dễ lợi dụng các sơ hở của bộ máy công quyền để tham nhũng. Ví dụ: Tòa-Án tuyên xử phạt vạ có khi tới bạc triệu. Nhưng cơ quan thu tiền là sở Kho Bạc. Thu đặng hay thất thu,

Tòa án không biết tới. Kho bạc lại không cần biết đến việc xử phạt. Thiếu sự liên hệ ấy, nếu trích lục bản án không đến tay Ngân khố, ai đòi hỏi tội nhân nộp phạt? Người bị phạt có thể mua chuộc được kẻ làm bản trích lục bản án, kẻ chuyển giao hay tiếp nhận bản án... ai biết đẩy vào đâu?

Trái lại có khi sau một lần mất trộm, các cơ quan rào dậu kỹ quá, các thủ tục sinh ra rất nặng nề phức tạp. Đến bản giấy này lấy giấy tờ, tới cơ quan nọ xin phê chuẩn, sang nha phủ khác lãnh tiền... Được một giấy phép hay lãnh nổi món tiền, thật là gian truân. Chưa kể mọi việc khó khăn trong khi làm đơn, lập hồ sơ, đệ nạp ở mô, lãnh giấy ở đâu... cho nên, muốn được việc, tìm nơi chạy chọt cho mau chóng. Nếu không, phải ăn chực năm chờ, vừa tốn kém, vừa hỏng việc; ở một nước chậm tiến, dân trí còn thấp kém, những thủ tục phức tạp, quá tinh vi, rất đổi khoa học nhiều khi cũng là một nguyên nhân của nạn tham nhũng,

Không nói chi đến dân đen, các nhà cầm quyền, mỗi khi có việc riêng, như xin giấy tờ xuất ngoại, lấy một giấy phép xây cất nhà cửa, mở mang một doanh nghiệp, đứng điện thoại, đứng sai ai, cứ vì hành tự làm lấy, sẽ thấy thà mất tiền lại được việc và đỡ bực mình.

Trong thời kỳ trước đây, dân chúng ta thán nào Công an, Cảnh sát, Mật vụ, Đoàn thể làm tiền, nào cái cơ quan kinh tế, thuế vụ

những lạm v.v... Nguyên do tại đâu? Há không phải tại nguyên tắc hợp pháp đã bị dày xéo, việc bắt bớ, giam cầm, cho đến các vụ bổ nhiệm thăng thưởng, cấp phát giấy phép v.v... toàn là những quyền chuyên quyết, không căn cứ trên một tiêu chuẩn, một luật lệ nào. Những người có đôi chút quyền hành đều muốn được toàn quyền. Thiếu cái thăng luật lệ, xe hành pháp tránh sao không xa vào vực tham nhũng.

Những kẻ sẵn máu tham nhũng, bị danh lợi ám ảnh, lợi dụng nguyên tắc hợp pháp bị dày xéo, các biệt lệ quá nhiều bộ máy chính quyền còn sơ hở hay quá phức tạp, dù sao cũng là số ít. Phần đông có lẽ vốn cầu an hay ít nhất cũng còn ngờ nghếch, sợ sệt. Tuy nhiên đối với hạng này, cũng còn nhiều lý do đưa họ đến tham n ững.

Đồng lương quá ít ỏi, các biện pháp xã hội quá thiếu thốn là một nguyên nhân sa ngã. Một cán bộ lương tháng hai ngàn đồng phải nuôi một vợ bốn con ở đất Sài Gòn mà giá sinh hoạt chính thức càng ngày lên cao, nếu có ăn tiền, việc đó cũng không làm ai ngạc nhiên.

Nhưng cũng có kẻ vì sống trên mức thường nên sinh ra nợ nần, rồi xoay sở. Nhiều người ngoại-quốc tới đây lấy làm lạ tại sao một thư ký công nhật, một nhân viên dân sự hay quân sự lương tháng 6, 7 ngàn, có thể lập tới 2, 3, phòng, quần áo chỉnh tề, đồn điền, biệt thự, vợ con vàng đeo ngọc dát, sống không thua gì Âu Mỹ lương tháng gấp 10, 20 lần.

Sống trong một xã hội mà tiền bạc là chúa tề, vợ con công chức dễ đua đòi, mấy ai giữ được lòng liêm chính khi thế tử nỉ non đòi sắm quần áo, mua trang sức cho được như các bạn, khỏi thua chị kém em?

Thêm vào đấy những gương xấu ở chung quanh càng thúc đẩy người công chức tham nhũng. Từ 20 năm nay họ được mục kích bao chính khách tham nhũng, khi « tuột dù » vẫn sống một đời vương giả ở trong nước hoặc ở các chân trời xa.

Đối với những người « tính cầu an » cũng như đối với những kẻ « sẵn máu tham nhũng », việc thiếu một qui chế công chức, và niềm-tin tưởng nơi tương lai quốc-gia cũng là những nguyên nhân sinh tham nhũng.

Vẫn hay công chức ngạch nào cũng có một qui chế, nhưng từ 20 năm nay, qui chế chỉ là những mớ giấy lộn hoặc chỉ áp dụng cho những kẻ cô thế. « Dân Chủ Pháp Trị », « Nguyên tắc hợp pháp » hầu như là câu nói cửa miệng. Một hòn đất một sáng một chiều có thể trở nên ông bụt, để rồi một sáng một chiều lại trở về với cát bụi. Khi không có một qui chế bảo-đảm, người làm việc được ở vào một địa vị nào có thể kiếm ra tiền, thường sẽ nghĩ đến việc làm tiền cho nhanh. Họ có ngạch trật gì, qui chế gì, mà lo? Có lo chẳng là lo đối trá để bụng bít thực trạng, lo luôn cúi để được lòng cấp trên đang tại vị lâu ngày nào quý ngày

ấy lo mưu kế tham nhũng vợ vét. Đã không có nghề, có ngạch, có tương lai cần bảo vệ thì học hỏi làm gì, nghiên cứu làm gì, trong sạch mà làm gì, — Họ thường nhìn những công chức thanh bạch bằng con mắt, tuy tâm phục, nhưng không khỏi khinh là đại và chê không biết lo xa.

Chính vì họ quá lo xa, nên họ trăm phương nghìn kế, để tham nhũng. Quốc gia được điều khiển bởi những kẻ khôn ngoan như họ, đem gạo củi cao su, vũ khí bán cho Việt-cộng, xây đồn bót trên bản đồ, tổ chức quân đội trên giấy tờ; bót tiền viện trợ để ở nước ngoài, thì mặc dầu những lời lẽ « quyết chiến quyết thắng », « hy-sinh cho đồng bào thân mến »... nơi cửa miệng, họ là những người biết rõ trước nhất vận mạng quốc gia sẽ ra sao. Vì không tin tưởng nơi tương lai đất nước, nên ở vào địa vị nào, họ lo vợ vét, chuyển vận ra ngoại quốc để phòng khi vật đổi sao dời.

Nạn tham nhũng sờ dĩ ngày một bành trướng một phần cũng vì những sâu mọt quốc gia còn gặp được sự đồng lõa của những gian thương và ngoại nhân, một phần được chính quyền nếu không dung túng cũng thờ ơ trong mọi công việc cải tiến.

Các gian thương thường bày mưu lập kế để cho những công chức thể lực có thể « hoạt động kinh tài », nhiều khi chúng còn rủ rê hùn vốn lập hội, chuyển ngân ra

ngoại quốc, hoặc chịu đứng tên sắm vàng bạc, mua ngoại tệ, xây nhà cửa, tậu đồn điền...

Những công việc trên lại còn được một số ngoại nhân tiếp tay. Không những các công việc xuất nhập cảng, trong công cuộc trang bị kỹ nghệ, khuyếch trương kinh tế, điều đình công tác... người có quyền thường được ngoại nhân sẵn sàng dành cho một số ngoại tệ ký thác nơi chắc chắn. Ngoại nhân lại còn đứng tên để chuyển ngân cùng tậu nhà cửa, mua xí nghiệp họ ở ngoại quốc. Người ta thường nói đến các kho n ngoại tệ không lồ bị những kẻ phiếu lưu quốc tế lường gạt. Sinh viên Việt-Nam ở Pháp thường thắc mắc ai đứng tên mua hotel Lutèce, dãy chiếu bóng REX ở Paris, tòa đại sứ Việt-Nam tại Londres, những khách sạn ở Hồng-Kông, ở Rôma...

Tóm lại, tệ tham nhũng tác hại được do các nguyên nhân dưới đây:

- 1 — Con người mất căn bản đạo đức, thiếu tinh thần yêu nhà, yêu nước lại không có một quan niệm chính xác về việc làm và làm việc,
 - 2 — Hoàn cảnh xã hội trụy lạc.
 - 3 — Mạnh lực đồng tiền.
 - 4 — Guồng máy công quyền đã sơ hờ, thủ tục đã nặng nề, phức tạp lại thiếu giám sát và nhà cầm quyền dầy xéo lên nguyên tắc hợp pháp, đặt ra quá nhiều biệt lệ.
 - 5 — Ngoại nhân tiếp tay.
- Các biện pháp ngăn chặn nạn

tham nhũng sẽ nhằm loại trừ các nguyên do ấy.

Nhưng vì tham nhũng là tệ đoan xã hội, bệnh căn ăn vào tâm phúc nên không biện pháp nào tách rời có thể đem lại kết quả tốt. Và ta cũng đừng có tham vọng tìm được tiên dược trị bệnh tuyệt căn. Phật cao một thước, ma lên một trượng. Những kẻ quỷ quái không thiếu gì mưu mẹo để vượt mọi hàng rào đặt ra cốt để gây khó cho chúng và ngăn ngừa những kẻ tập sự tham nhũng.

Biện pháp chống tham nhũng

Vì những nguyên nhân phác trên, các biện pháp chống tham nhũng nhằm :

- Giáo dục con người.
- Lãnh mạnh xã hội.
- Ngăn chặn xa hoa.
- Cải thiện hành chánh.
- Tương trợ Quốc-Tế.

Để giáo dục con người, cần phải trở lại vấn đề học tập. Hai chữ « học tập » đã để lại những kỷ niệm không hay khiến nhiều người không muốn nói đến. Nhưng nguyên tắc học tập không thể không áp dụng ở những nước chậm tiến, muốn sớm thoát vòng thấp kém. Ai cũng thừa biết nếu người công dân nào cũng thấu triệt quyền lợi và nhiệm vụ của mình, cũng hiểu rõ tổ-chức guồng máy công quyền, những sự thiệt hại gây ra do nạn tham nhũng, phòng công chức dù bệnh tham

những nặng đến mức nào, liệu có thi thố được thủ đoạn gì chẳng ?

Nói chi là nếu mọi công bộc lại còn thấm nhuần tinh thần yêu nhà thương nước, quan niệm dân chủ, chí hướng cầu tiến. Vấn đề tham nhũng sẽ không cần đặt ra. Mà muốn cho các khái niệm công dân giáo dục ấy được ăn sâu vào mọi người, không thể không phát động phong trào học tập, miễn tổ chức sao để ai nấy thấy học hỏi đưa lại những lợi ích nhãn tiền.

Nhưng học hỏi để tiến bộ chưa đủ, còn phải tạo hoàn cảnh để vững bước trên đường cách mạng. Muốn giúp con người vốn yếu hèn khỏi xa ngã vào cạm bẫy tiền bạc, nếp sống của mọi người chung quanh cần phải được thay đổi.

Một chính sách khắc khổ cần được thực thi. Ta đừng ngại người ngoại quốc thấy một ông Tổng-Trưởng không ở biệt thự, không ngồi xe hơi, không ăn vận đúng mốt, không có phòng văn với máy điều hòa không khí . . . họ sẽ cười. Trái lại họ thường mỉa mai một dân tộc « Phú quý mọn » giữa tay vay tiền sống một đời sống trên mức thích nghi. Gương Magsaysay ở gian nhà gỗ, Ben Gourion có một quỹ đen không đủ mua nửa chai Mac-ten, vợ phải tự đi chợ lấy, thường được mọi nước nhắc nhở với tấm lòng kính phục.

Căn cứ vào cái tâm lý « thượng hành hạ hiệu » cồ nhân dựng nên vương đạo, người cầm quyền ngày nay hẳn cần lấy đó mà suy.

Đồng thời thực thi chính sách khắc khổ, phải có một kế hoạch đề cao đạo lý, diệt trừ xa hoa khiến những kẻ quen thói bốc đời sẽ thấy lạc lõng trong một xã hội cần cù, thanh bạch, lành mạnh.

Nếu ai còn có ảo vọng giấu tiền, chôn vàng, tậu nhà, hùn vốn; ... chính phủ có thể thi hành mọi biện pháp chặn đứng tác dụng có hại của tiền bạc :

a) — Vàng bạc, hạt soàn, quí kim, ngoại tệ... đều phải khai trình, đều bị đánh thuế, có thể đi đến chuyển ký thác ở ngân hàng. Như vậy ai còn tích trữ đồ quốc cấm, nhất là khi trong một xã hội với nếp sống giản dị vàng bạc không còn có giá trị như trước.

b) — Các loại tiền giấy cũ đều bị ký nạp ngân hàng để đổi lấy các giấy loại mới. Các ngân hàng có bản phận thông báo trưng mục của mọi người cho chính phủ hay.

c) — Tài sản phải kê khai—không những tài sản của công chức mà cả tài sản của toàn dân. Các khoản tiền tậu nhà, bỏ ra doanh nghiệp đều phải chứng minh nguyên ủy. Không những đã phòng ngừa được những của hoạnh tài mà còn làm khó cho những số tiền của thực dân, cộng sản đưa vào hoạt động, trong mọi ngành dưới những chiêu bài Quốc gia.

Việc này chính phủ trước đã làm một phần, nhưng làm chiếu lệ; giấy tờ chất đống tại bộ Tư-pháp. Lại không làm toàn bộ nên người ta vẫn có thể ăn nặc, dùng tên

cha mẹ, anh em, bè bạn giấu giếm tư sản. Mỗi công dân đã có một quốc gia danh bộ, sẽ có một phiếu tài sản luôn luôn được cập-nhật-hóa. Các tài sản không kê khai cũng như là nhà cửa không đăng bộ, xe hơi không thẻ xanh, nếu xảy ra tranh tụng sẽ không có hiện hữu xác thực. Công việc này sẽ do một cơ quan có uy tín như một viện Giám sát đặc trách với sự cộng tác của các nha sở phụ trách điều tra, thuế vụ, hối đoái, chuyển nhượng v.v... Quyền giám sát là một quyền tối cần cho những nước chậm tiến muốn tránh nạn tự do bừa bãi, độc tài trá hình, tham quan lại những đề cải tiến guồng máy công quyền. Trước đây, Nha Tổng Thanh tra Hành Chính chỉ được hành sự khi có lệnh và các đề nghị không bố buộc Chính Phủ. Vì vậy dân chúng không tin tưởng ở những tổ chức vụ hình thức. Nếu giám sát được coi như một quyền ngang quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, nạn tham nhũng mới có cơ bị ngăn chặn.

Nhưng biện pháp nghiêm minh nhiều khi chỉ làm bầu không khí thêm khó thở nếu không có những cửa sổ mở ra trước những bầu trời quang đãng hơn.

Vì vậy, guồng máy công quyền cần được cải tiến để một chính sách nhân viên rõ rệt được thực thi và những biện pháp cải tiến được áp dụng.

Về chính sách nhân viên, một vài trang báo không thể nói hết các chi tiết. Dù sao ở đây ta cũng thấy cần :

— Áp dụng đúng đắn cho hết thầy nhân viên một qui chế hợp lý và hợp thời.

— Trừng phạt nghiêm minh : không trị mấy tên tiều tốt.

— Bảo đảm đời sống cho hết thầy nhân viên khiến không ai phải lo mái nhà che thân, bát cơm miếng thuốc cho gia đình, học hành tập việc cho con cái. Như vậy còn tham những để làm gì ? Ở Đài-Loan, ở Do-Thái các công chức đều có nhà ở, hàng tháng lãnh vài gạo, than củi, dầu mỡ, con cái đến tuổi đều được đi học, đau ốm được săn sóc. Vì vậy đồng lương lãnh về rất hạ mà mức sống lại đầy đủ và hiệu năng thật rỗi rạo. Trước đây chính phủ có nêu việc tạo cho mỗi người một tư hữu căn bản, xây dựng cư xá công chức. Những ai được vay tiền ? Những ai được mua nhà ? Bao nhiêu nhà được chính đương sự ở ? Bao nhiêu nhà được bán lại, đem sang hoặc cho mượn trong khi chủ nhà vẫn chiếm công thợ, ngự công xa ? Không gì tiếp tay các kẻ thù dân tộc đặc lực hơn việc dùng công quỹ ban ân mưa móc làm lợi riêng cho một thiểu số gây bất công, sinh chia rẽ.

Về việc hoàn thiện guồng máy công quyền, nhiều người cho vi hành thăm các phòng việc, hăm học vì thiếu vệ sinh, dọa dẫm những ai đi trưa về sớm, để ra một số thông tư chỉ thị đại cương tưởng thế là đủ gây xúc động tâm lý thuận tiện cho công cuộc Cách Mạng. Ngót 20 năm qua, những lớp ấy diễn ra đã quá nhiều. Kết quả đào tạo ra một số

người giả dối, su nịnh. Cách Mạng phải gây một bầu không khí cởi mở khiến ai nấy đua nhau làm nhiều, làm nhanh, làm giỏi. Kẻ viết bài này đã trình bày nhiều trong các cuốn « Sửa đổi lề lối làm việc » và « Cải thiện bộ máy công quyền » có đăng một phần ở nguyệt san *Quê-hương*. Nơi đây chúng tôi chỉ muốn nhắc đến những việc chính như :

— Giảm dị hóa các thủ tục

— Công khai hóa mọi guồng máy

— Thiết lập các bàn giấy chỉ dẫn, các cơ quan giám sát

— Thỏa mãn mau chóng mọi khiếu nại

— Khích lệ mọi sáng kiến.

Khi mà người công chức làm việc gì, lớn như ban hành một qui lệ, nhỏ như chuyển vận một công văn nếu ai cũng tự hỏi « việc này ta làm có lợi gì cho đối phương, có hại gì cho dân chúng » ; khi mỗi nhân viên tiếp xúc với dân chúng tự như người này như cha ta, con ta, người thân của ta, rồi đặt mình vào địa vị họ mà làm việc, mọi vấn đề sẽ được giải quyết dễ dàng ; khi công việc thường xuyên được sáng như gương, ai cũng rõ những điều kiện, những tiêu chuẩn lựa chọn, khi những danh sách các người được chuyển ngân, được giấy phép nhập cảng, được xuất ngoại, được minh thị công bố, ai còn dại gì đem tiền cho những kẻ tham những ?

Nhất là khi viện giám sát luôn luôn theo dõi ; mọi khiếu nại được

xét mau lẹ và các thủ tục được chỉ dẫn tận tình. Về điểm này, ở các nước tân tiến, có những phòng S. V. P. Bất luận có việc gì, dân chúng đến đòi hỏi, người ta sẽ chỉ vẽ, hướng dẫn đến nha Bộ sở-quan giải quyết. Rồi tới các Nha Bộ, đương sự chỉ nộp giấy tờ hồ sơ ở một nơi, sai đâu sửa đó, thiếu gì đòi hỏi thêm, một khi hồ sơ được nhận, một biên lai được trao lại, hẹn ngày đến lãnh giấy phép. Khởi phải vào cửa này, gõ cửa khác, dò dẫm, thăm hỏi, van lơn... ai dại gì đem tiền cho những kẻ tham nhũng?

Về các sáng kiến, ở Pháp, một tổng thư văn nghĩ ra cách giữ lại các bao thư, gửi trả các nguyên sở để dùng lại, được thưởng về sáng kiến ấy 10.000 quan mới tương đương với 200.000 bạc ta, vì chính phủ xét ra phương thức ấy lợi cho chính phủ bạc triệu. Nếu áp dụng phương sách đó, các nhân viên sẽ phân tách mọi động tác của mình cố gắng kiếm cách cải tiến, tìm ra sáng kiến, lấy thưởng một cách vinh dự, còn ai quần quanh với những ý nghĩ đen tối tham nhũng? Đừng tưởng phải thông kim bác cổ mới đề được ra sáng kiến. Cuốn *Practical Affice Time Savers* của Mc Grawhill được dịch ra tiếng Pháp «*Suggestions pour améliorer le travail de bureau*» có kể tới trăm ngàn sáng kiến của những nhân viên thừa hành cải tiến bàn giấy.

Những biện pháp lẻ loi áp dụng nơi quốc nội sẽ không hiệu nghiệm lắm nếu không được sự tương trợ

của các nước bạn. Các nước đã ký kết những thỏa hiệp đề bắt bớ các gian nhân, buôn lậu, bán người, lẽ nào lại không giúp đỡ nhau trong việc bài trừ tham nhũng?

Với sự tiếp tay của ngoại quốc, các sâu dân một nước có trốn ra nước ngoài sẽ bị dẫn độ, các tài sản có thể bị phong tỏa, tịch thu. Chỉ riêng việc mở trương mục tại các ngân hàng, tậu nhà cửa, mua các cơ sở kinh doanh đều phải được phép hoặc được thông báo cho chính phủ Việt-Nam cũng đủ ngăn chặn những sự tẩu tán số tiền tham nhũng. Ít nhất những ai có chút quyền hành trước khi nhận việc phải khai rõ quốc tịch, cam đoan không có gia sản ở ngoại quốc, không để cha mẹ vợ con ở nước ngoài không có lý do chánh đáng.

Đề kết luận, ta có thể nói, hơn ai hết, những người cầm quyền đều rõ căn nguyên và biện pháp ngăn chặn nạn tham nhũng. Vậy vấn đề đặt ra là có cương quyết bài trừ tham nhũng một cách triệt để không? Muốn bài trừ tham nhũng, trước hết các nhà cầm quyền đừng có cái quan niệm mình nói ra luật, «*Hiến pháp là tôi*» mà phải tôn trọng luật lệ hiện hành và nguyên tắc hợp pháp hơn ai hết. Sau đó, các biện pháp đề ra phải được thi hành nhất loạt và quyết liệt. Tô ra ôn hòa, dè dặt trong công cuộc này đủ để các phản động lực chính đốn hàng ngũ, đoàn kết nội bộ đề tấn công lại làm tiêu ma thiện chí cách mạng và bày ra những trò cười đầu voi đuôi chuột.

Hơn đâu hết, trong lãnh vực này. những ai chỉ có óc cải lương đừng nói chuyện cách mạng.

Trước đây chính quyền lại thường hay dung dưỡng các hành vi tham nhũng, hoặc là đề thưởng cho tay sai, hoặc là đề cấu kết đồ đảng, khi đã có một hồ sơ cá nhân khá dày, chỉ còn có cách tuyệt đối trung thành mới hồng thoát khỏi vòng tù tội.

Chính quyền lại còn thờ ơ với mọi đề nghị cải tiến các cơ quan.

Ngày 26-8-56, kẻ viết những dòng này đã từng đưa ra một số biện pháp sửa đổi lề lối làm việc gửi bộ tài chánh lúc đó ra thông cáo trưng cầu sáng kiến. Ngót một năm sau, ngày 2-7-1959 do công văn số 3.586 BTC/NC, chúng tôi được trả lời: « Mặc dầu các đề nghị của Ông hoặc đã được áp dụng lờ lầu, hoặc đang được chính phủ nghiên cứu đề đem ra áp dụng, hoặc không thể thực hiện được, bản bộ nhận thấy ông là một người... dầy công khảo cứu và đưa ra những ý kiến nhắm mục đích lãnh mạnh hóa nền hành chánh và tài chánh quốc gia, bản Bộ cảm tạ ơn Ông » Ấy là chúng tôi còn may được một công chức thừa ủy nhiệm Ông Bộ Trưởng khen suông, chứ bạn tôi có người còn bị quở « Ai hỏi mà nói ? ».

Thấy sự mâu thuẫn giữa những lời tuyên bố cải tiến guồng máy công quyền và những thái độ của chính quyền hồi đó, chúng tôi thắc mắc thì được một vị chức trọng quyền cao vốn chỗ quen biết cho hay « Nếu diệt trừ tham nhũng còn phải buộc mọi người cầm quyền phải triệt để tôn trọng nguyên tắc hợp pháp và loại bỏ những kẻ bất tài giữ các địa vị quan trọng. Buộc người cầm quyền phải trọng pháp. tất nhiên, ở những xứ chậm tiến, không mấy nhà cầm quyền chịu nghe. Loại bỏ những hạng bất tài vô tướng, tham quan ô lại thì phải treo cổ vài trăm tên, bỏ tù vài ngàn đứa, đuổi về vài vạn kẻ, hạ công tác quá nửa công chức dân sự cũng như quân sự. Chỉ một phần mười những kẻ đó cấu kết với nhau thì chính phủ nào cũng bị lật đổ » Vậy đại gì nuôi mầm phản loạn đành nhắm nửa con mắt nhìn nạn tham nhũng lan tràn...

Nhưng lịch sử đã chứng minh. Cũng như Trung-Hoa Quốc - dân đảng mất hết lực địa, Chính-phủ trước đây đã sụp đổ vì nạn tham nhũng.

Cách mạng đã cương quyết tránh vết xe cũ chưa ?

TRẦN-THỨC-LINH

● Không lấy bậy của ai gọi là giàu ; không bị nhục với ai, gọi là sang.

● Liêm sĩ là việc lớn, tử sinh là việc nhỏ.

Công Nghị

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THÁT-ĐẠM
135. Đại-lộ NGUYỄN-HỮU
ex Charner)
téléphones : 21.902 — Lignes
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 48
B.P. 422

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F. A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main Bureau de Représentation, en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban B.N.C.I « A » ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba Bureau de Représentation BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta British and French Bank ; à Bâle Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama Panama Trust Co. Inc.

THÊM MỘT TÀI LIỆU VỀ TIỀN SỬ

cụ PHAN BỘI CHÂU

● **NGUYỄN HIẾN LÊ**

MỐI TÌNH giữa một nhà cách mạng Việt-Nam và một nhà học giả Trung Quốc

CHÚNG tôi từng biết cụ Phan-Bội-Châu khi còn ở hải ngoại, có giao thiệp với Chương Bính-Lân và Lương-Khải-Siêu, và mối tình ấy còn ghi trong bộ *Ấm băng* của họ Lương và trong cuốn *Tự phán* của cụ. Nhưng chúng tôi không ngờ rằng chính nhà học giả Hồ-Thích cũng biết cụ và có rất nhiều cảm tình với cụ.

Chúng tôi mới được đọc cuốn *Hồ-Thích văn sao* của nhà Lê-Lực xuất bản ở Hương-Cảng (không đề năm) và vừa thích thú vừa ngạc nhiên thấy một bài Hồ-Thích đề tựa cho cuốn *Thiên hồ Đế hồ* của cụ Phan. Cuốn đó rõ là của cụ, đọc bài tựa không thể nào lầm được, tuy tên tác giả chỉ thấy gọi là *Phan-Thị-Hán Tiên-sinh*. Muốn chắc hơn, chúng tôi đã hỏi một ông bạn có nhiều tài liệu về cụ thì ông bạn xác-nhận rằng Phan-Thị-Hán chính là một

biệt hiệu của cụ và trong thời kỳ 1918-1924 cụ có viết cuốn *Thiên hồ Đế hồ* gồm ba chương lớn xét về cái hại diệt quốc của 1° / một vài tôn-giáo, — 2° / pháp luật chính trị — 3° / chế độ giáo dục dưới thời cai trị của thực dân Pháp.

Đại khái nội dung đó rất phù hợp với nhận xét của họ Hồ trong bài tựa; và coi ngày viết bài tựa — ngày 8 tháng giêng năm 1923 (Trung - Hoa Dân-quốc năm thứ 12) — thì ta đoán chắc rằng sách đã xuất bản trong năm 1923 hoặc 1924.

Hồ-Thích là một học giả chứ không phải là một nhà cách mạng chính trị. Tiên-sinh không hề ở trong một đảng phái nào, vậy mà tiên-sinh đã đề tựa cho tác phẩm của cụ Phan, thì cảm tình của tiên-sinh với cụ, lòng phần uất

của tiên-sinh trước nỗi thống khổ của dân tộc ta dưới sự áp bức của Pháp quả là chân thành, đáng quý. Chúng tôi nghĩ bài tựa đó, tuy ngắn mà là một bút tích lịch sử khiến ta kính mến thêm nhà học giả lảng giềng vừa quá

cổ, lại là một tài liệu đáng ghi thêm vào tiểu sử cụ Phan, nên chúng tôi xin dịch ra dưới đây : (1)

(1) Nguyên văn chữ Hán ở trang 177 cuốn *Hồ Thích văn sao* ; cuốn này chắc còn bán và dễ mua.



Hồ Thích



Cụ Phan Bội Châu

TỰA CUỐN THIÊN HỒ ĐỂ HỒ (2)

Hai chục năm gần đây, các nhâu-sĩ Trung-Quốc đối với cảnh vong quốc bị thảm của người An-Nam, cơ-hồ rất lạnh đạm. Có lúc một thiểu số văn nhân dùng những chữ « An-Nam, Triều Tiên » để cảnh cáo quốc dân ; nhưng lời của các vị đó phần nhiều là vợ đũa cã nắm, mơ hồ, vu vơ, không có chứng cứ rõ ràng, cho nên không làm cho người đọc thấm tìn mà cảm động.

Chúng tôi mới được đọc kỹ cuốn Thiên hồ Để hồ của Phan-Thị-Hàn tiên sinh ; những xác chứng tiên-sinh đưa ra về lịch sử và pháp-luật khiến cho chúng tôi không thể không cảm thấu cái thảm họa vong quốc

(2) Thiên hồ Để hồ nghĩa là Trời hỏi. Trời ! Chúng tôi ngờ rằng bốn chữ đó là một thành ngữ trong một sách cổ Trung-Hoa nào đó.

nó khốc liệt đến như vậy, không thể không ôm một mối đồng tình vô hạn mà hướng về các nhà chí sĩ An-Nam. Dân tộc Pháp vốn tự hào về ba nguyên tắc chính (1) « Tự do, Bình đẳng, Bác ái » (2), vậy mà thủ đoạn của họ đối với người An-Nam có thể coi là một sự sỉ nhục lớn trong lịch sử nhân loại.

Chúng tôi trước kia đọc trong sách cổ về chính sách bạo ngược của Tần Thủy-Hoàng, nhớ đâu như có câu : « Kẻ nào thì thàm với nhau về thi, thư thì bị bêu thây ở chợ », có chỗ không tin hẳn ; ngờ đâu trong điều 67 của hình luật An-Nam do dân tộc Pháp ở thế kỷ XIX, thế kỷ XX quy định, chúng tôi lại tìm được câu này : « Từ hai người trở lên mà họp nhau bàn bạc thì hành vi đó gọi là âm mưu » (3) nó có thể dùng làm lời cước chú ngược lại (4) cho câu trong sách cổ trên kia ; cho nên chúng tôi rất trân trọng giới thiệu tác phẩm viết bằng huyết lệ này của Phan tiên-sinh với những vị độc giả yêu nhân đạo trên khắp thế giới.

Trung-Hoa Dân-Quốc năm thứ 12,
ngày mồng 8 tháng giêng.

Giọng thật cảm động, không phải là một lời giới thiệu vị tình.

Hồ-Thích tiên-sinh muốn cho tất cả những người có tâm huyết trên thế giới đọc cuốn đó, mà chúng ta, người trong cảnh, lại không được đọc. Chúng tôi có phờ nhiều ông bạn tìm cho một bản cuốn *Thiên hồ Đế hồ* mà không ra. Ở nước nhà, loại cấm thư đó, hồi xưa tất nhiên ít ai dám đọc. Ai có cả gan sao chép mà giữ gìn, giấu giếm như châu bảo thì sau cuộc chiến tranh vừa rồi, e cũng không còn được. Ôi ! những thi văn huyết lệ của tiền nhân, mười phần nay còn được bao nhiêu.

Hễ viết về văn học hiện đại của ta thì thế nào cũng phải có một chương về văn thơ các nhà cách mạng ; và chương đó sẽ là một chương quan trọng vì thứ văn thơ ấy giọng luôn luôn thành thực, cảm động, mà lại phản ánh được một phần đời sống của dân

tộc — phần cao đẹp nhất, thống thiế nhất. Chúng tôi chắc chắn rằng nhiều bài so với bài *Hịch các tướng sĩ* của Trần-Quốc-Tuấn, bài *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn-Trãi không kém về một phương diện nào cả. Đọc văn học sử Trung-Hoa chúng tôi thấy người ta trọng những bài *Chính khí ca* của Văn-Thiên-Tường, *Hịch đánh Võ Tắc-Thiên* của Lạc-Tân-Vương

(1) Trong nguyên văn là ba « đại cương » tức ba mối lớn.

(2) Trong nguyên văn là « nhân loại bảo dữ », nghĩa là nhân loại coi nhau như đồng bào.

(3) Một vị thàm phán bảo chúng tôi rằng không có điều lệ đó trong hình luật, sự cấm đoán khắt khe như vậy có lẽ chỉ là do một nghị định nào đó của thực dân thôi.

(4) Tác giả muốn nói một điều trong hình luật ngày nay mà lại hợp với chính sách tàn ngược của Tần Thủy-Hoàng hồi xưa, cho nên dùng chữ « đảo » là ngược lại.

như quốc bảo ; và tôn những thi sĩ ái quốc như Lục - Du đời Tống, Phương-Hiểu-Nhự đời Minh như tinh hoa của dân tộc. Tinh thần đó rất đáng quý và chúng ta nên thu thập hết thảy những thi văn ái quốc trong một thế kỷ nay, nhất là những tác phẩm của nhóm Đông-Kinh nghĩa thực, của các nhà cách mạng Nguyễn-Thượng-Hiền, (1) Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trinh, Huỳnh-Thúc-Kháng... Tuy mất đã nhiều, nhưng số còn lại may ra cũng không đến nỗi ít lắm, nếu ai cũng lưu tâm về việc đó. Những cơ quan văn-hóa của chính phủ tất nhiên có nhiều phương tiện hơn tư nhân. Theo nguyện của chúng tôi thì công việc trên cần thiết hơn là dịch lại bộ *Truyền kỳ mạn lục* mà mấy chục năm trước Trúc-Khê đã dịch rồi, mà dịch đúng, không cần phải sửa chữa hay chú thích thêm nữa,

trừ một vài tiểu tiết ; nhất là khi bản dịch của số Tu-Thư đắt gấp ba, bốn bản dịch của Trúc - Khê do nhà Tân - Việt phát hành. Gần đây chúng tôi thấy cũng cơ quan đó tái bản bộ *Thượng Chi văn tập* của Phạm-Quỳnh. Công việc này cũng không hẳn là vô ích ; nhưng bao giờ chúng ta mới có một bộ Sào-Nam thi văn tập, hoặc Mai-Sơn thi văn tập... ? Tiền nhất định là dư, người chắc cũng không thiếu. Chỉ thiếu một chương-trình hợp lý, và nhất là một sự phối trí trong việc làm.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(1) Chúng tôi được biết vài vị đương khảo cứu về tiểu sử và thi văn cụ Nguyễn, chúng tôi rất mong rằng công việc đó sẽ hoàn thành trong năm nay.

Các bạn yêu thơ hãy tìm đọc

QUÊ NHÀ

(thơ CHU SƠN)

(mẫu bìa ĐÌNH CƯỜNG)

đã phát hành toàn quốc tháng 3-1964

phát hành trong tháng 4-1964

HOA THÂN — thơ Viên Linh

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN

Dầy 150 trang — giá 70\$

LIÊN-HIỆP-QUỐC VÀ CÁC NƯỚC LIÊN KẾT Á - PHI

● ANH VIỆT

TUY chưa được gia nhập Liên Hiệp Quốc nhưng nước Việt-Nam ta cũng là một nước Á Phi như các nước Á Phi khác. Hơn nữa trong vòng 20 năm gần đây. Việt-Nam đã đóng một vai trò càng ngày càng quan trọng trên diễn đàn quốc tế và nhất là trong cuộc tranh chấp Đông Tây.

Cuộc cách mạng vừa qua lật đổ chế độ độc tài thời nát cũ lại càng làm nổi bật vai trò đó lên. Vai trò đó như thế nào, hiện nay chúng ta chưa bàn tới. Nhưng có một điều chắc chắn là Việt-Nam không thể nào theo đuổi một chính sách tách rời khỏi các nước Đông Nam Á nói riêng và các nước Á Phi nói chung được.

Trong số 60 nước Á Phi ở L.H.Q. ngày nay có tới gần 50 nước là những nước thuộc thành phần các quốc gia

không liên kết. Vậy khi nói các nước Á Phi trong L.H.Q., ta không thể nào không biết tới vai trò của các quốc gia này.

Năm 1945, khi tổ chức Liên-Hiệp-Quốc được thành lập ở San Francisco người ta có thể coi nó như là một sáng tạo của Tây Phương. Thực vậy lối luận lý của nó cũng là lối luận lý Tây Phương, chịu ảnh hưởng sâu xa của những mẫu mực văn hóa và những giá trị Tây Phương và căn cứ trên những quan niệm pháp lý và đường lối thực hành của Tây Phương.

Các hội viên của tổ chức L.H.Q. lúc ban sơ đa số là các nước Tây Phương và thân Tây Phương nên cũng đã in cho tổ chức màu sắc của Tây Phương. Chúng ta đều biết 3 khối quốc gia hội đó hợp thành L.H.Q. là khối các nước tây Âu, khối các nước

Mỹ châu la tinh và khối Liên-Hiệp Anh. Chỉ có 4 quốc gia thuộc Phi châu là Ai Cập, Ethiopie, Liberia và liên bang Nam Phi. Cả khối Á Phi hồi đó chỉ có 13 nước được đại diện ở L.H.Q.

Trong hoàn cảnh đó, chúng ta cũng thừa hiểu vì sao quan điểm của Tây Phương thường là quan điểm của Liên Hiệp Quốc.

Tóm lại, đó là một tổ chức Tây Phương, làm việc theo lẽ lối nghị viện Tây Phương và trong phần lớn trường hợp thuộc quyền điều khiển của một bộ tham mưu gồm các chính khách thuộc các nước Tây Phương và như vậy, lẽ dĩ nhiên nó sẽ sẵn sàng làm những điều mà Tây Phương muốn nó làm mặc dầu có sự phá rối của Nga-Sô. Do đó chúng ta có thể hiểu vì sao trong thời gian gần 10 năm từ khi thành lập Liên-Hiệp Quốc, Nga sô đã chiếm giải quán quân trong việc sử dụng quyền phủ quyết, bỏ rất xa đằng sau các nước Anh, Mỹ, Pháp. Trái lại, Hoa-Kỳ dù có quyền phủ quyết mà không bao giờ dùng tới vì Hoa-Kỳ đã có tuyệt đại đa số ở Hội đồng Bảo An và Đại hội đồng Liên-Hiệp-Quốc để bảo vệ quan điểm của mình. Ta có thể nói là Tây Phương đã dùng tổ chức Liên-Hiệp-Quốc, dùng luật pháp quốc tế để bảo vệ quyền lợi riêng tư và nhiều khi thậm kín của họ.

Thời kỳ đó ngày nay đã qua rồi. Tất cả đều đã thay đổi Liên-Hiệp-Quốc không còn là một tổ chức chuyên độc của Tây Phương nữa cả về hai phương diện: quan điểm và thành phần.

Trong số 104 hội viên L. H. Q. tính đến mùa Xuân năm 1962 (hiện nay tổng số hội viên L. H. Q. đã lên

tới 113), có 30 nước là các quốc gia Phi-Châu (hiện nay tổng số các nước Phi-Châu được gia nhập L. H. Q. đã lên tới con số 37) biến Phi-Châu thành một châu có nhiều đại diện nhất ở Liên Hiệp Quốc. 52 nước Á-phi (hiện nay con số đó là 60) (1) có chân trong Liên Hiệp Quốc và chiếm quá nửa số phiếu của tổ chức này. Từ nay nhóm Á-phi đã nghiêm nhiên trở thành một lực lượng lớn nhất ở Liên Hiệp Quốc mà cả hai khối Cộng-sản và Tây Phương đều muốn tranh thủ để lôi kéo những lá phiếu về phía mình.

Trong số 51 nước Á-phi tính đến mùa xuân năm 1962, có tới 43 nước thuộc thành phần các quốc gia không liên kết. Vì thế chh nên khi nói tới các nước Á-Phi là người ta nghĩ ngay tới các quốc gia không liên kết. Sở dĩ gọi như vậy là vì các quốc gia đó không tham gia một khối liên minh nào về phe các nước Tây-Phương cũng như về phe các nước Cộng-sản. Thêm vào con số những nước không liên kết Á-phi đó, ta còn phải kể 7 quốc gia nữa tuy không phải thuộc khối Á-phi nhưng cũng là những quốc-gia Trung-lập. 7 quốc gia đó là: Áo, Chypre, Phần - Lan Ái-nhĩ-Lan, Israel, Thụy-Điển và Nam-Tur (Thụy Sĩ là một nước Trung-lập như lại không có chân trong tổ chức Liên Hiệp Quốc). Còn một điều nữa mà ta cần phải nói ngay là mức độ không liên-kết của các quốc trung lập thay đổi rất lớn tùy theo từng nước. Có những

(1) Thờ-nhĩ-Kỳ và Israel mặc dầu vị trí địa dư của mình không tự coi là thuộc nhóm các nước Á-Phi. Tổng số các nước Á-Phi hiện nay ở trong và ngoài L.H.Q. là 75.

nước như Guinée, Mali, Indonesia nghiêng hẳn về phía Cộng-sản thì cũng có những quốc gia như Mã-Lai, Liberia, Cameroun nghiêng hẳn về phía Tây-phương. Cũng có nhiều nước khác lại tỏ ý chí quyết tâm đứng ở giữa.

Dưới đây là một bảng phân phối các quốc-gia Á-Phi ra làm ba thành phần khuynh tả, khuynh hữu và ôn hòa (ở giữa) nhân vụ khủng hoảng Congo mà hầu hết các nước Á-Phi đều tỏ rõ lập trường của mình :

Khuynh tả : Ghana, Guinée, Indonesia, Mali, Maroc, Cộng-hòa Á-rập thống nhất.

Ôn hòa : Ethiopie, Liberia, Lybie, Nigeria, Somalie, Soudan, Togo, Tunisie và tất cả các nước trung lập Á Châu khác trừ Indonesia.

Khuynh hữu : Cameroun, Chad, Congo Brazaville, Dahomey, Gabon Côte d'Ivoire, Malagasy, Mauritanie, Niger, Senegal, Haute Volta. Thực ra cũng khó lòng đo lường được một cách chính xác thái độ khuynh tả hay khuynh hữu của các quốc gia không liên kết vì thái độ đó có thay đổi tùy theo từng việc và từng thời gian. Ví dụ như thái độ của Ấn-Độ đã chuyển từ khuynh tả sang khuynh hữu từ khi xảy ra những biến cố ở miền biên giới, mặc dầu cái nhà lãnh đạo Ấn-Độ vẫn cố gắng giữ cho nó đứng ở giữa.

Nhưng có một điều chắc chắn là các nước không liên kết đã đem lại cho tổ chức Liên-Hiệp-Quốc nhiều tập tục mới, nhiều ý tưởng mới, nhiều tiêu chuẩn bầu cử mới và nhiều vấn đề mới. Nó đã thay đổi hẳn bộ mặt của tổ

chức này cả vì phương diện quan điểm lẫn thành phần. Nhưng sự thay đổi cả về hành thức lẫn nội dung đó chỉ có thể đánh giá một cách đúng đắn sau nhiều năm hoạt động nữa của Liên-Hiệp-Quốc.

Rất có thể là các nước không liên kết Á-Phi hiện đang nắm trong tay họ tương lai và số phận của tổ chức Liên-Hiệp-Quốc. Họ có thể củng cố nó và cũng có thể phá vỡ nó. Liên-Hiệp-Quốc có lãnh đạo được chặt chẽ hay không, có hành động được quyết liệt hay không, một phần lớn cũng là nhờ ở thái độ của các quốc gia không liên kết Á-Phi có tích cực hay không tích cực ủng hộ nó.

Trong bài này chúng ta sẽ nghiên cứu thái độ của các quốc gia không liên kết Á-Phi đối với tổ chức Liên-Hiệp-Quốc hay nói khác đi họ sẽ quan niệm vai trò của họ trong tổ chức quốc tế này như thế nào, sự đóng góp của họ sẽ đến mức độ nào. Ta cũng cần chú trọng đến những lời phê bình chỉ trích hoặc xây dựng hoặc phá hoại của họ, đến những lá phiếu của họ nghiêng về phe này hay phe khác. Có hiểu rõ được hành động trong dĩ vãng của họ và những động cơ thúc đẩy hành động đó ta mới có đủ yếu tố để tiên đoán vai trò trong tương lai của họ. Đó là một vấn đề quan trọng bậc nhất đối với những ai muốn tìm sự ủng hộ của các quốc gia không liên kết Á-Phi hoặc muốn đề phòng những hành động của họ.

— Thái độ của các quốc gia không liên kết Á Phi đối với tổ chức Liên-Hiệp-Quốc. Thái độ tự

nhiên của các quốc gia không liên kết, phần lớn là các nước tiểu quốc, là đặt rất nhiều tin tưởng vào tổ chức Liên - Hiệp - Quốc. Điều đó cũng dễ hiểu vì một mặt họ là những quốc gia mới độc lập, họ đang oằn bả vệ nền độc lập của họ chống lại tham vọng của các nước lớn. Một mặt khác họ là những quốc gia không có vũ khí nguyên tử, họ rất e ngại một cuộc chiến tranh nguyên tử bùng nổ. Trái lại các đại cường quốc có vẻ như không cần đến tổ chức Liên-Hiệp-Quốc, vì họ có thừa sức để tự vệ trong trường hợp nguy khốn. Họ lại có vũ khí nguyên tử, có tác dụng hủy diệt ghê gớm và đe dọa hòa bình thế giới. Còn các quốc gia khác hoặc đứng hẳn về phe Nga-Sô trong minh ước Varsovie, hoặc đứng hẳn về phe Hoa-Kỳ trong các minh ước Nato Cento Seato trong hiệp ước Rio và nhiều hiệp ước phòng thủ khác như hiệp ước phòng thủ Mỹ, Nhật, Mỹ-Hàn, Mỹ-Hoa...nên nền độc lập của họ cũng được bảo vệ một cách hữu hiệu và do đó cũng không cần lắm đến sự bảo vệ của tổ chức Liên Hiệp Quốc. Riêng các nước không liên kết, nếu không được nấp dưới bóng của tổ chức này thì chắc chắn sẽ bị đứng lẻ loi, thiếu sự bảo vệ trong một thế giới mà kẻ mạnh vẫn dễ bề thao túng.

Đối với các nước nhỏ, đặc biệt là các quốc gia không liên kết, Liên Hiệp Quốc có một giá trị rất lớn. Liên Hiệp Quốc bảo vệ nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia đó và giúp đỡ họ nâng cao mức sống. Nhờ có Liên Hiệp Quốc mà một quốc gia bé nhỏ, tự họ không thể có đủ uy tín để buộc các nước khác phải nghe theo ý kiến của mình, nay hợp lực với nhiều

quốc gia khác. họ có thể gây một ảnh hưởng lớn lao và thực hiện được mục tiêu chính trị chung.

Hơn thế nữa, một nước với tư cách là hội viên Liên Hiệp Quốc có thể hành diện đứng trên vũ đài quốc tế ngang hàng với tất cả các nước khác không lo kém cạnh một ai. Vì thế cho nên đối với các quốc gia trung lập trừ Thụy-Sĩ ra việc tham dự vào các hoạt động của tổ chức Liên Hiệp-Quốc là một nhiệm vụ bắt buộc.

Trong nhiều bản tuyên bố, các vị lãnh tụ các quốc gia không liên kết đã nhấn mạnh cần phải triệt để ủng hộ tổ chức quốc tế này.

Thủ tướng Ấn-Độ Nehru khi tuyên bố trước đại hội đồng L.H.Q. khóa ngày 10 - 11 - 1961 đã nói : « Hơn bao giờ hết, những năm khó khăn và khủng hoảng gần đây đã chứng tỏ sự quan trọng của L.H.Q. Thực vậy nếu tổ chức L.H.Q. không còn nữa hoặc ngưng hoạt động, thế giới sẽ lâm vào cảnh hỗn mang. Vì vậy, không những tổ chức này cần phải hoạt động mà còn phải hoạt động hữu hiệu nữa với sự hậu thuẫn của toàn thể các quốc gia được đại diện ở đây. »

Nói về vai trò của các quốc gia không liên kết ở Liên-Hiệp-Quốc, các vị lãnh tụ của các quốc gia đó đã nhấn mạnh : trung lập không có nghĩa là không có thái độ gì trước vấn đề hòa bình và chiến tranh. Nó nhất định không có nghĩa là thụ động hoặc thoái thác trước những vấn đề thế giới khó khăn. Nó không có nghĩa là ngồi yên ở giữa (fence-sitting) và trốn tránh nhiệm vụ quốc-tế. Ý nghĩa của nó là các quốc gia

không liên kết không chọn đứng hẳn về một phía nào trong cuộc tranh chấp Đông-Tây và nhất thiết không tuân theo mệnh lệnh của một khối nào.

Trong phiên đại hội đồng L.H.Q. 1961, bộ trưởng ngoại giao Cộng hòa A-Rập thống nhất đã nhấn mạnh :

« Rõ ràng mục đích của các quốc gia không liên kết là cốt để đánh thẳng bằng những mâu thuẫn giữa hai khối đối lập có thể làm nguy hại cho hòa bình và an ninh thế giới. Thái độ của họ không thể là một thái độ thụ động, đứng dưng trước mọi việc xảy ra trên trường quốc tế cũng không phải là một vụ phản đối đơn thuần đối với hành động của hai phe đối lập trong cuộc chiến tranh lạnh có thể làm rung chuyển nền móng của hòa bình. »

Danh từ « trung lập tích cực » (neutrisme positif) vẫn thường được dùng để chỉ chính sách đó. Nó cốt để gây cho các quốc gia không liên kết một ý thức về nhiệm vụ của mình đối với công việc thế giới. Họ sẽ tự coi mình như một cái cầu bắc giữa hai phe đối lập. Chính đứng trên cương vị đó, họ có thể khách quan nhận định những lý do gây nên sự căng thẳng giữa hai bên trong cuộc chiến tranh lạnh. Với một nhận quan riêng biệt đó, họ tự cho là có khả năng, hoặc qua L.H.Q. hoặc bằng những phương tiện khác, ngăn cản không cho xảy ra những tình trạng có thể đưa đến chiến tranh giữa các cường quốc.

Tại khóa thứ 16 Đại Hội-Đồng L. H. Q. ngoại trưởng Irak đã tuyên bố : « Các quốc-gia không liên kết họp hội nghị ở Belgrade đã bày tỏ ý muốn không

phải là đứng ngoài cuộc tranh chấp giữa Đông và Tây mà là dùng mọi ảnh hưởng của mình để bảo vệ hòa bình công lý mà vẫn không đứng về một phe nào ».

Trong thế giới ngày nay, thái độ đó có phải là một thái độ thực tế và có thể thực hiện được không ? Chính sách không liên kết đó trong tổ chức Liên-Hiệp-Quốc liệu có củng cố được hòa bình thế giới trong giai đoạn hiện tại không ? Trong nhiều trường hợp, các quốc gia không liên kết đã phải nhìn nhận một sự thật khách quan là L. H. Q. không đủ uy quyền để gìn giữ hòa bình nhất là khi có những sự đụng chạm giữa các đại cường quốc. Đồng thời họ cũng đã nhận thấy rằng rất ít cuộc tranh chấp xảy ra mà không thuộc phạm vi của cuộc chiến tranh lạnh. Do đó nhiều nước đã sốt sắng đề nghị L. H. Q. theo chính sách của họ và nhận cả sự giúp đỡ quân sự của họ để đề phòng và đập tan cuộc chiến tranh lạnh giữa các cường quốc. Các vụ khủng hoảng ở Suez, ở Liban và ở Congo chỉ là những vụ điển hình. Trong tất cả các trường hợp đó, các quốc gia không liên kết ưa thích một sự can thiệp của các tiểu quốc dưới lá cờ của Liên Hiệp Quốc hơn là sự can thiệp của các đại cường, hàm hồ, kèn cựa nhau.

Nhưng điều đó không có nghĩa là các quốc gia không liên kết nhiệt thành mong muốn có một đạo quân Liên-hiệp Quốc hùng cường, trang bị vũ khí tối tân để bảo vệ hữu hiệu hòa bình và an ninh thế giới như điều 43 Hiến chương L. H. Q. đã nói. Về điểm đó ta phải nhận thấy là họ thực tế hơn là lý tưởng. Phần đông các nước này chỉ

tán thành việc thiết lập một bộ tham-mưu quân đội L. H. Q. có nhiệm vụ nghiên cứu những khả năng hành động tập thể để kịp thời đối phó với tình thế có thể xảy ra. Họ chỉ muốn mỗi nước góp một ít quân cho L. H. Q. vừa đủ để bảo vệ hòa bình và cũng chỉ vào lúc hữu sự mà thôi. Rất ít nước mong muốn thành lập một đạo quân thường trực L.H.Q. một lực lượng hòa bình cho tương lai. Ít nhất là về điểm này họ không có một chút ảo tưởng nào.

Đối với những vấn đề giải quyết những tranh chấp bằng đường lối hòa bình, các quốc gia không liên kết cũng có một thái độ tương tự. Ở khu vực chậm tiến thường hay xảy ra các cuộc tranh chấp giữa hai hay nhiều tiểu quốc. Muốn giới hạn các cuộc tranh chấp đó và tránh không để cho các đại cường can thiệp vào, các quốc gia không liên kết có sự hướng muốn ủng hộ đường lối hòa bình của L.H.Q. theo đó L.H.Q. phải có mặt ở những nơi mà trật tự bị đảo lộn. Thực ra thái độ đó không phải lúc nào cũng như vậy. Ta phải phân biệt những cuộc tranh chấp giữa các cường quốc và những cuộc tranh chấp địa phương chỉ liên quan đến quyền lợi quốc gia của các nước không liên kết, nhất là những cuộc tranh chấp về lãnh thổ.

Trong trường hợp có một cường quốc tham gia vào cuộc tranh chấp, xu hướng của họ là muốn nhờ đến sự can thiệp của L.H.Q. Ví dụ như Ba tư đã nhờ Hội đồng Bảo An can thiệp để buộc Nga phải rút quân nhanh hơn vào năm 1946, Nam-Hàn đã được quân đội L.H.Q. trợ lực để đẩy lui

cuộc tấn công của Bắc-Hàn vào năm 1950, Ai-Cập cũng đã nhờ đến sự can thiệp của L.H.Q. để giải quyết vụ khủng hoảng Suez. Trong nhiều trường hợp khác, các quốc gia không liên kết lại chống lại sự can thiệp của L.H.Q. Đó là trường hợp mà họ thấy sự can thiệp đó có hại cho quyền lợi quốc gia của họ. Ví dụ như Ấn-Độ không muốn L.H.Q. can thiệp vào vụ Kashmir và vụ Goa, Indonésia không muốn L.H.Q. can thiệp vào vụ Tây hian, Maroc không muốn L. H. Q. can thiệp vào vụ Mauritanie.

Mặc dầu các quốc gia không liên kết có thể không đồng ý với nhau về quan niệm tổ chức L.H.Q. và về vai trò của tổ chức này, nhưng có một điểm họ đồng ý với nhau và họ muốn L.H.Q. phải thực hiện. Đó là việc quét sạch chủ nghĩa thực dân khỏi mặt địa cầu này. Họ cho rằng nhiệm vụ đó của L.H.Q. phải là một nhiệm vụ chủ yếu. Hiện nay, chủ nghĩa thực dân và đế quốc vẫn còn tồn tại, chủ nghĩa thực dân mới đang nảy nở. Nhiệm vụ của L.H.Q. là phải bài trừ tai họa đó cho nhân loại được sống an vui. Họ cũng công nhận là L.H.Q. còn nhiều nhiệm vụ khác cũng rất khẩn thiết ví dụ như vấn đề giải trang, vấn đề mở mang kinh tế và bảo vệ hòa bình. Nhưng đem so sánh với vấn đề chủ nghĩa thực dân thì các vấn đề trên đều có tính cách phụ thuộc bởi vì, theo họ thì tất cả đều bắt nguồn từ chủ nghĩa thực dân hoặc có liên quan mật thiết với chủ nghĩa này. Ngày 26-9-1961 ngoại trưởng Ghana là ông Ako Adjei đã tuyên bố: « Theo ý chúng tôi, chủ nghĩa thực dân là cái họa lớn nhất của thế giới

ngày nay. Nó là nguồn gốc của tất cả những rối loạn đang làm đảo lộn nhân loại. Nó là cội rễ của ý chí võ trang và do đó nó cũng là cội rễ của cuộc chạy đua võ trang và của vấn đề giải trang. Chủ nghĩa thực dân mới và cũ là một sự đe dọa thường xuyên cho hòa bình và an ninh thế giới ».

Nhiều người có thể không tán đồng quan điểm đó. Nhưng nếu ai đã được

nghe những bài diễn thuyết trảng thiên đại hải của các đại biểu Phi-Châu và Á Châu trên diễn đàn L.H.Q. lên án chủ nghĩa thực dân họ mới thấy rõ tất cả tầm quan trọng mà các nước không liên kết Á Phi dành cho vấn đề này.

Kỳ tới: Lá phiếu và vai trò tương lai của các quốc gia không liên kết tại Liên Hiệp Quốc.

ANH-VIỆT

BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

- Một tập tài liệu phong phú về mọi mặt : chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, giáo dục, quân sự v.v...
- Một tập tác-phẩm đã in và sẽ in thành sách : Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết, Lược khảo văn học, Tiểu thuyết hiện đại, Tìm hiểu Hội Họa, Vườn Mây, Hòa Âm, Cái bong bóng lợn, Vượt thác, Mùa xuân trên đỉnh non cao, Mưa đêm cuối năm, Đêm xuân trắng sáng, Giã từ, Thư nhà, Lá vẫn xanh v.v...

BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

- Mỗi năm : 4 tập 24 số : 260 \$
- 7 năm : 20 tập 168 số gồm có :
- 8 tập (1957-60) mỗi tập 12 số (giá 1 tập 110 \$)
- 12 tập (1961-63) mỗi tập 6 số (giá 1 tập 65 \$)

BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

Có bán ở các hiệu sách và tại tòa soạn Bách Khoa

160, Phan-Dinh-Phùng Sài Gòn

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khoẻ mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG - SAIGON

Các trào-lưu lớn của tư-tưởng hiện-đại

Nguyên tác : ANDRÉ MAUROIS

TRÀNG THIÊN dịch

(xin xem B.K. số 173)

II

VÀO khoảng đầu thế kỷ thứ XX, các thắng lợi phi thường của phương pháp khoa học đã phát sinh ra những thành công lớn lao, các thành công này sẽ đưa tới những hậu quả bất ngờ và gây ra nhiều phản ứng mạnh mẽ. Đối với thiên nhiên con người đã có một ảnh hưởng hoàn toàn mới mẻ. Khả năng sản xuất của họ tăng lên, mà khả năng phá hoại cũng thế. Nhưng các chế độ của họ lại không tiến nhanh bằng các kỹ thuật. Nhiều chủ trương quốc gia, gần như sự điên rồ tập thể, tưởng vẫn còn có thể choảng nhau vô tội vạ, trong khi đó thì, với sức mạnh của vũ khí mới, một cuộc chiến tranh thắng tay có nghĩa là sự diệt vong của tất cả mọi quốc gia. Việc phân phối của cải vẫn còn bất công. Về phía các tầng lớp giàu có, chủ nghĩa duy vật gây nên một lòng thèm muốn hưởng lạc tức thì, mà các tôn giáo thì, than ôi, chỉ còn

là chuyện ngoài lưới chứ không ăn thua gì đến trong lòng cho nên không còn kìm hãm sự thèm muốn kia được nữa ; về phía các tầng lớp nghèo khổ thì cũng một chủ nghĩa duy vật ấy gợi lên một lòng thèm muốn hạnh phúc ở cõi đời này, mà chủ nghĩa mác-xít đã cung cấp sẵn cho lòng thèm muốn ấy một học thuyết và một chiến thuật làm lợi khí.

Khoa học có vẻ vững chắc quá nên người ta không dám công kích đến các phương pháp và thành quả của nó, nhưng mà một cuộc nổi loạn chống lại cái tri thức luận lý đã tiếp liền theo cuộc nổi loạn chống lại xã hội. Ngay từ năm 1815, người ta đã nhận thấy phản ứng của Bonald, của Maristre, chống lại thế kỷ thứ XVIII và chống lại thứ lý trí biện luận áp dụng vào chính trị và vào tôn giáo. Vào khoảng 1900, triết học của Bergson không phủ nhận hiệu lực của lý trí trong những công việc được xác định rõ ràng, nhưng lại phân biệt ra một bên là *vật chất*, vâng theo các định luật lý hóa học,

và một bên là *sự sống*, vốn là cái gì khác và hơn. Một cái đã sống, tự do và sáng tạo, biểu hiện ra trong các bản năng và trực giác, chỉ có những cái ấy mới cho ta hiểu được sự sống. Trí thông minh suy lý thì chỉ hiểu tử vật mà thôi. Bởi vì Bergson xem trực giác thần bí là một hình thức chính đáng của tri thức, cho nên triết học Bergson biện minh cho một sự phục hồi của tôn giáo. Péguy, là người tôn giáo, đã giải thích nó chính theo cái nghĩa đó, trong khi ấy thì Georges Sorel, trong cuốn *Nghĩ về bạo động*, lại tìm thấy ở nó sự biện minh cho một thứ cách mạng không mục đích rõ ràng và cũng mỗi lúc mỗi tự mình sáng tạo ra mình, như là sự sống vậy. Bonaparte đã nói: «Cách mạng phải tập đùng có tiên liệu gì cả».

Tác phẩm của Proust, mặc dù trí thông minh đáng khen của tác giả, cũng lại là phản duy trí và phi lý trong bản chất của nó. Proust là con của một y sĩ, bản tính lại theo tự nhiên chủ nghĩa, ông tin tưởng ở khoa học và tin rằng thế giới vâng theo các định luật. Nhưng ông cho ta thấy rằng thế giới bên ngoài không thể biết được. Về thực tại chúng ta chỉ biết được những hình ảnh do chính những cái đèn chiếu của chúng ta chiếu sáng, và khi chúng ta yêu người đàn bà nào thì bảo người ấy là đẹp. Còn về thế giới bên trong, thì nó luôn luôn biến đổi, cho nên ta không sao bắt gặp được. Chỉ có thế giới của nghệ thuật là tuyệt đối, mà chính nó lại cũng được nhận biết bằng trực giác.

Cuộc sống như nó vẫn trôi qua vốn chỉ là thời gian mất đi mà thôi, chỉ có thể thực sự sống và cứu vãn được cái gì dưới hình thức của vinh cửu tức cũng là hình thức của nghệ thuật. Giữa quan niệm thần bí của người nghệ sĩ và của người tín đồ, không có sự xung đột nào cả. Kẻ xây dựng thánh đường và người tiêu thuyết gia thần bí đều coi thường như nhau những cái bề ngoài hư ảo. Sau bao nhiêu căm dỗ và đấu tranh, thánh nhân và nghệ sĩ, cả đôi bên, đều bị đưa tới một cuộc sống khổ hạnh. Cần ghi nhận rằng, ở thế kỷ chúng ta, đối với những đầu óc tôn giáo mà không thuộc vào một tín ngưỡng nào rõ rệt, thì sự giải thoát bằng nghệ thuật ấy đã là một hình thức tôn giáo; còn có những tín đồ, như Charles du Bos, đã tiến đến Thiên chúa giáo bằng con đường nghệ thuật.

Nhưng vào cái thời mà Bergson và Freud đang quyến rũ nhiều người như thế và Proust đang phác ra bộ tiểu thuyết vĩ đại của mình, thì xung quanh họ hãy còn tồn tại vững chắc cái xã hội của năm 1910 vốn tự tin là đủ mạnh để không sợ gì tới chuyện các nguyên tắc của nó bị tan rã. Bởi xã hội ấy mạnh, cho nên nó mới sinh ra những kẻ phiến loạn. Người ta chỉ nổi lên chống lại cái gì vững chắc. Một lần nữa lại phát sinh ra một khuynh hướng lãng mạn, một ước muốn thoát ly, một căn bệnh thời đại. Anh chàng Lafcadio của Gide là một kẻ lãng mạn ăn hình. Gide chống lại hết thấy mọi hình thức của uy

quyền : gia đình, đạo lý về dục tình, xã hội, trong khi ông vẫn tiếp tục giữ cái địa vị đại tư sản một cách vô tội vạ. Vào đầu thế kỷ thứ XX, sự nổi loạn trí thức và đạo đức là một cái « mốt » ; đó không phải là một cuộc cách mạng. Xã hội của năm 1914 mang nơi mình những chất nổ sẽ tàn phá nó. Chỉ cần có bốn mươi năm là đủ để đánh gục, hay ít ra cũng để làm đảo điên một xã hội mà, trước đây mấy chục năm, ngay đến những địch thủ của nó cũng tưởng là bất khả xâm phạm.

* *

1950. Hai cuộc thế giới chiến tranh đã tiêu hủy cái vốn liếng vật chất và tinh thần tích tụ bằng bao nhiêu thế kỷ làm việc. Bị đè nát dưới hai kẻ khổng lồ, Âu châu điêu tàn cực nhọc gượng dậy và sống lây lất qua ngày. Những hình ảnh về thế giới mà hồi cuối thế kỷ thứ XIX đã tưởng như hiển nhiên, thì bây giờ hóa ra hoặc sụp đổ hoặc không có gì chắc chắn. Trái với sự tin tưởng của các nhà thông thái hồi 1900, cơ cấu của vũ trụ hiện ra phức tạp vô cùng. Ngày trước thì nguyên tử là bất khả phân theo định nghĩa, bây giờ nó thành ra một thế giới phải thám hiểm mà không sao nhìn thấy. Chính nhà vật lý học cũng thú nhận rằng cái khoa học của mình là chủ quan và trí óc đã biến dạng, hoặc đã bày đặt ra cả những định luật mà nó tìm thấy. Có kẻ bảo rằng các định luật ấy có tính cách thống kê và ở tỷ độ cực tiểu thì tất định luận không còn đúng nữa.

Trong các ngành kinh tế, chính trị, người ta quay về thái độ duy nghiệm hèn mọn nhất. Thế kỷ thứ XIX đã từng hy vọng dùng phương pháp giáo dục làm cho con người thành ra một sinh vật sống hợp lý. Nửa thế kỷ hung bạo đã nhắc đến sự có mặt của những con thú hoang nằm trong cái « bị thịt » Thế giới những trại tập trung đã làm quên mất thế giới không tưởng. Ý sĩ và tiểu thuyết gia cùng mô tả cái biển ngầm của những bản năng và mặc cảm, trên đó lý tính nổi như một chiếc nút chai. *Hoang mang* là danh từ sở trường của các tác giả trẻ ngày nay. Con người mất sự tin tưởng ở con người. Từ năm 1931 Valéry đã viết: « Người La-mã đã tìm thấy trong mớ ruột gà con của họ nhiều tư tưởng đúng và hợp với luận lý hơn là những tư tưởng mà tất cả các khoa học chính trị của chúng ta có thể chứa đựng ».

Sự thất bại ấy lại càng thêm lạ lùng là vì chưa bao giờ trí óc con người lại thu đạt được nhiều thắng lợi bề ngoài như lúc này. Trong vòng nửa thế kỷ này, con người đã chiến thắng tự nhiên đến nỗi không có nhà thông thái nào năm 1900 có thể tiên đoán nổi. Chúng ta đã chinh phục được một yếu tố mới là : không khí ; chúng ta chuyển dịch trong không khí với những tốc lực nhanh hơn cả tiếng động. Việc biến chất các nguyên tố, vốn là giấc mộng của các nhà thuật sĩ luyện kim, từ nay sẽ là một công việc trong phòng thí nghiệm. Công cuộc phân tán nguyên tử cung cấp cho chúng ta một nguồn

năng lực vô biên. Một phương trình ngắn ngủi của Einstein đủ cho cậu học sinh biết rằng mọi chất thể đều chỉ là năng lực cô đọng lại. Thực tại hàng ngày của chúng ta không khác gì những chuyện trong cuốn *Nghìn lẻ một đêm* Tám trăm bảy mươi hai giờ tên là *Hàng không Pháp-quốc*. Nhà pháp sư có thể gọi cô ý trung nhân vàng mặt bằng cái ma thuật tân thời là : vô tuyến truyền hình. Các xưởng máy plát-tíc của chúng ta cũng lấy trái bí làm ra xe cộ được như là mẹ đỡ đầu cô Lộ Lem xưa kia. Sinh vật học sau này cho con người có một quyền hạn đối với con người. Các kích thích tố thay đổi tính khí và cả đến các tâm tính nữa. Nhà di truyền học tạo ra các chủng tộc. Người ta có thể thấy trước ngày mà họ sẽ chỉ cần đến một tác động máy móc và đơn giản đối với các dây nhiễm sắc thể, là thay đổi được một nét di truyền nào đó. Quốc gia sẽ ấn định những kiểu mẫu nhất định và chia thành từng loại và điều dự đoán kinh hãi của Adous Huxley sẽ chỉ là một bức tranh tả thực các xã hội của chúng ta. « *Eritis sicut dei...* Các người sẽ giống như những vị thần thánh » ; đó là lời gọi kêu không ngọt của Quý Sứ trong năm mươi năm gần đây.

Quyền năng và bất lực của con người. Trong nửa thế kỷ bất hạnh này, chúng ta đã tìm được cách can thiệp hữu hiệu hơn bao giờ hết vào các sự vận chuyển của vật chất và của sự sống. Thế rồi con quái vật mà chúng ta tưởng đã khuất phục được bỗng quay lại

quật chúng ta. Chưa bao giờ chúng ta làm chủ được sự vật đến thế, cũng chưa có bao giờ chúng ta ít làm chủ vận mệnh mình đến thế. Chẳng bao lâu nữa, chúng ta sắp làm ra được vàng, nhưng không thể giải quyết được sự tương hợp giữa giá cả và lương bổng. Chúng ta tạo ra được các chủng tộc, nhưng không thể tiêu diệt được sự kỳ-thị chủng tộc. Chúng ta tiêm được các thứ tình cảm vào người, nhưng không còn cảm thấy được những tình cảm tự nhiên nữa. Cảm tưởng về một ngày mai bất định, sự thất vọng đen tối của cả một thế hệ thanh niên đã đem cuộc sống của xác thịt thay thế vào cuộc sống tình cảm. Các sự phân tích của Proust, tinh tế và đúng, nhưng không vì thế mà ít nguy hiểm. Về chuyện tình cảm cũng như là về sự chuyển động, người ta không thể nào đem nó ra phân tích mà không hủy diệt mất nó. Lý luận đã diệt mất cái hồn của Albertine, cũng như Zénon đã diệt mất sự chuyển động của mũi tên. Tâm lý học tế vi là đúng, cũng đúng như vật lý học các phân tử vi ti, nhưng ở tỷ độ chúng ta thì cả môn học này lẫn môn học kia đều không làm sức mẻ gì đến các luận cứ cổ điển do kinh nghiệm đem đến. Cũng theo kiểu ấy, các cuộc phát minh của thế kỷ thứ XX không hề làm giảm giá chút nào các thứ tự do và các giá trị vốn chỉ có chúng mới khiến cho có thể có được tự do. Vì đã quên những điều ấy cho nên tay phủ thủy tập sự đã đâm ra bối rối.

(Còn tiếp một kỳ)

TRANG THIÊN

MỘT QUAN NIỆM VỀ SỬ HỌC

(Viết theo giáo sư Asa Briggs)

PHI BẰNG

GẦN đây, tình cờ đọc một bài nhan đề là «Địa vị sử học», đăng trong tờ tạp chí Bách-Khoa, tôi chợt nhớ tới một buổi phỏng vấn giáo sư Asa Briggs cách đây không lâu tại trường đại-học Leeds ở Anh Quốc. Giáo sư Asa Briggs hồi đó dạy môn Lịch sử Cận kim, và đã từng giảng về khoa Lịch sử Kinh tế và Xã hội Cận kim tại trường đại học Oxford. Tôi rất thích lối trình bày một cách khúc chiết rõ ràng những ý kiến của ông về môn Sử học, nên viết bài này theo những ý kiến đó để công hiến bạn đọc.

. . . Không phải chỉ có các sử gia mới viết sử, và tất nhiên rất nhiều người thích đọc sử mà không phải là những sử gia. Sở dĩ như vậy vì lịch-sử là môn học về quá khứ, về tất cả

mọi hoạt động của con người trong quá khứ chứ không riêng về những hoạt động chính trị mà thôi. Lịch sử đã được viết dưới nhiều hình thức, từ những ký sự tiểu sử cá nhân cho tới những tác phẩm vĩ đại, công trình sưu tầm tập thể của nhiều nhà học giả. Tuy nhiên người đọc sử và viết sử thì nhiều, nhưng ít ai để tâm suy luận về địa-vị của môn sử học, về những phương pháp của nó và về những mối tương-quan giữa nó với các khoa học khác.

Sử học là môn học về toàn thể cuộc sinh hoạt của xã hội trong quá khứ, với muôn mặt phức tạp như cuộc sinh hoạt hiện tại, do đó hầu hết các sử gia đều chuyên riêng về một thời kỳ có giới hạn nào đó hoặc một khía cạnh đặc thù nào đó của quá khứ. Có những sử gia

«thượng cổ», «trung cổ» hoặc «cận kim». Lại nữa trong mỗi phạm trù lớn như vậy còn có những sử gia chuyên riêng về từng thế kỷ. Tuy nhiên việc phân chia lịch sử thành từng thời kỳ chỉ có mục đích giúp cho việc nghiên cứu quá khứ được dễ dàng. Đã hẳn thế kỷ thứ 19 ở Đức khác thế kỷ thứ 19 ở Pháp hay ở Trung-Hoa. Do đó các sử gia đã phân chia công việc của họ theo một quan điểm khác: các sử gia chính trị chuyên nghiên cứu về sự phát triển của các quốc gia, nhưng mỗi bang giao giữa nước này với nước khác, cũng như cuộc tranh dành để chiếm quyền lực cả trong phạm vi quốc gia lẫn quốc tế. Các sử gia kinh tế chuyên khảo về phạm vi và tổ chức của các hoạt động kinh tế, mối tương quan giữa chủ và thợ, giữa nhà sản xuất và người tiêu thụ, mối liên lạc hoặc mâu thuẫn giữa một nền kinh tế này với một nền kinh tế khác. Lịch sử chính trị và kinh tế chỉ mới là hai trong số rất nhiều bộ môn khác của Sử học, và những bộ môn này dường như mỗi ngày một thêm nhiều. Ta có Giáo sử, Chiến sử, Văn hóa sử, Xã hội sử, ta lại có Lịch sử nghệ thuật, Lịch sử âm nhạc, Lịch sử Khoa học, Lịch sử Kỹ thuật v.v... Tóm lại mỗi người đều có thể tìm thấy trong lịch sử bộ môn hợp với sở thích và sở trường của mình. Cổ nhiên việc chia lịch sử thành từng bộ môn cũng như thành từng giai đoạn đều cố tính cách nông cạn và độc đoán, nhiều khi có hại cho tính cách thuần nhất của quá khứ. Do đó, ta thường thấy những trang sử lý thú nhất là những trang sử vạch một dấu nối giữa những biến chuyển kinh tế và chính trị hoặc các ngành sinh hoạt khác.

Bây giờ chúng ta xét tới vấn đề tại sao người ta viết sử và đọc sử. Có nhiều động lực: người ta viết sử và đọc sử để di dưỡng tinh thần, để tìm một lối sống trong quá khứ và lánh tránh cuộc đời ô trọc hiện tại. Có người quan tâm tới cái dĩ vãng đã hoàn toàn mai một khi những nhân vật, những vấn đề đã chìm sâu vào lòng thời gian. Cũng có người quan tâm tới dĩ vãng khi nó còn linh động, khi bối cảnh của nó còn liên quan mật thiết với hiện tại và có vẻ là nguyên nhân của những biến chuyển đương thời. Tất nhiên một số đông người khảo sát lịch sử vì họ tin rằng sẽ tìm được bài học giúp họ hiểu biết không những hiện tại mà cả tương lai nữa.

Trong việc viết sử và đọc sử, dù do động lực nào thúc đẩy, người ta cũng không thể hoàn toàn tách rời quá khứ ra khỏi hiện tại. Các sử gia trong khi mô tả cuộc sinh hoạt quá khứ thường thường cũng bộc lộ trong tác phẩm của họ những nét sinh hoạt đặc thù của chính bản thân và thế hệ mình. Mỗi thế hệ mới lại khám phá ra được những sự kiện mới và tương quan giữa quá khứ với hiện tại luôn luôn thay đổi. Khuôn khổ của quá khứ luôn luôn được nhào nặn lại. Và đó không phải là công việc của riêng các sử gia. Các chính khách thường hay căn cứ vào những thuyết lịch sử mà họ tin là đúng để đưa ra những đường lối chính sách của họ. Chính các sử gia thường cũng bị những giá trị và thái độ chung của người đương thời chi phối. Có thể nói mỗi thế hệ người Việt sẽ phải viết pho Việt sử của mình. Chính vì những lý do kể trên, người đọc sử cần phải có óc

nhận xét và phê bình, và người ta đã công nhận rằng khoa học về Lịch sử của Lịch sử (Historiography) là một trong những bộ môn quan trọng nhất của Sử học cần được nghiên cứu kỹ lưỡng.

Tới đây ta có thể nêu lên câu hỏi: vậy thì công việc của Sử gia là gì? Dù chuyên về thời đại nào hoặc khía cạnh nào của cuộc sinh hoạt quá khứ, các sử gia không phải chỉ làm công việc sưu tầm những sự kiện lịch sử rồi sắp đặt theo thứ tự năm tháng. Họ phải nêu lên rất nhiều câu hỏi. Sự việc gì đã xảy ra? Xảy ra như thế nào và vào lúc nào? Tại sao? Hậu quả như thế nào? Có thể có nhiều câu trả lời cho những câu hỏi đó, và trong những pho sách lịch sử, chúng ta đã thấy bao nhiêu là câu trả lời khác nhau cho cùng một câu hỏi. Chính vì thế, học về lịch sử tức là làm một công việc điều tra, và những cuộc điều tra lịch sử hiếm khi được coi là hoàn tất. Các sử gia có những phương pháp điều tra khác nhau tùy theo bộ môn của họ, thí dụ sử gia kinh tế có thể mượn những phương pháp của nhà kinh-tế học, và do đó nhiều khi ta nhận thấy những trang sử kinh tế khó đọc hơn những trang tường thuật trong lịch sử chính trị chẳng hạn. Tuy nhiên dù theo phương pháp nào đi nữa các sử gia cũng phải bắt đầu công việc của mình bằng cách nêu lên những câu hỏi và những bằng chứng lịch sử, đồng thời phải chứng minh tính cách xác đáng của những bằng chứng đó và nhận định mối liên quan giữa chúng với vấn đề. Có hai thứ bằng chứng lịch sử hoặc sử liệu. Thứ nhất là những điều mà tổ tiên chúng ta cố ý

muốn lưu truyền lại cho hậu thế như những văn kiện chính thức, những tài liệu được viết trên giấy trắng mực đen hoặc ghi khắc vào biển đồng bia đá v.v... Thứ hai là những bằng chứng ngẫu nhiên, những « Lời thú tội vô tình » của người xưa. Những tài liệu này không phải do cố nhân cố ý soạn thảo ghi chép để lưu truyền về sau, trái lại nhiều khi còn bị người xưa tìm hết cách để làm cho phi tang đi nữa. Có thể kể vào loại thứ hai này những kỹ thuật khảo cứu và những lối giải thích tức là các thuyết lịch sử của những thế hệ kế tiếp. Giữa các sử liệu thường có những chỗ trống và những chỗ mâu thuẫn. Ở đây sử gia phải làm công việc của nhà thám tử: bổ khuyết những chỗ trống đó và giải đáp những uẩn khúc lịch sử. Đúng như lời nhà viết sử người Anh G. M. Trevelyan đã nói: « Xét về nhiều phương diện, sử gia phải hiểu biết về những điều kiện sinh hoạt trong một thời đại quá khứ một cách rõ ràng đầy đủ hơn chính những người sống trong thời đại đó và bị bao bọc chi phối bởi những điều kiện đó ».

Đặc tính của những bằng chứng lịch sử đã như vậy, cho nên không có một môn học nào chứa đựng nhiều mâu thuẫn nội tại được bàn cãi nhiều hơn môn sử học. Hiện nay người ta vẫn còn bất đồng ý kiến một cách sôi nổi về những nguyên nhân và hậu quả của những biến cố lớn lao trong lịch sử nhân loại như: sự tan vỡ của Đế quốc La-Mã, sự thành hình của chế độ tư bản, cuộc cách mạng kỹ nghệ hoặc cuộc cách mạng Pháp v.v... Ngay cả đến những sử gia tự cho rằng

mình chỉ làm công việc ghi chép những sự việc đã xảy ra cũng không thoát khỏi những điểm mà người ta bất đồng ý kiến. Những điều mà họ không ghi chép vào sử sách nhiều khi lại được người ta coi là có ý nghĩa hơn những điều mà các sử gia khác có ghi. Lịch sử chính là cuộc đời, vì thế muốn hiểu lịch sử, cần phải hiểu bối cảnh và những hàm ý của những mối mâu thuẫn trong lịch sử, công việc này nhiều khi đòi hỏi một kinh nghiệm sống tối thiểu và ít nhiều óc phán đoán. Do đó, Sử học là một môn học có lẽ thích hợp cho những người đã trưởng thành hơn là cho thiếu niên.

Như trên đầu bài đã nói, lịch sử có thể được viết dưới nhiều hình thức, từ ký sự, tiểu sử cho tới sách giáo khoa và những công trình tổng hợp vĩ đại. Những thiên khảo luận về những sự kiện lịch sử riêng biệt nhiều khi cũng rất có giá trị, nhưng tất nhiên cần được bổ khuyết bằng cách khảo sát những tài liệu bao quát hơn. Nhìn vào quá khứ, các sử gia có thể dùng kính hiển vi, cũng có thể dùng viễn vọng kính. Họ có thể tự coi mình là những kỹ thuật gia hay những nhà tiên tri, kết quả ra sao, các sử gia khác và người đọc sử sẽ phán đoán.

PHI BẢNG

• SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN •

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : PARIS TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Nói về xuất xứ danh từ Nhân-Sĩ

● PHI-Y-TỬ

TRONG tạp chí Bách-Khoa số 169 ra ngày 15-1-1964, Ông Đông-Hồ có viết một bài Mạn đàm về Nhân-sĩ.

Nội dung bài có nhiều tài liệu và ý kiến, chứng tỏ là Ông đã có công kê khảo và bình thuyết, giọng văn rất vui. Tôi rất tán đồng nhiều ý kiến của Ông và, hơn nữa lấy làm thích thú.

Song, tựu trung có một điểm mà Ông Đông-Hồ đã nêu ra ở bài này thì, tôi không cùng kiến giải như Ông, tức là điểm xuất-xứ danh từ hai chữ Nhân-sĩ vậy.

Trong số Bách-Khoa nói trên, ở trang 117, Ông có viết: « Bởi lẽ xuất xứ hai tiếng nhân sĩ rất mơ hồ... » (mặc dầu Ông đã thêm: « ... Mơ hồ, nhưng không phải

là không có »). Và, « Chớ nếu nó đã có mặt trong các từ điển, có mặt trong các dụng ngữ thường đàm... thì đã chẳng có chuyện »...

Ông còn viết tiếp: « Trong các sách từ điển Hán Việt, các sách Từ Nguyên, Từ Hải, Từ Uyển của Tàu cũng đều không có ».

Sau hết, Ông lại viết một cách đoán-định rằng: « Nó là một Hòa-ngữ »...

Từ đây trở lên là tôi lược thuật lại cái kiến giải của Ông về xuất xứ danh từ hai tiếng Nhân sĩ.

Phần dưới đây là phần tôi bày tỏ kiến giải của tôi cũng về xuất xứ danh từ ấy.

Ông Đông-Hồ đã gán cho cái xuất xứ danh từ ấy một tiếng « mơ

hồ », vì Ông đã tìm trong các từ điển Hán-Việt và 3 thứ từ điển của Tàu đều không có.

Vậy sự thực thì nó có « mơ hồ » không ?

Nay trước hết tôi hãy xin :

1— Mách giúp Ông, Đông-Hồ một xuất-xứ cũ-kỹ và rất chân-xác của danh từ hai tiếng Nhân-sĩ.

Mời Ông cùng tôi mở thiên Tiều-Nhã trong Kinh-Thi, ở dưới chương Uất-liêu, trên chương Thái-lục thì, chúng ta sẽ thấy... thấy chương Đô Nhân-Sĩ, có 5 chương, mỗi chương 6 câu. Bốn chương trên đều bắt đầu bằng câu « Bỉ đô-nhân-sĩ », riêng một chương cuối thì bắt đầu bằng câu « Phỉ y thùy chi ».

Một điển cổ mà có sách vở, đủ chương cú như thế, theo ý tôi, tưởng đã minh-xác lắm vậy.

Còn như ông nói : Đã tìm trong các từ điển Hán Việt và... đó lại là một duyên cớ khác. Tôi lại xin mách Ông cái duyên cớ ấy như sau:

2— Tôi cũng như ông (đây là tôi đoán thế) — thoát kỳ thủy tôi cũng tìm hai tiếng Nhân-sĩ ở hai quyển Từ-nguyên và Từ-hải trong bộ Nhân, thấy rất nhiều tiếng bắt đầu bằng chữ Nhân, mà duy hai tiếng Nhân-sĩ thì không thấy. Thực là một sự ngạc nhiên. Có phải không, thưa Ông.

Tôi bèn lần tìm trong ký-ức, đề cố nhớ lại ít nhiều từ ngữ bắt đầu bằng chữ Nhân như : Nhân giám, nhân tài, nhân thụy ở các sách chữ Hán mà tôi đã học trong

thời Hán học toàn thịnh (vào khoảng 1911-1912 chẳng hạn). Âu cũng do một sự ngẫu nhiên đã sui khiến tôi sức nhớ ra câu « Bỉ đô nhân-sĩ ».

Tuy vậy, mà vẫn chỉ nhớ mang máng thế thôi, không thể nhớ đích xác 4 chữ ấy đã xuất hiện ở sách nào.

Tôi lại nghĩ lần thân : « Hay là thử chia bốn chữ ấy làm hai phần, hãy tạm gác chữ thứ nhất ra, mà tạm đọc là « Đô-nhân-sĩ », xem có nghĩa không ? Thì thấy ba chữ ấy không phải là vô nghĩa.

Thấy vậy, tôi bèn tìm từ điển theo lối « cầu phong », thử mở quyển Từ-Hải, Bộ Ấp, điều chữ Đô, mục 3 chữ thì lạ thay !... Có chép ba chữ « Đô-nhân-sĩ » thực minh bạch. Nhân tiện, tôi mở luôn quyển Từ-Nguyên thì cũng thấy ba chữ ấy, chỉ có phần định nghĩa thì hai cuốn có chút đại đồng tiểu dị mà thôi.

Thực là đi từ sự ngạc nhiên đến sự ngẫu nhiên, chỉ vì hai tiếng ứng dụng hợp thời mà hóa ra thế. Không hiểu bộ biên tập hai quyển Từ - Nguyên, Từ - Hải kiến giải thế nào mà, lý ưng đặt một từ ngữ hai chữ « Nhân-sĩ », lại đặt ra từ ngữ ba chữ « Đô-nhân-sĩ ». Sau khi đã đọc suốt 5 chương Đô-nhân-sĩ để suy tìm ý nghĩa thì tôi hiểu rằng : Thì nhân chỉ các vị nhân-sĩ ở nơi đô hội kia... (tức là chỉ kinh đô nhà Chu) — trong thời các minh vương cường thịnh — khác hẳn với các vị nhân-sĩ đương thời mà thì nhân viết nên

5 chương Đô - nhân - sĩ này. Tiếng « Đô » ở đây là nói đô hội Cáo kinh mà Vũ - Vương đã kiến-thiết đề trị vì ở đó vậy.

Từ và lời có ngụ tấm lòng cảm khái, ao ước thấy lớp người xưa mà không thể được gặp nữa, nhớ tiếc biết là bao ?

Còn lối xếp chữ của các nhà làm từ điển thì họ cứ theo những tên thiên, chương hiện thành ở các sách cổ mà ghi chép. Vì Kinh Thi có chương « Đô-nhân-sĩ » ba chữ rành rành, nên hai quyển Từ-Hải, Từ-Nguyên cũng theo thế, nghĩa là ghi tên một chương của Kinh Thi mà thôi.

Bài này chỉ có mục đích duy

nhất là đem chút kiến giải riêng của tôi mà tìm giúp và mách giúp Ông Đông-Hồ nói riêng, các bạn đọc giả nói chung, cái xuất xứ của hai tiếng Nhân-sĩ và đem thảo luận công khai hai tiếng ấy ở trên mặt tạp chí này.

Còn nghĩa của hai tiếng này thì mỗi thời hiểu một khác, mỗi nước hiểu một khác, nên dùng chữ ấy cũng không giống nhau. Điều ấy không thuộc về phạm vi của bài này, nên miễn bình nghị.

Vậy trước khi chấm hết bài này, xin Ông Đông-Hồ biết cho tấm lòng thành thực cầu học của tôi.

PHI-Y-TỬ

QUY-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Neuven-Stra — Téléphone 20.821 — SAIGON

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plaplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOW'LOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.



Về vũ trụ

HỒ-HỮU-TƯỜNG

TRƯỜNG học ở gần nhà tôi chỉ có đến lớp Dự bị. Tôi mài tròn quần tôi trên bàn của lớp ấy mấy năm, mới được cha mẹ tôi gởi tôi ra chợ, ở trọ nơi nhà người quen, mà đến học ở lớp Sơ đẳng. Lúc ấy tôi được mười tuổi, nên còn dại, chẳng biết lo học mà chỉ mê xem hát bội : đêm nào tôi cũng len lỏi vào được trong rạp hát, xem cho tới khuya, để rồi ngày sau, vào lớp ngủ gục. Tình thế ấy buộc cha mẹ tôi phải dời chỗ ở trọ, bấy giờ đem tôi gởi nơi một cái am cách chợ gần hai cây số ; từ ấy, sự cách xa nọ làm cho tôi không lân la được với các thú vui, mà ràng buộc tôi, ngoài giờ đi học, lẩn quẩn quanh am. Mỗi ngày ba lần tụng

kinh] đều có tôi nghe cả.

Kinh tụng thầy đều viết bằng chữ Hán, ban đầu tôi nghe không hiểu chi cả, thì lấy làm bực lắm. Ông sư mới cho tôi mượn một tập bằng thơ lục bát mỗi câu dạy được bảy chữ với nghĩa của nó, để cho tôi học. Tôi không học mặt chữ, mà chỉ học tiếng Hán-Việt cùng nghĩa ; chẳng bao lâu hiểu được nghĩa của mấy ngàn tiếng và bắt đầu hiểu hơi hơi các kinh tụng có nghĩa gì. Cái Phật học của tôi rất đơn sơ, vì chỉ là cái nghe lóm trong hai năm ở trọ nơi am để đi học.

Tuy vậy, nó cũng đủ mà giúp cho tôi biết rằng cái thị kiến của Phật về vũ

trụ thật là thiên tài (1) và đến đầu thế kỉ hai mươi, cái vũ trụ mà khoa học tả ra cũng na ná như thế thôi.

Trong tám tháng đầu năm 1956, tôi bị nhốt ở đề lao Gia-Định để chờ đưa ra thẩm vấn. Chúng tôi không có một tí gì để đọc cả. Thành linh, có người lên cho chúng tôi một số báo *Paris-Match* mà ngẫu nhiên, trong ấy có một bài dài về vũ trụ. Trong hai mươi lăm năm đã qua, mê mải với những thăng trầm của chánh trị thực tiễn, tôi không có dịp nào đọc về vấn đề này. Nay lại được nghe đến những tên của Hubble, Lemaître, Hoyle, v...v.. và những lí thuyết của họ, tôi mới hay rằng thị kiến của Phật bị vượt qua quá xa rồi.

Kể tôi bị thẩm vấn, rồi đưa ra tòa. Trong lúc ấy, thần trí không lúc nào rảnh rang để suy nghĩ gì khác. Đến chừng bị lên án tử hình xong, tôi thấy dường như đã phủi sạch nợ đời, không còn vướng víu với chánh trị nữa, tôi lại sức nhớ đến bài báo đã đọc trong *Paris-Match* và lấy đó làm đề để trầm tư. Không có kính viễn vọng như các nhà thiên văn, chẳng có sách vở nào để khảo cứu, ngay cho đến cái mớ toán học đã thu thập ở nhà trường thì bị hai mươi lăm năm ruộng bỏ đã quên hết phần nhiều, tôi sức nhớ còn đường lối mà Thích-Ca Mâu-Ni đã vạch là thiên định để lắng trong thần trí của mình, rồi chừng ấy xoay qua trầm tư cái đề của mình để đến một thị kiến. Và sau đây là kết quả của cuộc trầm tư về vấn đề này. Tôi thuật rõ ra để cống hiến một cái thị kiến hầu các nhà bác học thẩm xét lại bằng khoa học.

*
* *

Sự phát minh của Hubble thuộc về thực nghiệm : người tìm thấy rằng các ngân hà đều dang xa ra với một tốc lực càng lớn lên nếu ngân hà ấy càng xa vời. Bằng vào sự phát minh này, Lemaître diễn dịch ra bằng cái giả thuyết là vũ trụ là kết quả của một cái nổ lớn của một nguyên tử khổng lồ sơ khai : Tôi phải mất mấy tháng để trầm tư về giả thuyết này. Tôi thấy nó thiếu sót về hai điểm trọng đại.

Điểm thứ nhất về do lai của cái nguyên tử khổng lồ sơ khai. Do đâu mà có nó ? Tại đâu phải đặt vị trí của nó ? Nếu ta quay cái phim nói về quá khứ của nó, ta sẽ thấy gì ?

Điểm thứ hai về do lai của cái làm cho muôn vạn ngân hà, càng xa vời thêm, thì càng có tốc lực lớn hơn. Do đâu mà có cái ấy ? Nếu bằng nào luật hấp dẫn, thì dầu có cái nổ đầu tiên tung các mảnh văng ra sáu phương, sức các mảnh ấy thu hút nhau chỉ làm cho các tốc lực phải giảm hoài với thời gian, rồi đổi chiều hướng lại, làm cho các ngân hà hết dang ra nữa mà bu lại cùng nhau. Ngày nay, các ngân hà đều dang xa. Cái xa hơn hết, mà đo lường thấy được, ước độ 228 triệu năm ánh sáng với tốc lực 40.000 cây số trong một giây. Bằng vào các con số ấy thì tốc lực đầu tiên của lăm ngân hà lại cao hơn tốc độ của ánh sáng. Vậy thì cái làm cho các ngân hà, càng xa vời hơn thì càng có tốc lực lớn hơn, là

(1) Theo Phật, một thế giới như là Thái dương hệ, mà cả thảy có tam thiên đại thiên (3.000.000.000.000) thế giới tức có thể so sánh với ngân-hà bây giờ ; là cõi Ta-bà của Thích-ca giáo hóa.

một sức gia tốc chung, nó ở ngoài cái « vũ trụ » gồm có các ngân hà này.

Có cái gia tốc lực này, thì cái vũ trụ, ngày nay đang dang ra, sẽ không bao giờ rút lại như Gamow cho; và các ngân hà, mà càng xa thì tốc lực càng cao, sẽ đạt được cái tốc lực của ánh sáng như Hoyle đã thấy.

.

Tuy Hoyle thấy được rằng các ngân hà, hết phiên cái này đến cái khác, sẽ đạt được tốc lực của ánh sáng, nhưng thuyết của Hoyle không sao cất nghĩa do lai cái sức hấp dẫn nguyên nhân của sự này. Và nó cũng không nói được sau khi đạt được tốc lực này, các ngân hà sẽ trở nên cái gì, và đi đâu? Hoyle cho rằng những câu hỏi này không có nghĩa, vì một khi đạt được tốc lực của ánh sáng rồi, thì vật ấy lọt ngoài không phận của cái thấy hoặc của tất cả sự đo lường nào khác. Nhưng cái ý, cái giác quan thứ sáu của nhà Phật, không sao thỏa mãn được bằng một lời giải đáp như vậy. Sự bất mãn này làm cho tôi phải trầm tư, và một khi thị kiến được cái chung của vũ trụ của Hoyle, tôi lại thị kiến được cái thủy của cái nguyên tử khổng lồ sơ khai của Lemaitre.

.

Tôi gọi là « univers » của chúng ta cái tập hợp của tỉ tỉ tỉ « galaxies » đương làm đối tượng cho sự nghiên cứu của thiên văn học ngày nay. Cái « univers » của chúng ta có biên giới: ấy là nơi mà các « galaxies » đạt tới tốc lực của ánh sáng. Tới cái biên giới ấy, mỗi ngôi sao đều có một khối

lượng vô biên và một tinh lực vô biên; cái chất của nó không còn là những nguyên tử thành rồi, mà hoàn nguyên lại là photons (quang tử), neutrons (trung hòa tử), protons, électrons (điện tử) rung động vô cùng mau lẹ nên không kết hợp nhau lại. Toán học có thể tính được cái biên giới ấy xa ta là bao nhiêu, nói một cách khác là có thể tính được cái hình của « univers » và mấy bề lớn của nó, nếu biết được toàn thể cái « cosmos ». Nhưng cái « cosmos », vô biên và vô thủy vô chung, là vô thường thay đổi hoài, thì cái hình và bề lớn của « univers » chúng ta, nếu có tính được, là tương đối với thời gian.

Ngoài cái « univers » của chúng ta, có vô số cái « univers » khác mà tôi gọi là « univers extérieurs ». Để đếm những cái « univers extérieurs » này cho được, họa may là mượn phép mạng số xưa (mười lần một là mười, mười lần mười là trăm, trăm lần trăm là vạn, vạn lần vạn là ức, ức lần ức là triệu, triệu lần triệu là kinh, kinh lần kinh là cai, cai lần cai là tỉ, tỉ lần tỉ là nhượng, nhượng lần nhượng là câu, câu lần câu là giản, giản lần giản là chánh, chánh lần chánh là tải, và vân vân). Thế mà một phép mạng số như vậy hóa ra vô lực để đếm những « univers » của « Cosmos ». Mỗi « univers » đều có thủy có chung, có biên giới, nhưng cả cái « Cosmos » là vô thủy vô chung và vô biên.

Khởi thủy của một cái « univers » nào đó là nguyên tử khổng lồ sơ khai. Cả vật chất của nó (protons, neutrons, électrons) và cả tinh lực của nó (photons) gom vào một khối có lẽ bằng một ngôi sao thôi. Nhưng mật lực vì vậy mà to lớn vô cùng, đến những số khổng lồ, và nhiệt

độ cũng lên hàng mấy tỉ độ. Đó có lẽ là cái « vô minh », cái nhân đầu tiên của thập nhị nhân duyên của Phật. Nó là cái hỗn độn sơ khai, bởi lúc ấy chưa có một nguyên tử vật chất nào có được.

Sức dồn ép ấy, nhiệt độ ấy đốt cháy cái nổ đầu tiên : Đó là sáng thế, không phải của cả cái « cosmos », mà chỉ riêng của « univers » nọ. Đối với cái « univers » mà chúng ta ở, các nhà bác học Lemaître, Gamow, Dirac... đã viết được lịch sử của sự sáng thế này mà họ tính lâu chừng 30'. Năm phút đầu nhiệt độ rớt xuống còn một tỉ độ mà khối lượng nổ ra được cả ngàn lần. Từ đó, những bộ phận của hạch tâm bắt đầu kết khối nhau được. Mười hai phút sau, vật chất hiện hình với các nguyên tử « hydrogène » và « hélium ». Và mười ba phút nữa, tất cả nguyên tử (Dưỡng khí, lân tinh, « calcium », sắt, « uranium », v.v.) đều hiện diện. Đám mây do sức nổ gây ra đó tràn túa ra và nguội lại. Vài trăm triệu năm sau, nó phân ra làm « prégalaxies » rồi đến các « galaxies ». Mấy cái này, do tốc độ đầu tiên, tiếp tục dang xa ra nơi khởi điểm, chỗ nổ đầu tiên. Những cái càng xa thì đi càng mau, cái gần thì chậm hơn, mà khoảng cách chúng nó càng thêm ra mãi.

Nhưng sự nổ ấy không xảy ra nơi một cái trống không tuyệt đối. Nó xảy ra giữa một cái « milieu cosmique » trong ấy đầy đầy vật chất cũ xưa tràn lan thành mây, hoặc đã hoàn nguyên như sau này sẽ nói. Có những ngôi sao, cũng như mặt trời, mà tình cờ đi gần một đám mây nọ, thì kết tụ mây này thành hành tinh chạy quanh theo mình. Các hành tinh này, mới tạo ra thì nguội, lần lần bị sức dồn ép mà trung tâm ấm dần ; đến một lúc, trên hành

trình sự sống phát sanh, cũng như trên địa cầu, rồi vạn vật phức sanh, có loài người có óc suy nghĩ và có óc sáng tạo. Có những ngôi sao khác lại thành linh nổ ban ra mà trở nên đám mây... Bởi sức ngăn trở của cái « milieu cosmique » này và bởi sức tự hấp dẫn của cái trọng tâm lực của hệ thống, cái « univers » không thể nào nổ ra mau lẹ được như bây giờ. Vì vậy mà trong cái « milieu cosmique » này, phải có một cái gì khác hơn.

..

Cái gì khác hơn ấy là thứ vật chất đã đạt đến tốc lực của ánh sáng, có một khối lượng vô biên và một tinh lực vô biên mà phải hoàn nguyên lại. Khi lọt ra ngoài không phận của các « univers » rồi, thì các « galaxies » hoàn nguyên kia lại bị luật hấp dẫn mà kết tụ lại. Bởi chúng nó do nhiều « univers » mà đến, nên cái tụ lại đó, tôi gọi nó là « multivers ».

Chính những « multivers » này, với những khối lượng vô biên của nó, thu hút các « galaxies » về chúng nó và làm cho trong các « univers », những « galaxies » nào càng gần chúng nó, tức là gần biên giới, có tốc độ gần tới của ánh sáng. Sức nổ đầu tiên, làm cho các « galaxies » có một tốc lực đầu tiên là một chuyện. Nhưng thêm vào, có sự hấp dẫn của các « multivers », chung quanh cái « univers », nó cao hơn cái hấp dẫn nội tại của cái « univers » này, mới có cái gia tốc lực làm cho các « galaxies » càng dang xa ra lại càng có tốc lực gia thêm hoài, cho đến khi đạt tới cái tốc lực giới hạn. Sự hấp dẫn này làm cho các « galaxies » hoàn nguyên bu lại chung quanh cái « multivers », để thành chung một khối với chúng. Thêm các

multivers » lại kết khối với nhau.

Các «multivers» này lại càng lâu càng thu khối lượng lại, bởi các bộ phận thu hút lẫn nhau. Mật lượng lớn lên, áp lực lớn lên và nhiệt độ lại cao lên. Đến một lúc, áp lực này đốt cháy một cái «multivers», bấy giờ là một nguyên tử khổng lồ, một cái sáng thế mới diễn ra, một trang sử mới của vũ trụ bắt đầu.

Và cuốn sử này không biết bao nhiêu trang như vậy. Có một cái nổ gần với «univers», thì ảnh hưởng của cái nổ ấy dội đến ta mạnh bạo. Có nổ xa, thì ảnh hưởng nhỏ hơn. Từ ngày có quả địa cầu, trái đất đã mấy lần thay trục, phải chăng mỗi lượt nam bắc cực thay như vậy là bởi gần «univers» của chúng ta, có những cái nổ khổng lồ? Và biết đâu những hiện tượng trong quả địa cầu ta, mà ngày nay khoa học chưa thấy được nguyên nhân lại do những biến thiên của cái «milieu cosmique»?

Univers và multivers, trong cái này nổ ra thành cái kia, nhưng mảnh mung của nhiều cái kia hiệp lại thành cái này, có thể phân biệt nhau nơi chỗ trong « multivers » thì vật chất hoàn nguyên không có sự sống được, còn trong «univers» thì vật chất phức hóa và cái điểm tối cao của sự phức hóa này là sự sống.

..

Loài người, sống trong cái « univers », đã sáng tạo ra được khoa học để thẩm xét, đo lường, nghiên cứu cái «univers» của mình. Có lẽ những luật chi phối cho những hiện tượng của univers này có thể áp dụng cho những univers khác được. Nhưng mà trong « cái »milieu cosmique», khi mà các « gala-

xies » vượt ra ngoài không phận của các univers và hoàn nguyên, chúng nó sẽ theo luật nào? Tốc độ nó sẽ không đổi, hay sẽ dịu dần khi đến gần kề một cái multivers? Các multivers hấp dẫn lẫn nhau theo định luật nào? Chúng nó kết hợp với nhau làm sao? Biết bao câu hỏi mà dùng khoa học tương đối của chúng ta để giải đáp không được.

Mà có thể nào lập một cái khoa học mới cho các multivers chăng? Và nghiên cứu cho chúng nó có ích gì?

Tôi thị kiến vài thế kỉ nữa đây, loài người sanh sản quá nhiều, cái địa lục quá trù mật, không đất để ở và trồng trọt cho đủ. Chừng ấy, vấn đề di cư vài ba tỉ người sang cung trăng, sang các hành tinh gần ta như Kim tinh (Vénus) và Hỏa tinh (Mars) sẽ đặt ra. Nhưng trước khi, phải làm cho các hành tinh này có nước, có không khí, có thảo mộc rồi mới ở được. Làm sao mà chở hàng tỉ tỉ tấn nước, hàng tỉ tỉ tấn không khí từ địa cầu sang qua các hành tinh bên ấy? Rồi làm sao di cư hàng mấy tỉ người đi?

Nếu nghiên cứu vũ trụ, tìm được cái tinh lực vũ trụ mà chế ngự được cái tinh lực này có lẽ những vấn đề trên không phải là nan giải. Nhưng đây không phải là việc của thị kiến nữa, mà trở nên công việc của khoa học và kĩ thuật. Tìm được đề tài cho khoa học là sứ mạng của thị kiến, mà thị kiến được khoa học chứng minh là đúng thì là được một cái vinh hạnh lắm rồi.

HỒ HỮU-TƯỜNG

Kỳ tới : Trăm tư thứ ba :

VỀ HÒA-BÌNH

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

●
LUÂN - ĐƠN TÔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2

●
SAIGON CHI - CỤC

CHI-CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc)

●
NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac

●
CHI-NHANH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG

●
Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Lá thư Bruxelles

● MỘNG TRUNG

(Tiếp theo Bách Khoa 173)

Nhạc Việt ở xứ người

26-10-1964.— Sau một đêm giông gió, sáng nay trời không gợn chút mây. Những cây kiểem vàng mũi dài sáng hoắc của thượng đế đã chọc thủng rặng thông xanh. Từ ở chơn trời đâm thẳng đến trước cửa phòng tôi. Dù mệt nhọc với một giấc ngủ bệnh, nhưng có hồ êm, liễu rủ, vệt nước, chim trời, lá vàng, nắng ảm, hồn mình cũng thấy đỡ căng đỗi chút.

Tôi đã dậy từ lâu. Điềm tâm đã dọn sẵn, mà tiếng giầy anh Trần chưa nghe nện trên cầu thang. Mãi sau mới hay vì anh ngủ ngon nên dậy ...trễ

Chúng tôi nghĩ đến đòi nợ trước nhất. Mất hơn một tiếng đồng hồ, đi qua bao nhiêu phòng giấy trên tầng thượng mỗi rã chơn rớt cuộc đâu cũng hoàn đấy. Thứ bảy ông xếp phòng coi về giấy tờ tiền nong cho các nghệ sĩ đi « Week-end » từ sáng sớm, người thủ quỹ không dám vi lệnh khi trong tay không có một mảnh giấy gì có ghi tên anh Trần. Tuy vậy, họ nhận lời vì đã có « cachet » số 2 cho tôi, tất phải có « cachet » số 1 cho anh Trần mà họ đã làm lạc đâu rồi. Anh Trần đành chịu, về Balê sẽ gởi thơ đòi.

Không biết đường xe điện và autobus, chúng tôi phải thuê taxi đến Bảo-tàng-viện nhạc khí của âm nhạc viện Bruxelles (Musée Instrumental du Conservatoire Royal de musique de Bruxelles) để thấy tận mắt một số nhạc khí Việt đã làm cho bao nhiêu người đến viếng nơi này phải nhiều phen nói đến.

Hôm nay Bảo tàng-viện đóng cửa, nhưng từ lúc còn ở Balê chúng tôi

có lời hẹn trước của ông Giám-đốc viện này nên chúng tôi được đặc ân đến đây viếng vào 10 g 30 sáng hôm nay. Ông giám đốc Bragard giới thiệu chúng tôi cho ông De Hen, một khảo cứu gia trẻ tuổi chuyên về nhạc khí đông phương và ngoài Âu-Châu (Instrument Extra-Européen). Ông De Hen tiếp chúng tôi và sẽ dẫn chúng tôi đi xem tất cả các phòng chứa nhạc khí quý giá và lạ lùng trong thế giới. Ông Bragard ngờ ý muốn mời anh Trần sang Bỉ vào năm tới và ở lại đây một thời gian năm ba tháng để nghiên cứu và truy nguyên lai lịch tất cả nhạc khí Việt-Nam hiện đang có trong viện này rồi ông từ già chúng tôi hẹn sẽ gặp nhau ở phòng họp trong buổi trình diễn tối nay.

Ông De Hen đưa chúng tôi đi xem nhạc khí Ấn-độ, nhiều cây Việt chạm trở rất công phu đẹp rực rỡ. Nhạc khí nhiều quá không kể xiết bạn ạ; tôi chỉ xin ông De Hen cho xem nhạc khí Miên, Lào, cùng các nước Bắc Phi và Nam Mỹ. Rất tiếc bảo tàng-viện đang lúc được sửa sang sơn phết lại, nên tất cả nhạc khí không được chưng bày đẹp đẽ và đầy đủ trên tường hoặc trong tủ kính mà bị để nằm la liệt dưới đất phủ lên một lớp giấy che bụi; nhưng nhạc khí nhỏ được gói kỹ cất trong những thùng cây thật to. Tuy vậy ông de Hen cũng chịu khó lấy ra rất nhiều cho chúng tôi xem và ông giảng giải rất rành mạch lai lịch của một số nhạc khí Á-đông kể cả nhạc khí Việt Nam. Những cây đàn, ống sáo, kèn, trống, chập chĩa của Việt Nam chạm trở sơn son vàng rất khéo và đẹp có từ thế kỷ trước mà mãi đến bây giờ tôi mới được trông thấy. Quả là danh bất hư truyền, nơi đây chứa nhạc khí Việt Nam nhiều nhất Á-Châu và cũng là một bảo tàng viện giàu nhạc khí nhất thế giới.

Cây đàn Balafon của Phi-Châu gọi là « mộc cầm » làm tôi ngạc nhiên trước tiên. Tất cả thân hình nó là sản phẩm của nông thôn kết thành rất tỉ mỉ và đẹp đẽ. Người ta xoắn dây gai thứ thật tốt vào 17 cái lỗ nhỏ xoi dài theo một cái cần tre thật lớn, ngay thẳng và cột dính liền vào đó 17 thanh tre ngắn. Mỗi miếng tre được gắn liền vào một cái vỏ trái bầu khô cứng màu đất sét, 17 trái bầu hình dáng lớn nhỏ, dài vắn xê xích nhau một tí nằm khít nhau giống như một bầy con sanh năm một. Trên mỗi trái bầu có xoi một lỗ bằng đầu ngón tay út, người ta dán lên đó một miếng giấy quỳn. Khi đàn nhạc sĩ đánh trên thanh tre bằng một cái dùi cây trên đầu dùi có bao vải thì tiếng vang của thanh tre đi vào trái bầu và mỗi trái bầu cho ra một tiếng trầm bổng khác nhau do nơi lỗ nhỏ có dán giấy quỳn. Tuy chất đàn bằng tre bằng bầu như nhạc khí của mình, nhưng nó vừa lớn, vừa đẹp lại vừa lạ mắt khiến mình không thể không chú ý đến nó.

Ngày thường thiên hạ đến viếng bảo tàng viện, người ta chỉ được đến gần nhạc khí đọc những hàng chữ dán bên cạnh để biết tên của các nhạc khí. Hôm nay chúng tôi có điểm phúc: đã khỏi chen chơn với thiêa

hạ, nghe ông De Hen giảng giải cho những chuyện mình muốn biết, tôi lại còn được sờ mó những nhạc khí lạ lùng nhất trong đời tôi, mình xem vật này chưa mãn mắt thì vật khác đã thu hút mình đến với nó.

Xem kỹ nhạc khí của nhiều nước rồi, tôi thấy trừ nhạc khí của Lào và của dân da đen ra thì nhạc khí hiện đại của Việt-Nam sánh với nhạc khí các nước trên thế giới có vẻ nghèo nàn quá. Một số ít nhạc khí Việt thời xưa còn lại trong Viện này có chạm trổ sơn phết hoặc những nhạc khí xưa có cần xà cừ mới có thể đem so sánh phần nào với nhạc khí các nước Á-châu, (vì nhạc khí Việt cần xà cừ hiện nay không sắc sảo) vì bạn nghĩ : nhạc khí Việt đã nhờ lại chỉ được làm bằng mây, ống tre, gáo dừa, trái bầu hay bằng thứ cây trắng chớ ít khi được làm bằng danh mộc như đàn Nhật hay đàn Trung-hoa. Đàn Việt-Nam phần nhiều được làm bằng thứ cây thường rồi đánh lên một lớp « Vẹc-ni » mỏng, dùng chưa bao lâu đã tróc sơn loang lổ cả. Đã vậy, nhiều nhà làm nhạc khí muốn làm quảng cáo hiệu tiệm của mình thay vì nên làm thứ chữ nổi mạ vàng, mạ bạc hoặc bằng chất plastique hay đồi mồi, đúc hoặc tiện những chữ ấy một cách mỹ thuật thanh nhã, đặt nó lên một chỗ nào trên cây đàn có thể trang điểm cây đàn thêm đẹp mà không làm lộ vẻ quảng cáo một cách quá trơ trẽn, để cho xứng với thể chất của nhạc khí và tinh thần nghệ thuật phần nào, thì họ lại đóng con dấu hiệu tiệm đàn bằng mực tím, mực đen hay hằn chữ cháy lên ngay trên mặt cây đàn làm cho nhạc sĩ và thính giả rất khó chịu, chướng mắt ngay trong lúc vừa tấu nhạc hay thưởng thức nhạc ngang qua cái dấu hiệu « thương mại » kia. Có rất nhiều thính giả sau buổi trình diễn xin lên sân khấu để xem nhạc khí, họ không khỏi mỉm cười và nhìn hơi lâu dấu hiệu đó làm cho mình cũng thấy nóng mặt.

Tóm lại, nếu không có một tinh thần vững chãi để chịu đựng, không tự tín, không tự hào về truyền thống quốc nhạc, không quyết tâm bênh vực và đề cao cái vốn của mình đã có thì bạn cũng thấy rõ, khi vừa đem nhạc khí Việt ra trình diện trước khán giả ngoại quốc, chính mình đã bị mặc cảm tự ti ngay về hình thức nghèo nàn của nó rồi. Tôi nghĩ và có cảm giác như vậy vì tôi may mắn được thấy trong những chuyến đi, người diễn giả hay nhạc sĩ kém tài của các nước khác khi ra sân khấu không bị « xuống tinh thần » là nhờ ở nhạc khí đẹp của họ. Tính hiếu kỳ và khiêu thích mỹ trong cái nhìn toàn diện đầu tiên của thính giả đã nâng đỡ một phần lớn tinh thần của diễn giả trước khi diễn xuất hay trình bày.

Bị nhiều lần khổ tâm về nhạc khí Việt, tôi cứ lo rằng : ngày nào anh Trần bước sang thế giới khác, ai là người thứ hai, đơn thân độc mã mà có thể thay thế anh ? Phải thành công về nhiều mặt : ngoài phần lý thuyết chặt chẽ và tường tận thoát thai từ căn bản nghiên cứu, còn

phải trình bày, diễn xuất với tất cả khả năng và thiện chí để làm nổi bật lên được dân tộc tính của quốc nhạc. Diễn giả phải thành công về điểm này để nhờ đó vượt khỏi mặc cảm tự ti về nổi nhạc khí nghèo nàn mà nhạc phẩm thì chưa được khai thác cạn cùng — chỉ có tế nhị bên trong mà thiếu rực rỡ bên ngoài — để có thể đem nhạc quốc gia lên ngang hàng với nhạc quốc tế? Bạn có khi nào thắc mắc như tôi và một số Việt-kieu ở hải ngoại chăng?

Mảng bán khoán xa xôi tôi đã rủ bạn ra khỏi bảo tàng viện từ nãy giờ. Nhưng dầu có trở lại tôi cũng không thể nào kể hết cho bạn nghe những đặc điểm của bao nhiêu nhạc khí la liệt trước mắt tôi. Như đũa trề lạc vào giữa đám đồ chơi đẹp đẽ và lạ lùng nhất trong đời mình, tôi quỳnh quít, không sao kể xiết cảm giác vui sướng cũng không có thì giờ kịp xem xét hình dáng của mỗi cây đàn; tôi chỉ xin ông De Hen dẫn cho xem những nhạc khí lạ nhất thế giới.

Cây đàn làm cho tôi mê mẩn về hiện diện của nó ở thời này là « cây đàn pha lê ». Đàn này do một nhạc sĩ Đức chế ra vào năm 1780 cho một người mù có tài đàn lồi lạc. Đàn làm bằng danh mộc. Đây nắp lại nó giống cây đàn « clavecin » nhưng khi mở nắp ra, bên trong không có một cái phím hay một sợi dây nào cả mà chỉ có 47 cái chén bằng pha lê màu xanh non.

Chén nhỏ nép trong lòng chén lớn nằm khích vào nhau thành hình một cái tháp nhỏ ngả dài trong thùng đàn. Không dùng một tí máy móc gì để làm cho đàn bật thành tiếng như nhạc khí Âu-châu ngày nay, người chế đàn này chỉ dùng một cái trục bằng cây luồn vào lỗ nhỏ trong lòng mỗi cái chén. Cốt cây này được gắn liền vào một bánh xe ở bên hông thùng đàn và bánh xe này có liên hệ đến một bàn đạp nhỏ ở dưới cây đàn y như bàn đạp máy may. Trước khi đàn thử cho chúng tôi nghe ông De Hen rửa tay và lau đàn bằng bông đá với một thứ nước thuốc riêng cho thật sạch bụi, nếu không thì chất dơ trong tay và bụi trên đàn làm cho đàn không kêu được. Khi chơn nhạc sĩ đạp lên bàn đạp, bánh xe quay cái trục cây kéo 47 cái chén lăn tròn, những ngón tay nhạc sĩ vuốt mạnh trên miệng chén theo chiều ngược, mỗi cái chén rít lên và cho ra một chữ nhạc trầm bổng, thanh thót trong trẻo lạ thường. Nó tự nhiên, không vương tiếng dây tơ, dây sắt, hay tiếng móng dùng khảy dây đàn, nó vang ấm du dương thế nào mà tôi có cảm giác như mình đang sống ngược lại mấy thế-kỷ trước, ngẩn ngơ trước một tiếng nhạc mà mình không thể ví với tiếng nhạc của một nhạc khí nào ở hiện đại cả.

Tôi hỏi ông De Hen tại sao tiếng đàn hay và lạ lùng như vậy mà không có người ở nước nào nghĩ chế ra cho người thời nay dùng,

để thiên hạ được nghe thì ông De Hen cho biết: chính một ít người được nghe tiếng nhạc này cũng nhận thấy như vậy cho nên có những chuyên gia chế nhạc khí trên thế giới đã thí nghiệm ba lần phỏng theo kiểu cách và hình dáng cây đàn này mà không gặt được thành công. Thứ « pha lê » đó, các kỹ sư và các nhà nghiên cứu về chất pha lê ngày nay dầu rất tài cũng không thể chế cho giống y như vậy được. Pha lê thời nay không có tác dụng cho ra tiếng nhạc ru hồn người ta mà chỉ có công dụng cho đời sống vật chất mà thôi. Vì thế cây đàn pha lê này là một bảo vật duy nhất trên thế giới thuộc loại không tiền khoáng hậu mà chỉ có bảo toàn viện Bruxelles được cái hân hạnh giữ gìn nó. Một cây đàn khác tên là Componium. Mới mở thùng đàn ra tôi cứ nghĩ nó là một cái máy. Trên hai cây trục tròn và lớn như cột nhà bề dài độ 5 tấc tây, người chế đàn đã đóng lên đó toàn đỉnh là đỉnh ? Người ta đã tính toán rất kỹ về số đỉnh này để khi máy trong cây đàn chạy, trục lăn ngược chiều với nhau thì những cây đỉnh ở trục này có thể móc vào những cây đỉnh ở trục kia để bật ra thành tiếng, rồi tự nó làm thành một bản nhạc hòa hợp với nhau từ đầu cho đến cuối mà không nhờ tay của nhạc sĩ động tới. Nếu bạn đặt ra một bản nhạc có thể đàn trong 5 phút thì bạn cứ ghi bản nhạc ấy bằng cách xoi lỗ theo qui định của người đã chế ra nhạc khí này trên một miếng giấy cứng. Bạn để miếng giấy cứng vào máy đàn tự nhiên cây đàn màu nhiệm này sẽ làm cho bạn một biến khúc (variation) hay một giai điệu (mélodie) tùy theo nhạc khúc trong 5 phút. Nó tự thay đổi chữ nhạc do một cái khóa ở đầu cây trục đúng theo luật « tẩu pháp » (fugue) hay là đối điểm (contre point) hay là chuyển cung (modulation) v.v... Và nếu để tự nó làm tất cả theo những thể thức nó có thể làm được cho một bản nhạc thì không riêng chi bạn hay tôi, mà ai cũng phải bái phục cả. Nó có thể biến bản nhạc ra muôn ngàn cách khác nhau và trong một thời hạn là 178 ngàn ngàn triệu năm (178.000.000.000) mới hết thuật màu nhiệm của « khả năng » tuyệt vời của nó ! Dĩ nhiên bạn cũng biết, không có ai sống nổi đến con số trên đây, bỏ cả công an việc làm để mà thử nó, cho nên có lẽ bao nhiêu người khác cũng chắc lười lác đầu như tôi mà chịu phục cái máy đàn duy nhất thế giới này ; và khi bạn đã thấy công dụng của nó như vậy rồi thì rủi tôi có viết lộn thêm ít con « dê-rô » ở phía sau cái số khổng lồ này cũng không ngại bị ai rầy mình bạn nhỉ ?

Tôi cũng được xem cây dương cầm của Mozart đàn lúc ông còn sanh tiền hiệu « Vlengel » năm 1786. Tiếng đàn này không giống tiếng dương cầm ngày nay chút nào mà gần giống tiếng đàn « Clavecin ». Ngày nay mỗi khi muốn nghe nó, người ta mời những nhạc sĩ danh tiếng đàn

lại những bản nhạc do Mozart đặt ra và đàn trên cây đàn này, để thưởng thức nhạc cho đúng với âm thanh và âm sắc của thời Mozart. Màu sắc phím đàn cây dương cầm trên đây cũng trái ngược với dương cầm ngày nay, nghĩa là khoảng phím trắng trên cây đàn ngày nay thì ngày xưa là đen và ngược lại. Nhiều thiếu nữ ngày nay thích được cho đôi bàn tay của mình lướt trên phím ngà của dương cầm, có bao nhiêu văn nhân, thi sĩ đã tả vẽ đẹp đôi bàn tay mỹ nhân lướt trên phím ngà mà trong mắt của người thời xưa thì chỉ có phím màu đen mới làm nổi bật được nước da trắng và vẻ đẹp của đôi bàn tay mỹ nhân mà thôi.

Lại một cây dương cầm khác ở thời Joseph Haydn. Nhờ nó mà ngày nay người ta mới hiểu rằng tại sao những bản nhạc của Joseph Haydn do ông chép ra có những đoạn mà « note » đàn bên tay phải không cho « ngân » lên bên tay trái và ngược lại. Người ta không thể hiểu được điều đó vì dương cầm ngày nay, mỗi khi muốn cho « ngân », nhạc sĩ chỉ đạp chơn lên « pédale » phía tay phải thì cả dây đàn từ trầm đến bổng đều ngân lên một lượt. Cây đàn dương cầm thời Joseph Haydn có 2 cái khóa riêng cho tay phải và tay trái để làm cho tiếng đàn mỗi bên ngân riêng và mỗi khi xử dụng nhạc sĩ không dùng chơn đạp lên « pédale » ở phía dưới đàn mà chỉ dùng tay mở khóa mỗi bên tùy theo bản nhạc ở trên cây đàn.

Những cây đàn huyền diệu, lạ lùng và du dương đã làm cho tôi mê mẩn thì cũng có một cây đàn kỳ quặc khiến tôi không thể nín cười được. Trên thùng cây đàn giống dương cầm này có hình nộm một ông cầm gươm, đứng gần hình nộm một bà đang thè lưỡi ra. Một ông khác để bàn tay sờ ra trước miệng một bà cạnh đó. Ông thứ ba tay cầm cái nắp thùng rượu trong ấy có một bà nhô đầu lên. Ông thứ tư là nhạc sĩ vĩ cầm. Khi mình mở khóa cho máy đàn chạy, tiếng nhạc vang lên, thì tay người nhạc sĩ kéo vĩ cầm. Ông nộm thứ nhất tức khắc múa gươm cắt lưỡi người đàn bà, ông thứ nhì bụm miệng bà bên cạnh, ông thứ ba đẩy nắp thùng rượu nhận đầu bà nọ vào thùng ! Cứ nhìn vào hình ảnh này bạn có thể thấy qua phần nào « tượng trưng » của thực tế. Các bà hiền thê bên này mười bà biết uống rượu chần chực ! Các bà ăn không ngồi rồi ít dạm ba dạm bảy như bạn thường thấy nhưng mỗi khi làm phòng, dọn dẹp mà bên này gọi là làm « ménage » thì các bà quăng hết giọng oang oang từ cửa sổ nhà mình qua cửa sổ nhà bà láng giềng (vì cửa cái nhà bên này luôn luôn đóng kín) mà nói chuyện mưa, nắng, ấm, lạnh rồi chuyện nhà và luôn đến chuyện hàng xóm là thường. Cái thuật ngồi lê đôi mách trên cái bệ cửa sổ nhà mình thấu qua bệ cửa sổ hàng xóm nó cận kề có khi hằng giờ chưa dứt, làm cho mình khi đau nằm nhà cũng nghe được chuyện thiên hạ, mà lúc mạnh, có khi cũng náo động thần kinh không làm gì được cả; phải đóng hết cửa sổ thì

mình mới yên thân. Bạn cũng biết phụ nữ Âu Châu là con trời, có lẽ vì thế mà ông phu quân nào đây đành an phận nuốt hận chẻ ra thứ đàn tưng trưng này để thỏa nỗi lòng chẳng? Tiếc rằng tác dụng hay ho của nó bị nhốt vào bảo tàng viện cho nên ít ai thấy cái bóng của chính mình. Nhìn nó, tôi vừa tức cười vừa khó chịu. Mang danh là phái « yếu » mà các bà có thừa sức nói bất cứ chuyện gì, nói triền miên, nói lộn, nói lố nói thêm và có khi nói lớn nữa; kể cũng mệt đấy chứ. Tôi rất kỵ cái « yếu » đó cho nên tuy cũng phải tạt nói nhiều nhưng tôi chỉ nói thuần bằng ngòi bút kể cũng đỡ xấu hổ phần nào, lúc đứng trước cái trống chướng mắt này. Tiếng nhạc và vẽ dáng cây đàn pha lê đẹp đẽ nhẹ nhàng bao nhiêu thì cây đèn kỳ quặc này không dễ thương tí nào cả. Tôi bỗng lẩn thẩn: Sao lại có những tiếng nhạc phụ họa theo những người nhận đầu, bùm miêng, cật lươi người khác? Sao lại Nhưng ông De Hen đến mời tôi sang một phòng nhạc khí khác. Cảm ơn ông đã quá sốt sắng và thấy mình làm rộn ông đã suốt buổi, chúng tôi xin được cùng ông chụp chung một bức ảnh kỷ niệm rồi xin cáo từ. Chúng tôi đi dùng cơm để còn tập dượt lại trước khi ra mắt thánh giả tối nay. Kết quả về buổi thuyết trình xin hẹn với bạn trong bức thư sau.

Balé : *Mùa Thu 63*

MỘNG-TRUNG

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tđ. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétytène — Gaz Carbonique**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

*Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique.
Installations de garothérapie.*

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN **TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital 1.500.000.000 Frs.

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales d'Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

: 8.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurance Toutes Branches

Capital : 288.750.000 000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VA ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

25 Đường Tôn-thất-Đam (cần cì Chai-giao)

21 253 - 23.913

Chính-trị hóa nền giáo-dục (*)

● NGUYỄN-VĂN-TRUNG

AI cũng đồng ý nhà trường đóng một vai trò đào tạo công dân trong đoàn thể Quốc-Gia. Vậy nhà trường phải gắn liền với những đòi hỏi của Quốc-Gia ở một hoàn cảnh nhất định. Ngày nay, khi nói đến mối liên hệ nhà trường với xã hội, người ta muốn nhấn mạnh vào hai đòi hỏi : Giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục chính trị, xã hội. Nếu giáo dục chuyên nghiệp là đề dự bị cho công dân đảm đương một trách nhiệm chuyên môn trong xã hội, thì giáo dục chính trị nhằm sửa soạn cho công dân tham dự vào việc tổ chức hay điều hành chính quyền. Người ta phàn nàn vì nhà trường đã quá xa rời xã-hội, thực tế và tự khép kín trong những kiến thức xương, vô ích.

(*) Cuộc nói chuyện tại thị-xã Cần-Thơ ngày 22-3-64 của ông Nguyễn-Văn-Trung, giáo sư Đại-Học Văn-Khoa Sài-gòn.

Nhưng nếu có sự kiện nhà trường xa rời thực tế, thì không phải vì sự cách biệt tất nhiên giữa nhà trường và xã hội mà là ở ngay lối tổ chức, quan-niệm giảng dạy trong nhà trường (1).

Do đó, thật là nhầm lẫn, nếu nhấn mạnh vào đòi hỏi chuyên nghiệp, người ta đi đến chỗ chối bỏ đòi hỏi « Giáo dục căn bản » nhất là ở Tiểu-Trung-Học cần chú trọng và đào tạo kiến thức chung về văn hóa (2). Tuy nhiên, nhìn vào tình

(1) Bài « Nhà trường và xã hội », Nhận-Định tập I, trang 30.

(2) Trong các chương-trình cải-tổ học chính có tính chất tiến bộ của Pháp, người ta gọi là « Front Commun » (xem Esprit bài. Réforme de l'enseignement, số tháng 6-1954). Người ta cũng tố cáo những đe dọa quá thiên về thực tiễn như một vài nền giáo dục tiến tiến đã vấp phải. (Esprit số tháng 2-55).

trạng giáo dục hiện nay ở Việt-Nam, người ta thấy không những nó xa thực tế mà còn lạc hậu, phản dân chủ. Cả một hệ thống giáo dục, thừa hưởng của chế độ thực dân, về thực chất, cơ cấu và hệ tư tưởng (idéologique) vẫn còn nguyên vẹn như thời thuộc địa mặc dầu có một vài sửa đổi, vá-vít, biến đổi. Bàn đến cải tổ giáo dục, không phải chỉ là chuyện sửa đổi chương trình, thêm bớt lớp, bộ môn, lựa chọn ngoại ngữ, chỉnh đốn lễ lối thi cử, nhưng là chuyện thay đổi từ *nền tảng*, một quan niệm về giáo dục. Vậy đã rõ cần có một chính sách giáo dục, một đường lối chính trị về giáo dục để có thể căn cứ vào đó tổ chức nền giáo dục ngày nay phù hợp với những đòi hỏi của Quốc-Gia, một đường lối hợp lý và thiết thực, chứ không phải chỉ hay đẹp trên nguyên tắc.

Cần có một chính trị về giáo dục (3), nhưng có nên chính trị hóa nền giáo dục không? Có thể đặt vấn đề chính trị hóa giáo dục qua hai nhận xét sau đây :

Người ta có thể nói về chính trị ở nhà trường, nhưng với một ngôn ngữ giáo dục, do đó vẫn là làm công tác giáo dục. Ngược lại, người ta có thể làm giáo dục, nhưng với một thái độ chính-trị hóa học đường và đó là làm chính trị trong nhà trường.

Có hai hình thức chính-trị-hóa nhà trường :

1) Bất nhận một tôn giáo, một

chủ nghĩa, một chính sách chính trị làm tiêu chuẩn trong việc giảng dạy, tuyển mộ giáo sư, nhận học sinh.

2) Coi nhà trường như một lợi khí chính trị, động viên lực lượng giáo-sư sinh-viên, học-sinh, ủng hộ những đường lối của chính quyền, hay của một thế lực chính trị.

Muốn trả lời vấn đề : có nên chính trị hóa nhà trường không? Thiết tưởng trước hết phải tra hỏi về hoàn cảnh của nhà trường hiện nay, về nhiệm vụ giáo dục của nó và vai trò của Chính quyền, Nhà nước sẽ đi tới một nhận định căn bản này. Tính chất trung lập của nhà trường về phương diện hệ tư tưởng, tôn-giáo (neutralité, laïcité).

Chấp nhận tính chất trung lập là chống lại việc chính trị hóa nhà trường và phủ nhận tính chất trung lập tức là chấp nhận việc chính trị hóa bằng cách bắt nhà trường nhận một hệ tư tưởng, một tôn giáo làm tiêu chuẩn, làm nền tảng tổ chức và sinh hoạt. Sau đó, phải tìm hiểu cộng đồng nhà trường là thứ cộng đồng nào trong đoàn thể Dân tộc, Quốc-gia và xác định vai trò của nó, trong cộng-đồng đó. Căn cứ vào quan niệm được đề ra, sẽ thấy nên hay không nên coi nhà trường là một tổ chức chính trị.

Nhà trường xưa và nay

Muốn dễ hiểu quan niệm về nhà

(3) Chúng tôi sẽ bàn đến trong dịp khác.

trường hiện nay, ta thử hỏi trường lại quan niệm về nhà trường ngày xưa : Đời các cụ thuở trước, đi học là học Đạo làm người, học Luân lý, để thực hiện luân lý. Nguyên tắc căn bản là : Tiên học Lễ, hậu học Văn. Thực ra, học Văn cũng vẫn là học Lễ vì nội dung văn học, kinh sách đều chứa đầy những ý tưởng luân lý. Do đó không có sự phân biệt giữa học chữ nghĩa và học luân lý. Học chữ và học Đạo là một, hay nói đúng hơn học chữ chẳng qua chỉ là để hiểu đạo lý mà thôi. Vậy mục đích của nhà trường là giáo dục, dạy làm người để tập làm người. Khía cạnh trí thức (dạy) phụ thuộc khía cạnh luyện tập. Học để hành, thi cử xong, ra làm quan tức là bước vào thời kỳ hành đạo. Nhà Nho cho rằng khi đã am hiểu đạo lý, tất có bản phận đem đạo lý đó phổ biến và giáo hóa cho dân chúng. Tu thân rồi trị quốc. Giáo dục, học tập làm người vừa là nền tảng vừa là mục đích của chính trị. Nếu rui mà không thành đạt hoặc vì thời thế không muốn làm quan nữa, nhà Nho trở về làng, mở trường dạy đạo lý cho lớp người chưa bước vào đời. Tâm trạng của nhà Nho bất mãn vì thời cuộc, về làng mở trường là một thất vọng với xã hội người lớn đã xa rời đạo lý và hy vọng vào đàn trẻ còn trong sạch chưa sa đọa.

Vì không có sự phân biệt giữa chữ nghĩa, kiến thức chuyên môn với đạo lý nên cũng không có sự phân biệt giữa lời nói và việc làm

hay nói đúng hơn, giữa lời giảng dạy và người giảng dạy. Thầy dạy ngày xưa không phải chỉ là một máy nói, phát thanh những kiến thức, nhưng là một chứng nhân của lời mình giảng và người đến học cũng không phải chỉ là đến nghe giảng kinh sách mà còn là cảm kích người giảng, sống thực điều họ giảng. Người giảng là một chứng nhân, và người nghe là một kẻ thụ giáo.

Một điểm đặc biệt nữa trong bầu không khí giáo dục ngày xưa là sự thống nhất về đạo lý : Nho giáo hoặc Tam giáo trong cái nghĩa dung hòa tổng hợp của nó là ý thức hệ, là quan niệm về con người và về cuộc đời có thể coi là độc tôn của xã hội ta ngày xưa.

Ngày nay, nhà trường được quan niệm khác hẳn với những đặc điểm của nền giáo dục vừa trình bày ở trên.

Trước hết là có sự tách biệt giữa luân lý và kiến thức chuyên môn hoặc chữ nghĩa. Nhà trường ngày nay chuyên dạy chuyên môn : Toán, Lý-Hóa, Văn-chương hoặc nghề nghiệp. Ngày xưa thư sinh học ra làm quan, nhưng khi học chỉ học đạo lý chứ không học làm quan hiểu theo nghĩa một khoa-học, một thuật điều khiển người khác. Nói cách khác, thư sinh chỉ học những tiêu chuẩn luân lý của việc cai trị mà không học kiến thức về cai trị như một chuyên-môn, một khoa học. Nhà trường ngày nay, ngược lại, chỉ chú trọng vào kiến thức chuyên môn mà nội

đúng không chứa đựng một chút nào luân lý đạo đức. Đã hẳn nhà trường ngày nay không gạt bỏ hẳn việc dạy những tiêu chuẩn luân lý và vẫn còn một số ít giờ luân lý hay công-dân giáo dục. Nhưng thực tế những giờ đó thường bị coi là không quan hệ và nhất là chỉ được dạy như một kiến thức, nghĩa là dạy cho biết như một điều kiện đề thi đỗ, chứ không thiết-yếu đề mang ra thực hành.

Chính vì thế mà vị trí của người dạy giờ luân lý, công dân cũng khác hẳn thầy dạy đời xưa. Người dạy luân lý bây giờ không cần phải đã sống, đã thực hiện sự hiểu biết đạo lý như điều kiện cần thiết để giảng dạy. Điều kiện cần thiết là biết đạo lý như một kiến thức. Đôi khi, không biết xếp cho giờ gì hoặc thiếu giờ, ban Giám đốc nhà trường xếp cho dạy Luân lý, công dân. Người dạy không còn phải là một chứng nhân cho một đạo lý mình tin theo và thực hiện, nhưng chỉ là người truyền một số kiến thức cho người khác bằng lời nói đề sinh sống.

Vai trò giáo dục của nhà trường ngày nay :

Nếu nhà trường ngày nay chỉ nhằm dạy chữ nghĩa, kiến thức chuyên môn, thì sao còn có thể nói đến vai trò giáo dục gì nữa của nhà trường? Và đề cứu vãn giáo dục, phải chăng phải trở về nhà trường theo quan niệm cũ? Chúng tôi nhận định rằng không thể trở lại quan niệm nhà trường

ngày xưa, đồng thời cũng không thể xóa bỏ vấn đề giáo dục trong khuôn khổ nhà trường ngày nay. Chúng tôi đề nghị hai sự phân biệt như là trụ cột những ý nghĩ biện chính cho quan điểm trên.

Trước hết, thiết tưởng nên phân biệt học chính và giáo dục. Học chính nhằm tạo kiến thức chuyên môn và giáo dục nhằm đào tạo con người ăn ở cho xứng đáng địa-vị làm người.

Trong giáo dục, còn nên phân biệt giáo dục căn bản và giáo dục toàn diện. Giáo dục căn bản nhằm đào tạo những đức tính căn bản cần thiết để sống như một người lương thiện: ví dụ ý thức trách nhiệm, tôn trọng người khác, ngay thẳng, công chính v.v... Đó là một thứ luân lý thực tiễn, một thứ đạo chung cho mọi người. Còn giáo dục toàn diện là đào tạo con người theo một triết lý đạo đức, một tôn giáo hiểu như một ý hướng bao quát toàn diện cuộc đời một người. Giáo dục toàn diện bao gồm giáo dục căn bản bằng cách gán cho nó một ý nghĩa sau cùng, hay đặt nó trên một nền tảng siêu hình.

Theo những phân biệt trên, nhà trường ngày xưa bao gồm cả học chính, giáo dục căn bản và giáo dục toàn diện và nhà trường ngày nay, trừ một ít trường của các tôn giáo, còn đại đa số chỉ nhấn mạnh vào học chính. Như thế nhà trường hiện nay đặt vấn đề giáo dục ở đâu? Trước khi trả lời câu hỏi đó, thiết tưởng phải tìm hiểu những nguyên nhân làm cho nhà trường

ngày nay được quan niệm và tổ chức khác hẳn nhà trường ngày xưa. Chúng tôi thấy có hai lý do chính :

1) — *Sự tiến bộ về kiến thức chuyên môn* : Nhà trường ngày xưa chỉ dạy kinh sách hoặc văn chương, không dạy kiến thức chuyên môn. Thời đó kiến thức chuyên môn còn ít và nghèo nàn cả về nội dung lẫn phân loại. Đôi khi cũng có những hiểu biết sâu xa, như Đông-Y nhưng chỉ có tính cách kinh nghiệm không phải thực-nghiệm. Cho nên cái học xưa chú trọng vào kinh sách và văn từ : kinh sách chỉ để hiểu đạo, văn từ thì để thưởng ngoạn. Có thể lược tóm cuộc đời người như một nỗ lực, nhằm thỏa mãn hai đòi hỏi căn bản : làm và nghỉ, cần lao và giải trí ; chữ nghỉ giải trí (loisirs) hiểu theo nghĩa rộng và bao quát của nó, chỉ thị tất cả những sinh hoạt văn hóa, thể thao, tôn giáo mà đặc điểm chung là tính cách nhưng không, (gratuit) không sản xuất ; đó là một đòi hỏi riêng biệt của con người. Nếu hiểu như thế thì nhà trường ngày xưa chỉ nhằm thỏa mãn đòi hỏi thứ hai mà thôi. Giải trí, nghỉ chỉ là mục đích mà con người muốn đi tới, nhưng tất nhiên là chỉ đi tới sau khi đã làm việc. Ngày nay sự làm việc không còn đơn giản như ngày xưa, trong một xã hội nông nghiệp lấy chính sách tự túc kinh tế làm căn bản.

Hiện tượng công nghiệp hóa và kỹ nghệ hóa đã tạo ra những cơ cấu kinh tế mới do nhu cầu phân công và do sự tập trung vào một

chỗ đông đảo dân số trở nên những thành phố lớn. Kinh tế càng tiến bộ thì sự phân công càng phức tạp và nhu cầu học hỏi kiến thức chuyên môn càng cao. Ngày nay chúng ta đang sống ở một xã hội mà sự học hỏi trở thành một điều kiện càng ngày càng cần thiết để có thể làm ăn sinh sống. Do đó, nhà trường là một tổ chức được thành-lập nhằm đáp lại nhu cầu học hỏi trên. Người ta thấy xã hội ngày nay càng tiến về kinh tế, thì kiến thức cũng càng đi vào chuyên môn. Đó là lý do cốt nghĩa tại sao chương trình học nhấn mạnh vào những bộ môn khoa học chuyên nghiệp và đặt nhẹ dần dần các ngành văn học triết-lý. Ở những nước tân tiến càng thấy rõ khuynh hướng mở những trường chuyên nghiệp dạy nghề và chuyên nghiệp hóa ngành học chính tổng quát (Tiểu, Trung, Đại học).

Như thế nhà trường ngày nay biến thành một bộ phận của sinh-hoạt xã hội và do đó cần được tổ-chức một cách hợp lý trên bình-diện Quốc-Gia.

2) — *Sự phân tán về tôn-giáo* : Ngày nay chúng ta cũng sống trong một hoàn cảnh xã hội không còn thống nhất về đạo lý, tôn giáo như ngày xưa. Sự kiện đó tất nhiên ảnh hưởng tới vấn đề giáo dục. Nếu nhà trường do một cá nhân hay một đoàn thể tôn giáo mở, như công-giáo hay Phật-giáo chẳng hạn, thì cũng phải dạy Toán, Lý-Hóa, Vạn-vật nhưng vẫn có thể tổ chức giáo dục học sinh theo tinh thần tôn giáo của mình.

Tuy nhiên đa số nhà trường bây giờ không phải là do các đoàn thể tôn giáo phụ trách mà là do chính phủ. Trong những trường công lập đó đã rõ là không thể đào tạo theo một tôn giáo nào cả. Tại sao chính phủ không được theo một tôn giáo nào với tư cách là chính phủ trong một nước có nhiều tôn giáo?

Nhu cầu tổ chức nhà trường trên bình diện quốc gia và sự tôn trọng tự do tín ngưỡng là hai mốc chính của vấn đề giáo dục trong khuôn khổ nhà trường ngày nay.

Chúng tôi nghĩ rằng nhà trường ngày nay xét theo phương diện công lập, nhằm hai mục tiêu: học chính và giáo dục căn bản. Nhưng nhà trường đặt vấn đề giáo-dục căn-bản thế nào?

Nhà trường và giáo dục căn bản:

Ở trên chúng tôi đã nhận định nhà trường không đặt vấn đề giáo dục toàn diện — trừ trường hợp những trường của các đoàn thể tôn giáo — mà chỉ đặt vấn đề giáo-dục căn bản. Vậy nhà trường thực hiện giáo dục căn bản đó như thế nào?

Nhà trường không dạy trực tiếp giáo dục căn bản, nghĩa là giáo-dục căn bản không phải là đối-tượng chính yếu của việc học nhưng nhà trường thực hiện giáo-dục căn bản bằng cách gián tiếp trong việc học kiến thức chuyên-môn.

Nói cách khác, nhiệm vụ giáo-

dục của nhà trường nằm ngay trong việc giảng dạy kiến thức và tinh thần tổ chức nhà trường.

Người học sinh đến trường, một phần lớn thời giờ là để học những kiến thức chuyên môn, nhưng đồng thời người học sinh có thể hấp-thụ một nền giáo dục và luyện tập cho mình những đức tính trí thức và luân lý ngay trong chính sự luyện tập trau dồi kiến thức chuyên môn.

Ví dụ: Học khoa học, người ta không hề tìm thấy một ý tưởng đạo đức nào trong những bài toán hay lý-hóa, nhưng sự học hỏi những bộ môn đó dần dần cũng đào tạo cho người học sinh một tinh thần đạo đức như thế nếu không có những đức tính trí thức, đức tính luân lý thì không thể suy luận hay làm công tác khoa học được. Và sau đó, có thể đem thực hành những đức tính ấy trong những lãnh vực ngoài chuyên môn của mình.

Đức tính trí-thức là những đức tính cần thiết cho sự suy nghĩ, tìm kiếm như óc quan sát, óc phê bình, óc chuộng sáng sủa, phân tách...

Đức tính luân-lý như tôn trọng sự thật, khiêm tốn, can đảm, kiên nhẫn, quảng - đại, vị - tha, ngay thẳng...

Một nhà toán học đã nói: « Người học toán không thể nói dối được ». Sự làm quen lâu dài với lối suy-luận mạch lạc, chính xác, rõ ràng không thể không tạo nơi con người một tấm lòng ngay thẳng và biết

tôn trọng sự thật. Cũng như người nghiên cứu khoa học không thể chặt hẹp, cố chấp hoặc kiêu hãnh được.

Tinh thần khoa học là bao giờ cũng chỉ căn cứ vào sự kiện. Đứng trước sự kiện, không thể cố chấp và không biết phục tùng vì sự chứng minh chân lý khoa học không dựa vào lý luận trừu tượng. Cho nên khi người khác tìm ra được một giả thuyết mới, được sự kiện chứng nghiệm thì dù giả thuyết của mình có lỗi cuốn thế nào đi nữa, nhà khoa học cũng phải gạt bỏ đi để chấp nhận giả thuyết của người khác đúng hơn. Hoặc nhà khoa học có khám phá được cái gì mới mẻ thì nhà khoa học cũng không thể tự phụ coi đó là hoàn toàn sự nghiệp của mình. Nhất là ngày nay, khoa học đã tiến rất cao, sự nghiên cứu đòi hỏi một tổ chức phức tạp và nhất là một phân công hợp lý trong một tinh thần cộng tác rộng rãi, nhà khoa học không thể đi một mình để tới một khám phá gì. Do đó một nhà bác học được giải thưởng Nobel hoặc được lấy tên để đặt cho một lý thuyết, thực sự ông nhận vinh dự đó với tư cách đại diện cho tất cả những bạn đồng nghiệp hoặc các cộng sự viên của ông. Và như thế, làm sao ông có thể kiêu hãnh, tự đắc trước sự thực rõ rệt đó.

Học văn chương, triết lý cũng đào tạo những đức tính trí thức và luân lý. Tóm lại bất cứ một ngành học nào cũng là một giáo dục.

Nhưng sự giáo dục luân lý bằng luyện tập chuyên môn chỉ có hiệu quả tốt nếu người học trò được trông thấy trước mắt những gương tốt để có thể bị lôi cuốn hay bắt chước. Ở đây đặt vấn đề tác phong của người dạy và tinh thần tổ chức nhà trường.

Nếu người dạy mà chính mình thiếu tư cách trí thức và đạo đức thì cũng không thể làm cho học trò tin có luân lý và muốn thực hành luân lý. Người dạy có thể không cần khuyên giảng luân lý bằng lời nói, nhưng sống luân lý và sống luân lý trong nhiệm vụ giảng dạy kiến thức chuyên môn. Cũng như nhà trường không cần treo yết nhiều khẩu hiệu đạo đức nhưng thực hành đạo đức và thực hành đạo đức trong tinh thần tổ chức việc học hành giải trí, trong tương quan giữa ban Giám-đốc và học sinh về bài vở tiền bạc, tình cảm...

Ví dụ nếu giáo sư lười soạn bài, lười chấm bài, hay bớt xén giờ dạy, vào chậm ra sớm... Làm sao có thể muốn cho học trò tận tâm và có ý thức trách nhiệm? Hoặc gian lận trong việc biên soạn bài vở, như lấy tài liệu của người khác làm của mình không đề xuất xứ hay công kích chê bai giáo sư khác vì ghen tỵ, tranh chấp quyền lợi, uy tín... như thế làm sao dạy học trò biết cư xử theo phong độ trí thức và tập cho có sự liêm chính trí thức?

Hay mở trường để kiếm lợi, coi việc dạy học chỉ như một nghề buôn theo luật cạnh tranh của thị trường. Trong tinh thần ấy, làm sao có thể nói đến giáo dục, luân lý gì được?

Cho nên nhà trường ngày nay vẫn có một vai trò giáo dục và nhà trường chu toàn vai trò đó trong chính việc giảng dạy và tổ chức học vấn của nhà trường.

Sự học tập các kiến thức chuyên môn tự nó, có một tác dụng giáo dục, nhưng với điều kiện là trong một bầu không khí đượm tinh thần đạo đức. Nói theo Khổng-Tử, phải có Lễ nơi người dạy, cách tổ chức, chế độ học chính. Khi vào nơi nghiêm trang tôn kính như chỗ tế tự, người không nghiêm trang cũng phải trở nên lễ độ cung kính. Bầu không khí lễ giáo có thể hoán cải tâm hồn theo đạo lý thì bầu không khí vô luân cũng lôi cuốn tâm trí vào con đường sa đọa tinh thần.

Đến đây là lúc phải tìm hiểu, tại sao nhà trường công lập không thể đặt vấn đề giáo dục toàn diện. Lý do chính của nó nằm trong quan niệm về vai trò và nhiệm vụ của nhà nước trong nhiều xã hội hiện đại.

Giáo-dục và tôn-giáo, hệ tư tưởng

Trong lịch sử, những nền học chính ở thời kỳ tiền dân chủ chưa xây dựng trên sự phân biệt quan trọng Đạo với Đời, và do đó thường lẫn lộn, đồng hóa học chính với giáo dục toàn diện. Ví dụ: bên

Âu-Châu, thời Trung-cổ, khi một tôn giáo chiếm ưu thế tuyệt đối trong một Quốc gia, nghĩa là khi đa số dân chúng đều theo một tôn giáo, thường xảy ra hiện tượng coi tôn giáo độc tôn đó là Quốc-giáo, chi phối trên bình diện giáo dục, không những học chính mà còn cả giáo dục toàn diện con người nữa. Điều đáng chú ý là sự lẫn lộn học chính với giáo dục toàn diện cũng thường đi đôi với sự lẫn lộn thế quyền với thần quyền. Chính vì thế mà khi xảy ra sự tranh chấp giữa thế quyền và thần quyền — do ý chí muốn đòi hỏi sự tự trị của thế quyền — thì đồng thời cũng xảy ra tranh chấp trên phạm vi học chính giáo dục. Trong lịch sử các nước Âu-Châu, sự tranh chấp đó nở rộ dưới hình thức trường tư và trường công.

Chế độ trường tư thường là của Giáo-hội. Buổi đầu nền học chính ở khắp các nước Âu-châu là do tôn giáo tổ chức và lãnh đạo. Từ sau cuộc cách mạng dân quyền, học chính thành một chế độ, một trách nhiệm của Quốc-Gia. Cũng từ đó bắt đầu cuộc tranh - chấp giữa trường công và trường tư. Một vài nước như Hà-Lan đã đi đến chỗ thỏa thuận trong chế độ tự-do học chính. Chính phủ ban bố chương trình, kiểm soát hoạt động các trường và trợ giúp cho các trường đủ điều kiện một cách bình đẳng. Trong các nước khác như Pháp, Bỉ chưa giải quyết được những mâu thuẫn trên và cuộc tranh chấp vẫn còn khá gay go.

Lý do mâu thuẫn này là sự không còn thống nhất về tôn giáo. Buổi đầu cả Âu-Châu theo Công-giáo và nền học vấn thấm nhuần tin tưởng Thiên-Chúa Giáo. Từ thời Phục Hưng của thời cải cách và nhất là sau Cách mạng Pháp, mỗi duy nhất về tôn giáo bị tan rã. Công dân trong một nước phân chia thành nhiều tôn giáo với những quan-niệm về cuộc đời và nhân sinh đối lập. Nền học lúc ấy không thể lấy một tôn giáo nào làm căn bản nữa và chế độ trường công chủ trương một nền học trung lập. Các trường công-giáo cũ nay coi là trường tư.

Nhưng các tín đồ theo Thiên-Chúa giáo cho rằng một nền học không thể trung lập được, nền học mệnh danh là trung lập là một nền học vô thần, phản tôn giáo, thành ra họ tranh đấu đòi tự do học chánh và hơn nữa còn đòi Chánh phủ phải trợ cấp cho cả trường tư. Cuộc tranh luận sôi nổi gát gao và còn tiếp tục mãi cho đến ngày nay nhất là ở các nước Pháp, Bỉ.

Ở các nước lấy Phật-giáo hoặc Hồi-giáo làm quốc giáo cũng có thể xảy ra một tranh chấp tương tự khi nào những đạo đó không còn nắm giữ địa vị độc tôn trong nước.

Muốn giải quyết các mâu thuẫn trên, nghĩa là muốn thống nhất và hợp lý hóa quan niệm về tổ chức học chính, điều kiện căn bản là tất cả mọi người phải nhìn nhận sự bất đồng ý kiến trong phạm vi siêu hình và tín ngưỡng giữa những người cùng sống trong một đoàn

thề quốc-gia và từ đó đi đến chỗ tôn trọng tôn giáo của nhau. Đã gọi là tín ngưỡng hay chủ nghĩa siêu hình tức là nói đến các phạm vi không thể hoàn toàn chứng-minh theo lý trí thành ra mỗi người có tự do tuyệt đối lựa chọn lý tưởng tối cao cho cuộc đời của mình theo lương tâm chỉ bảo.

Trong tinh thần đó, về phương diện học chính cần phải phân biệt học chính và giáo dục. Trong giáo dục có thể quan niệm hai phạm vi: *Giáo dục căn bản và giáo dục toàn-diện*. Giáo dục toàn diện là tìm một lý tưởng tối cao cho đời người, một ý nghĩa cuối cùng cho tất cả sinh hoạt nhân vị. Phạm vi này thuộc phạm vi mà trên kia chúng tôi gọi là phạm vi tin tưởng trong đó mỗi người phải hoàn toàn tự do định đoạt và lựa chọn. Giáo dục căn bản hay giáo dục hợp lý có thể quan niệm như một nền giáo dục công dân dự bị thể hệ thanh thiếu niên vào cuộc sinh hoạt xã hội, một nền giáo dục nhân bản. Học chính theo nghĩa hẹp, lúc ấy sẽ là công cuộc của thể hệ trường thành chuyên thông kiến thức và kinh nghiệm cho thể hệ thợ trẻ.

Do đó, nền học chính sẽ nhằm mục đích rõ rệt : gây dựng đào tạo một giáo dục căn bản, cung cấp các chuyên môn sở trường cần thiết cho sinh hoạt xã hội. Dĩ nhiên đường lối giáo dục này chỉ là một nền giáo dục công dân hạn hữu trong phạm vi hợp lý cần thiết để gây mối đồng tâm trong sinh hoạt

xã hội. Con người còn nhiều sở năng siêu việt vượt phạm vi hợp lý và phạm vi xã hội. Một nền giáo dục xã hội chỉ thành công nếu biết dự bị cho con người qua trung gian xã hội, vươn tới các giá trị nhân loại cao hơn. Nói một cách cụ thể, nền giáo dục cộng dân phải tôn trọng và cởi mở đón nhận nền giáo dục toàn diện, cung cấp cho nền giáo dục này những phương tiện cần thiết để phát triển. Nền giáo dục này có thể do chính cá nhân lựa chọn hay do gia đình tôn giáo hướng dẫn.

Nói tóm lại sự phân biệt học chính và giáo dục toàn diện bao hàm một quan niệm đa nguyên về tôn giáo hay về hệ tư tưởng (pluralis-

me religieux ou idéologique). Ví dụ, nền Đại - học Quốc - gia không thể chính thức theo một tôn giáo nào và bó buộc người sinh viên muốn theo học phải theo tôn giáo này hay nhận chủ nghĩa kia. Nhiệm vụ của Đại học chỉ là tạo điều kiện giáo-dục và phát huy ý thức nhận định, khả năng suy luận của sinh viên để tự ý họ lựa chọn lấy cho mình sau này một con đường, một ý nghĩa mà họ cho là thích hợp với cuộc đời của họ.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Kỳ sau — Vui trò của chính quyền, nhà nước.

— Cộng đồng nhà trường, một lực lượng tinh thần của quốc-gia.

● Bất công gọi bất công ; bạo tàn sanh tàn bạo

Lacordaire

● Không có đê tài nào ít lí thú ; chỉ có những người ít chú ý mà thôi.

C. K. Chesterton.

nhà in **VĂN-HÓA**

412-414 Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn — Đ.T. 20.161

MỘT NHÀ IN LÂU NĂM ĐƯỢC NHIỀU TÍN NHIỆM



● ĂN LOÁT MỸ THUẬT

● CÔNG VIỆC NHANH CHÓNG, GIÁ HẠ

● CÁC GIAI PHẨM, SÁCH BÁO, CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT

NHỮNG NGƯỜI CHẾT CHƯA CHÔN

«... K HÔNG biết vì cái lợi thế của sức vóc hay vì ảnh hưởng của cuộc đời chém sóng bừa gió mà từ khi bỏ học lẫn mình tranh sống với thiên nhiên là anh bắt đầu đóng đinh một quan niệm : Đối với kẻ ác là phải giải quyết bằng sức mạnh. Cho đến về sau, vi trùng Hansen trực tiếp giúp nghèo khổ loại anh ra khỏi biển thì nó cũng không loại được cái tư kiến duy lý kia ra khỏi đầu anh. Trái lại nó càng làm anh thêm giận hờn. Đi vào thế giới phung hủi anh mang nó theo. Và anh đã gặp cái thằng Ri đó.

Anh đã lầm, em nhớ lấy nghe Hải. Anh chia hết mũi nhọn tức uất vào thằng Ri. Anh xem nó như kẻ thù — và cùng với các bạn anh dốc sức mạnh vũ phu xuống đầu nó. Anh đã lầm phân nửa thái

độ và trọn hết hành động đó. Nên cuối cùng nó vẫn ác hại như độc trùng. Nên cuối cùng anh hứng một túi nhục. Anh chết, quả còn muốn khóc . . .

Nó làm khổ anh em thì trừ nó là nên. Nhưng nên trừ thế nào cho phải ? vì dù sao nó cũng chỉ là một bệnh nhân. Then chốt ở đó. Anh đã nhìn sai mục tiêu thành đã dùng sai phương tiện.

Sắp tới, với bức thư này và với bài học đó em hãy thay anh làm cho được điều anh làm chẳng được. Không phải vì anh — bởi anh không còn, cũng không phải vì em — bởi em không là bệnh nhân, mà là vì anh em bệnh ở đó.

Bóng nó đang đè trên cái yên vui vớt vát của anh em...»

Bảy giờ là một đêm mùa hạ.

Bãi biển N.T. như dày thêm tiếng nói. Những khoảng trống loang lổ bị những thân áo lấp hẹp dần. Chuỗi đèn đường không sáng nổi những nét mặt đang nhìn sóng trải mình trên cát.

Mấy mươi phút rồi, Sơn vẫn chăm chú theo dõi một khuôn mặt nổi sẵn bên ánh sáng ngọn đèn dầu một hàng nem nướng. Dư đặt vào tay anh gói đậu phộng rang. Tiếng Ngạn hỏi em bé bán đậu có cái giọng của một người chuyên đi tìm hiểu cái khổ cực của đời.

Sơn cắn phụng vỏ đậu, dùng đầu lưỡi hất cho hai hột đậu rời ra rồi phun vỏ. Mấy đầu tay mất cảm giác lại mò mẫm trong cái gói nhỏ hẹp.

— Thối bạc giấy cho anh, em !
Đừng thối bạc chì...

Một im nín kéo vừa đủ cho một câu hỏi, nhưng em bé không hỏi mà chỉ dạ. Tuy vậy Dư vẫn nói thêm :

— ... Dễ rớt lắm.

Sơn cười trong lòng. Phải nói khó lấy lắm mới đúng. Bỏ nó trong túi áo sơ mi thì với những ngón tay tê dại đó không dễ mà kẹp được nó nếu không có bàn tay kia giúp đùn đẩy túi. Mà bỏ vào túi quần thì mỗi lần lấy là kẻ như phải kéo theo cả túi ra ngoài. Giữa chỗ đông người trông thiệt là kỳ cục ; nó xui cho người ta nhìn đề rồi sau đó dầm đầu ngón tay mất móng không biết trốn chỗ nào cho kín.

Sơn phun vù vỏ đậu. Một thơm

dồn lại bề vụn. Nhưng Sơn chột ngừng nhai tức khắc.

— Nó đi rồi kia.

Dư Ngạn xoay lại rồi không hện cả ba cùng đứng dậy một lượt. Ngạn thốt một tiếng mạ lỵ thoát từ hai hàng răng khép khít. Nghe nó Sơn như được tiếp giận.

Vừa quanh co len bên cạnh những cánh chân duỗi dài những mí khấn mí chiếu, Sơn vừa nhìn chừng theo cái dáng mập lùn, cái đầu cao trọc vừa ra tóc đầu mới một kỳ hớt dưỡng. Qua khỏi hàng nước đá, khoảng cách đã gần. Ngạn gọi lớn :

— Ri !

Y quay lại, còn ngo-ngác thì Dư đã bước nhanh tới choàng tay qua vai y. Ngạn bước theo kẻ một bên tay.

— Xuống dưới kia chơi đi. Mình cùi mà ở chỗ đông đảo chi.

Sơn tưởng như da mặt mình ai vừa vãi trấu. Không quay lại cũng biết sau lưng người ta đang nhìn vào những chỗ nào. Dư bạo nói quá. Với Sơn thì tiếng hỏi tiếng phung nghe còn ít đau hơn. Tiếng cùi sao nó gọi toàn những hình ảnh chết lòng người chịu. Thật chưa một lần nào Sơn dùng tiếng cùi trước một người lành mạnh dù với người thân cũng vậy. Lúc mới vương bệnh, có lần mua một tạp-chí gặp một bài thơ của H.M.T., Sơn đã lấy mực bôi kín ngay cái chữ cùi ở lời giới thiệu. Và nhiều lần khác hề nghe người đối thoại vô tình gọi

lầm thùng đầu lừa hiệu con sò là thùng tay cùi thì Sơn tìm ngay chuyện nói lấp. Mang mặc cảm phẫn nhân Sơn sợ người ta liên tưởng, Sơn sợ bước nhảy vọt của liên tưởng, nó dễ đưa người ta đến thẳng sự ghê tởm.

Vì vậy đọc báo đọc sách Sơn cứ phải gặp luôn những xốn xang chua xót. Nó nằm ngay dưới gò bít của số đông văn sĩ ký giả. Họ ví von sao mà thần nhiên, ác độc lạ kỳ : « Nàng vội lùi tránh như tránh một thằng cùi », « Tôi làm mặt buồn như đưa ma thằng hủi »... Nghĩ cũng không hiểu sao nữa. Hình như muốn cho lột hết khủng khiếp hoặc cho câu văn hài hước thêm duyên là y như họ lại đẩy thẳng cùi ra. Họ không cần biết là chính điều đó đã làm cho bao nhiêu con hủi thẳng cùi thăm khóc.

Ngạn-Dur thường cho là họ vô ý thức. Sơn thì nghĩ xa hơn. Sơn nghĩ rằng nó bắt nguồn từ một trạng thái tư tưởng vô nhân đạo lâu đời, và đã trở thành một ấn tượng sâu sắc trong đầu óc, chứ không phải là một ý nghĩ bất chợt. Chưa khi nào Sơn thấy họ viết tiếng bạn tiếng anh em bên cạnh tiếng cùi, và niềm thương xót họ có thể gởi cho một cánh hoa rơi chẳng hạn, chứ không gởi cho một người cùi bao giờ. Cứ cái đà chênh lệch đối xử đó, xã hội loài người có lẽ đến phải hiệu là còn có thêm hai đẳng cấp cao thấp nữa : người mạnh và cùi.

Vậy đấy mà giữa bao nhiêu đôi

mắt Dur đã dám vạch áo giơ cái lưng nòi hần những dấu vết của một thứ bậc còn buồn hơn thứ bậc người cùng đinh Ấn-Độ ngày xưa. Sơn có cảm tưởng sự tê chai của da thịt nó làm tê chai luôn cả thái độ nhìn đời.

Tuy nhiên sau đó mấy phút Sơn chợt hiểu được thâm ý khôn ngoan của Dur. Câu nói bạo đó có hiệu lực của một sức đầy. Thằng Ri dù muốn đứng lại cũng không được nữa : bất cứ người cùi nào cũng có thể chịu đựng được cái đau mổ xẻ nhưng cũng không một người cùi nào có thể chịu đựng nổi sức nặng của những cái nhìn. Vì vậy việc đưa y đi đến chỗ vắng hớa ra dễ dàng.

Ngoái đầu nhìn lại y có vẻ hoảng khi thấy phía sau đã vắng vẻ giống hệt trước mặt. Và có lẽ đã bắt đầu ý thức được những góc cạnh nhọn lều của tình cảnh nên y đứng lại, làm một cử chỉ vùng vằng nhỏ giữ hai gọng tay :

— Chơi cái chi mà đi xuống đây? Thả tay tôi đi đàng hoàng coi, mấy anh.

— Thì rần chút nữa mà cậu. Chuyện cùi của tụi mình thì phải phiền phức vầy cậu chưa biết sao?

Giọng Ri cố nín cái hách thường có để giữ bình tĩnh hơn là để tỏ oai song cũng làm Sơn thấy nóng. Tuy nhiên câu nói có bề bên của Ngạn làm Sơn thỏa mãn ; có lẽ nó căng lo lắng ra trong đầu thằng Ri.

Đi thêm mấy chục thước nữa

thì tất cả cũng dừng lại. Hàng dương ven bãi như một tấm bình phong lớn che khuất trọn một quãng đường. Ánh sáng lùi lại sau xa.

Ri đã thành một tâm điểm của một hình tam giác. Đôi cánh y bị quặt ra sau và hai cõ tay chấp dính trong vòng dây nịt.

— Ri, Anh có biết tại sao bọn tôi phải đối xử với anh thế này không ?

Y run nghe rõ :

— Tôi có chi đâu anh Sơn. Đừng hiểu lầm tôi . . .

— Hiểu lầm rồi ! Vậy chớ ở Q, anh làm gì ?

— Các anh biết rồi mà.

— Biết mới hỏi. Nói đi.

— Dạ cái vai Trật-tự đó là do...

— Rồi. Còn gì nữa ?

Y ra vẻ ngơ ngẩn, cái ngớ ngẩn của một con cáo trá hình lương thiện. Bao nhiêu cái thâm độc, đê tiện mà Sơn đã thấy đã nghe về y đột ùn ùn hiện ra trên khuôn mặt lơ mờ trước mắt Sơn.

— Còn chi nữa đâu ? Tôi có còn chi nữa đâu anh ?

— Còn. Mày là một con chó thính hơi, một con rắn tối độc.

Bị cúp co hy vọng y hoang mang ngay và yếu ớt phản đối :

— Sao anh lại nặng lời...

Ngạn tung ngay nắm tay vào một bên má y :

— Chưa đâu mày. Phải cọng

thêm sức mạnh của những cái thoi thế này mới đủ nặng.

Y xiềng người sát bên Dư. Và nhân đà y thỉnh linh vọt chạy ;

— Ở người ta ! tội nó giết...

Dư đã đuổi theo, và trong một cái đập phóng của Dư y nhúi chúi trên cát. Như vira chể thêm dầu, tức uất âm i bao lâu cũng trút nhau xuống thân y, không còn thấy thương xót. Tiếng la của y làm Sơn thêm ghét. Những cú đấm không làm đau được tay, Sơn quên hiểu vì sao, mà chỉ cứ cảm tưởng mình đánh chưa được mạnh. Và Sơn dùng tận lực.

Cho đến lúc y quần như con trùn và biết phận không còn là nữa, chỉ khóc, van xin hết điều, Sơn mới thôi, mới bảo Dư-Ngạn thôi.

— Bọn tao muốn giết mày cũng không khó gì đâu nghe Ri. Cứ vẫy mà kéo mày đi thẳng ra mười thước ngoài nước, rồi đứng trên đầu mây mười phút là êm. Đừng tưởng bọn tao còn tiếc gì mấy cái thân bỏ này mà không dám làm như vậy. Không bọn tao không giết mày là vì không nỡ, vì chưa muốn...

— Tôi hiểu rồi — y rên rĩ thảm não, xin các anh tha tôi.

Dư quay phắt lại, cắt ngang :

— Mày hiểu rồi cái gì ? Đừng láu lỉnh làm tao nghĩ đến cái căn tính của mày, ghét lắm.

Giọng Dư còn nặng những giận hờn chưa hả.

Sơn rút thuốc kê vào môi lửa

của Ngạn. Ngậm đầu thuốc Sơn ngồi xuống thở khói, rồi thuận tay mở luôn dây nịt ở tay y.

— Với Trật-tự Ri cái gì cũng phải khác cách, đánh trước rồi mới nói sau. Sao vậy, Ri?

Bị Dư chặn mất ngách ban nãy y hết dám bừa, chỉ buồng một tiếng dạ ấp-úng lẫn trong tiếng rên nhỏ.

— Giờ thì nói chuyện đảng hoàng — Sơn đổi giọng bình thường chỗ nào không đúng anh cứ cãi. Trước hết tôi cần xác nhận lòng kính mến của bọn tôi đối với hầu hết mấy Mẹ coi-sóc Q... Đó là những tâm hồn thánh thiện. Tôi ít khi chịu cúi mình trước ai nhưng với những vị đó nếu cần làm vậy để biểu tỏ lòng mình tôi cũng sẽ chẳng từ, Không phải vì sợ, hay vì nịnh như anh, mà là vì phục. Tôi phục thật tình. Tự đem cuộc đời mình gắn vào giữa những mảnh sống phung hủi, đề quanh năm chỉ thấy những khuôn mặt sần sùi, những đầu tay đầu chân lở loét, đề ngày ngày giúp họ lành từng phân da thịt, giúp họ vớt từng niềm vui nhỏ. Tôi thương nghĩ : trong ba tỷ người địa cầu có được bao nhiêu tấm lòng như vậy ?

Đầu thuốc lờ mờ sáng nửa dưới mặt Sơn. Ri liếc nhìn lên mặt Sơn rồi lại cúi xuống.

— Đó là một — Sơn chột trao cho y đầu thuốc và đưa chাম lửa lại gần — Điều nữa, là bọn tôi cũng hiểu rằng cuộc sống chung đồng đảo nào cũng cần có kỷ luật, như xã hội cần luật pháp. Không có

không được. Cho nên bọn tôi không phản nản gì hết sự nghiêm chỉnh cần thiết đó mà các anh có bổn phận thừa hành. Anh có tin tôi nói thật không Ri ?

— Dạ... tôi không dám...

Ngạn bỗng cười một tiếng ngắn. Như đầu con rùa vừa ló đã gặp tiếng động, y vội rút ngay, thín thít. Sơn ném vòng mầu thuốc xuống mé nước. Tàn lửa uốn một đường cong ngắn ngủi.

— Như vậy bọn tôi và phần đông bà con khác không ưa anh không phải vì cái trách nhiệm của anh. Cũng không phải vì thấy gia đình anh được ưu đãi đặc biệt. Anh nhớ điều đó. Chúng tôi oán hờn anh là vì cái tâm địa hèn hạ thâm độc của anh. dụng lòng tin cậy của mấy Mẹ anh đã rình rập, bới long tìm vết, thổi phồng mọi việc để gây cho mấy Mẹ giận kỳ được cái người anh ghét. Bấy lâu nay có khi nào anh tính thử con số người anh đã làm cho bị đuổi ra khỏi Q. mà không kêu ca được một lời đó là bao nhiêu không ? Há Ri ?

Y gục đầu thấp thêm, không nói, đầu thuốc ở tay run run diêm lửa. Dư đang ngã mình trên cát, đột ngồi dậy nhìn chăm vào y :

— Nhắc đến những việc đó là tao muốn nuốt sống mày Ri à ! Tại sao mày không có một chút lương tri nào là sao ? Những thằng cùi như mình bị đồng loại khinh bỉ, rẻ rúng, sống dở chết dở, ê chề tủi nhục, nghe đâu có sự đùm bọc của tình thương là tìm tới, bầu

niêu, vịn dựa, đề rồi phải gặp mây, mà đành lại đi, đi nữa, tìm nữa. May mà loại người súc vật như mây không phải ở đâu cũng có, nếu không thì những thằng cùi nào còn mang ít nhiều tự trọng nó còn biết đi đâu? Hừ, đi đâu? Đi chết, có phải không?

Dư đứng bật lên theo câu nói và bàn chân phải rún lên hướng về khuôn mặt đang cúi, toan trút căm hờn trong cái đá. Nhưng Ngạn đã nhanh tay cản lại:

— Thôi Dư, đủ rồi. Nếu nó biết nghe thì với bấy nhiêu đủ để nó suy ngẫm mà nên tốt. Còn nếu tâm địa nó đen đặc, hoàn toàn ương thúi thì thêm một vài cái đánh đá không phải là thêm. Việc đó đành lại lần sau. Từ đây tới đó còn phải chờ xem đã.

— Đúng vậy, Sơn tiếp lời, bọn tôi sẽ chờ xem anh.

— Dạ, các anh tin tôi, tôi thấy được lỗi lầm rồi. Tôi sẽ...

Sơn ngắt lời:

— Tôi không muốn anh có một phát biểu vội vàng nào hết. Hành động bao nhiêu lâu không phải chỉ bấy nhiêu phút mà nhớ được hết đề xốt xa. Anh cần tự xét thành thật hơn. Sẽ có lúc bọn tôi trở lại Q. và mong rằng bọn tôi sẽ gặp một anh Ri khác, một anh Ri được tất cả mọi người yêu mến...

* * *

Hai năm sau...

Vào một ngày đầu năm, Hải

mang đi ngôn người anh bất hạnh tìm về Q.

... Với bức thư này và với bài học đó em hãy thay anh làm cho được điều anh làm chẳng được. Không phải vì anh — bởi anh không còn, cũng không phải vì em — bởi em không là bệnh nhân, mà là vì anh em bệnh ở đó.

«Bóng nó đang đề trên cái yên vui vọt vát của anh em...»

Âm vang những tiếng nói sau cùng đó làm Hải khóc bao lần cuộc đời — nó đã nhìn anh bằng đôi mắt cay nghiệt, bằng tấm lòng gỗ đá, nhưng khi phải buông tay rời bỏ nó anh vẫn còn tha thiết. Anh đã yêu cái sống biết bao nhiêu!

Hải làm sao ngờ điếc cho đành. Hải phải tận mắt biết cái bề rộng và sức nặng của cái bóng đã khiến anh chết không có nụ cười.

Một tuần lễ nay Hải đã biết nó. Đến với tư cách một người xin thử máu nằm bệnh, đi với mảnh giấy chứng chỉ không trùng — Hải có được một khoản thời gian vừa đủ. Máy giờ nữa thôi Hải sẽ mang theo về cái muốn tìm.

Trăng về sáng xuống tránh lạnh sau một tàn đĩa cong vắt qua trời. Ánh sáng nơi khung cửa sổ Hải ngồi bị gạt lọc trở thành mờ ảo. Dãy nhà bệnh bên kia đường im lìm say ngủ. Tiếng gà gọi ngày từ trên xóm vọng về thưa lẽ quá không gây được một nồn nao nào.

Chú Sinh rót trà ra ca rồi nhẹ tiếng mời:

— Uống trà đi chú. Uống cho ấm.

Hải mỉm cười với người bạn vong niên mới. Nhấp từng ngụm nhỏ, Hải nhìn chú qua làn khói mỏng. Chú như người không bệnh, trừ bàn tay trái bị rút co ngón còn thì toàn thân đều bình thường. Hải hiểu đó là loại bệnh gân khác với bệnh nôi. Một đặng dễ nhìn hơn nhưng nghe đâu hơi khó chữa hơn, một đặng dễ chữa nhưng hằng ngày dễ gặp nhiều tai cực. Đặng nào cũng mang trọn đau thương.

Hồi lâu, Hải chợt hỏi :

— Máy hôm nay chú chỉ biết cháu là Hải thôi phải không ? Chú nhớ thử xem cháu giống với người nào chú thân ?

Chú Sinh rời ca ra khỏi môi, chăm chú nhìn Hải lạ vì câu hỏi.

Đợi một chút Hải tiếp :

— Sắp về cháu không dấu chi nữa, cháu là em của Sơn đây chú.

— Thiệt sao ? Trời ơi hèn chi tôi cứ ngờ ngờ.

Đặt vôi ca nước xuống, chú vỗ vỗ trên vai Hải, vui mừng thành thật.

— Sơn mạnh giỏi chớ ? Lâu nay ở đâu ?

Tự nhiên Hải nhích cười. Rồi Hải nói chậm chậm như nói với ai ngoài trời :

— Ở trong đất. Ở trong lòng đất...

Bàn tay trên vai Hải như đề rớt. Cái buồn ập đến thình lình trong lúc cái vui tan chưa kịp khiến cho

khuôn mặt có những nét nhăn già hiện thấy rõ một ngờ ngác ngập-nghững đáng thương. Hải xúc-động, cúi mắt nhìn gương nước lên hơi.

— Sơn chết thiệt sao chú ?

Hải khẽ dạ, mắt vẫn cúi. Ca trà xoay tròn trong đôi tay.

— Đau cách chi mà chết đi ? Chú ? Bệnh chú Sơn đã chi đâu ?

Hải ngừng lên, nhìn ra ngoài sáng lạnh. Rồi Sơn quay lại :

— Cuối năm rồi anh Sơn cháu có trở lại đây chú biết không ?

— Tôi chỉ nghe anh em nói chớ không gặp được. Chú bị bọn thằng Ri chặn đuôi ngoài cổng...

— Nguyên nhân là đó. Cháu không thể tin là anh cháu chết chính do cái bệnh ác nghiệt này. Không, thời kỳ đó chưa đến. Cháu chỉ đồng ý nó có hộ trợ. Còn nguyên nhân chính, là uất ức tủi nhục mà anh cháu đã va phải ở ngoài cổng kia.

Chú Sinh lặng lẽ gật đầu.

— Thằng Ri, Hải tiếp, nó ôm cái thù năm trước, gặp dịp là nó trả. Không biết thái độ đuôi xua của nó lúc đó phũ phàng đến mức nào mà khi quay về anh cháu đã phải nằm ngất đi trên đường đèo...

Hải nín dờ chừng, thương uất chèn đau tâm tưởng. Chú Sinh ứa nước mắt, nạm ngùi.

Mãi chú mới lên tiếng :

— Có lẽ các Mẹ không ngờ nổi cái bi thảm này, Khờ là không làm sao nói cho các Mẹ biết bề trái của

nó. Các mẹ đã tin cậy thì cũng khó mà mở lời. Như vụ thợ hồ hôm qua chú thấy đó. Nó không biết gì về nghề nghiệp nhưng nó lại muốn chuyên môn phải làm theo cái dốt của nó. Trăm phần quấy, song rồi không hiểu nó nói thế nào mà cả một toán thợ đều bị thôi việc. Thấy mãi đến quen chú à.

Hải thở dài, thương câu nói. Họ quả là những thân cây đã chịu bão nay chỉ cầu một lặng êm để sống. Hải còn nhớ lời anh thợ hồ hôm qua.

— Cái giỏi của anh là giỏi hát kia, không giỏi được cái nghề này đâu mà hồng bất thiên hạ theo. Anh em bình phải sao họ đành vậy chớ bọn tôi thì không được. Chẳng làm ở đây bọn tôi cũng chẳng đói. Mà dù có đói thà về giữ con cho vợ chớ không đâu cái hạng anh, đứng lên mặt...

Lúc nghe Hải chỉ thấy thỏa mãn một bề. Bây giờ ở khía cạnh khác Hải mới thấy nổi hiện cái « phải sao đành vậy », tội nghiệp vô chừng. Câu than của Mẹ Francelle hôm nào lại trở lại. « Trong cảnh này Mẹ không hiểu tại sao các con lại nữ không thương nhau ». Nói câu đó Mẹ đã nói bằng tiếng nước Mẹ. Và chính vì vậy Hải mới càng xấu hổ như chính mình có lỗi.

Chú Sinh châm thêm nước vào bình. Hương trà cao nguyên tản mạn. Chử tại sao lớn vồn không rời.

Một cái bóng gì đột lướt qua khung cửa rồi dừng lại nằm vật qua tay Hải. Hải giật mình ngoảnh ra. Tự nhiên Hải bối rối, nghiêng vội

đầu chào đáp một cái chào, và tuy không cười được theo một nụ cười nhưng môi cũng mở.

Chú Sinh nhìn theo hỏi :

— Ai đó chú ?

— Dạ không... cô Thi.

Tiếng dạ không vô cớ làm chú Sinh thấy lạ. Cũng biết mình hớ-hênh Hải cười ngượng nghịu, cúi tránh cái nhìn dò xét. Chưa tha chú Sinh lại hỏi :

— Chú mới đến mà quen được sao ? Ở đây đâu phải...

Hải vội nói lấp :

— Dạ không đâu, hôm mới tới cháu gặp cô ở ngoài tỉnh đi về chung một đường. Nhờ vậy mới quen.

Chú à một tiếng nhỏ, không biết vì đã hiểu ra lẽ điều đó hay một điều gì khác nữa ở người bạn trẻ. Chú tùm tùm, nói như nói một mình:

— Mía sâu có đốt thiệt. Thằng Ri thì vậy mà cô em lại hiền như đất...

Rồi chú đứng dậy cầm ấm đi ra bếp, để lại một câu nói tiếp theo đó nhưng lại như tách rời :

— Tuổi trẻ thiệt ngộ.

Hải thấy băng khuâng. Bóng cô gái gánh nước sớm đã khuất rồi nhưng ánh mắt nụ cười như còn đứng mãi dưới trăng.

Trong khoảnh khắc đó cái bồi-hồi ban nãy lại trở về êm ả. Và dần dần theo cái bồi hồi ban đầu mới mẻ.

... Con đường dốc nắng. Gió đùa vạt áo. Chiếc đòn gánh trên vai áo nu giữ quân bình đôi gánh, nhún nhịp nhàng theo mỗi bước đi. Cái đẹp đó Hải thường thấy nhưng hôm nay ở dáng dấp này có cái gì rất lạ.

— Anh vào thăm người thân à ?

Hải cười :

— Không cô ạ, tôi vào nằm bệnh.

Bước đi như dừng lại, vành nón chênh nghiêng để đôi mắt đen huyền chao một vòng xem xét. Gặp cái cười của Hải, Thi cười theo rồi nhìn trở lại phía trước :

— Anh đùa chi. Bệnh hay không tôi biết mà.

— Cô có ở chuyên môn sao ?

— Dạ không có. Chỉ quen mắt rồi biết.

— Vậy cô làm sao biết được bên trong da thịt ? Anh em gần gũi, anh tôi có bệnh tôi phải bị lây thôi, tôi chắc vậy.

Thi cười trong nắng :

— Anh cố ý nói cho tôi cãi phải không ? Anh hiểu vi trùng Hansen ra sao mà anh chắc là phải bị lây ? Tôi cũng có người anh bệnh trên mười năm rồi đây, mà tôi thì... như anh thấy.

— Đó là cô chưa bị lây đó thôi.

— Dạ, cũng có lẽ. Vi trùng chắc nó chờ tôi già.

Hải bật cười, mếu ngay cái yêu đời của cô gái. Hải nhìn rất lâu nét vui đang nghiêng nghiêng duyên dáng được nắng viền sáng rõ. Vẻ đẹp thật là hiền.

Sực nhớ một điều, Hải hỏi :

— Như vậy cô không phải người trên làng ?

— Dạ không. Gia đình tôi ở hẳn trong Q. với người anh.

Hải ngạc nhiên vì điều đó :

— Sao lại được đặc biệt vậy ? Người anh...

Hải bỗng nín vì nhận ra nét vui của Thi vụt tắt. Vành nón nghiêng thấp đi, u buồn ánh mắt.

Trong thoáng chốc lặng im ấy không hiểu vì đâu Hải tự dưng nghe lòng xao xuyến khác thường...

Hải thở dài thương xót chính mình. Hải đâu ngờ Thi lại là em của Ri. Và mấy giờ nữa giã biệt Q. để làm tròn lời Sơn ký thác, Hải lại phải vướng bận một bản khoán. Quãng đường đi đến đích nào sao cũng cứ có những ngã rẽ tâm tư bất chợt như vậy làm đau xót cả quyết định như trong một tiểu-thuyết có bàn tay người sắp xếp. Hải phải làm sao cho vẹn ?

Tá ước mặt Hải trời đang chuyển sáng. Sự sinh hoạt của toàn khu bệnh viện trở dậy với những nề nếp đều đặn đặc biệt của nó không chi phối được tư tưởng Hải bao nhiêu.

Lâu lắm, cho đến lúc chào mọi người từ giã, lúc nắm chặt tay chú Sinh và lúc đứng trước Thi ở đầu đường ra cổng, Hải vẫn còn thấy nỗi băn khoăn đó chập chờn trong ngõ ngách suy tư.

Thi tròn đôi mắt nhìn Hải không

chớp. Mãi mới cúi đầu nhẹ hỏi :

— Anh về thật sao ?

Hải lặng nhìn, không đáp. Thi ngừng lên, hờn thoáng trong mắt :

— Anh nỡ tiếc với em đến cả lời nói nữa sao ?

Ý tình bộc cùng với tiếng em đột ngột làm Hải bàng hoàng. Hải dợm nói lời muốn nói, nhưng không hiểu sao Hải bỗng giữ gìn :

— Tôi phải nói với Thi gì đây? Chúc mai sau của Thi hạnh phúc chăng ?

Bóng Hải trong lòng mắt đen chợt mờ vì ngăn nước. Hải nhìn tránh nhưng đã muốn mềm cổ găng, cảm động bồi hồi. Song đột nhiên Hải bảo :

— Thôi Thi vào đi kẻo bị rầy, anh Ri kia.

Thi thoáng trông về hướng công rồi tha thiết :

— Anh đề địa chỉ gửi thư cho em.

— Thôi đừng, em... Đừng gằn nhau hơn mà khổ nhiều hơn. Hãy hiểu anh...

— Không, anh ác lắm Hải à !

Thi ứa rõ nước mắt, quay mình đi như chạy. Hải nhìn theo, nghe mắt mắt trống trải lạ lùng. Tiếng chuông xe đạp gắt gồng đến sát bên, Hải không buồn nhích tránh. Nhưng khi khuôn mặt sẵn đồ trở tới trước mắt thì Hải như chợt tỉnh, đổi ngay thái độ. Hải nhận ra sự hân học đang nhìn mình, không biết vì cái lỗi chẳng tránh xe hay cái lỗi quen Thi.

Sách Báo Mới

Bách - Khoa đã nhận được :

Bơ vơ truyện dài của Minh Đức Hoài-Trình do Sáng Tạo xuất bản và gửi tặng. Sách dày 216 trang, Ngọc-Dũng trình bày và minh họa, bản quý không để giá bán.

Con đường tình nhân tập thơ của Hải-Phương, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 70 trang, khổ lớn, gồm 50 bài thơ, một phụ bản của Đình-Cường, Trịnh-Cung trình bày, bản đặc biệt không để giá bán.

Quê nhà tập thơ của Cửu-Sơn, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 65 trang, khổ lớn, trình bày trang nhã, mẫu bìa của Đình-Cường, bản đặc biệt không để giá bán.

Văn chương lộn ngược tập thơ trào phúng của Ngọc-Tử do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 32 trang, không để giá bán.

Diễn văn của T.T. Thích-tâm-Châu và T.T. Thích-Trí-Phủ đọc trong lễ khai giảng Viện Cao Đẳng Phật Học Saigon ngày 14-5-1964 do Viện Hóa Đạo ấn hành.

« **Hồi chuông tắt lửa** » truyện của Thế-Nguyên do Nam-Sơn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 78 trang, giá 20 đ.

Hải khê cười :

— Bữa nay tôi về nghe anh Ri.

— Cám ơn.

Tiếng trả lời cộc lốc xui Hải nhớ ngay đến nhiều chuyện. Hải nghiêm mặt :

— Tôi muốn cho anh biết điều này : Sơn chết rồi. Chết do anh, Và tôi là em Sơn đây.

Một tia sáng thoáng hiện rất nhanh trong mắt y rồi tắt đi duối lo sợ :

— Đừng nói bậy. Muốn gì cứ nói phứt cho rồi.

Nói câu đó y đã ngờ Hải cầu thân chuyện Thi chẳng ? Chắc như vậy. Hải cười :

— Muốn gì à ? Muốn giết anh, được không ?

Y giật mình, rời hẳn yên xe, mắt chăm nhìn Hải như đề phòng. Hải cười lên tiếng, cố để lo ngại kéo dài trong đầu y. Rồi Hải dần giọng :

— Nói thế thôi chớ giết anh làm gì. Mạng anh không đáng để tôi đổi đầu, nghe chưa ? Tôi tin anh còn chút ít lương tri và như vậy cho anh biết điều đó là để bắt anh phải mang trọn một đời anh cái ám ảnh tội ác. Để đến ngày cuối cùng anh chết không nhắm mắt. Đủ rồi.

Hải đi, bỏ kẻ thù lại sau lưng. Hình ảnh một người đang yêu và bao người đáng thương Hải mang tròn trong mắt.

*
* *

Và Hải chọn một sức mạnh khác với sức mạnh xưa của Sơn. Đó là ngòi bút. Nó có trọn vẹn tiềm lực cả ở chiều sâu lẫn bề rộng, Hải tin như vậy.

Sách Báo Mới

— **Hòa âm** Tập thơ của Đoàn-Thêm, dày trên 80 trang, gồm 22 bài thơ, loại giấy thường giá 40\$.

— **Giai thoại là g nho** tập I của Lăng Nhân, tựa của Đoàn-Thêm. Sách dày trên 230 trang, gồm ngót 30 giai thoại, trình bày mỹ thuật, giá 95\$.

— **Chơi chữ** của Lăng-Nhân, in lần thứ hai, có sửa sai và bổ-khuyết, loại giấy thường, giá 110\$.

— **Những giai thoại về ngoại giao** của Phạm-Trọng-Nhân, sách dày 50 trang, giá 35\$.

— **Ngàn năm một thuở I : Phi Lạc sang Tàu** in lần thứ 5, Huệ - Minh xuất-bản dày 2/8 trang, giá 60\$.

— **Tình thương** nguyệt san tranh đấu văn-hóa xã hội do sinh viên y khoa chủ trương, số 3 và số 4, tháng 3 và tháng 4 năm 1964. Khổ lớn dày 84 trang giá 10\$, gồm những bài đặc sắc và giá trị của các giáo sư và sinh viên y-khoa Đại-học.

Trân trọng cảm ơn các tác giả, soạn giả, và nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng độc giả Bách-Khoa.

Tất cả những hình ảnh, những nỗi niềm bí đát và đau thương thu tiếp được trong bao ngày đi vào thế giới những người chết chưa chôn ấy Hải đưa cả vào thiên qhóng sự đầu tay của mình. Hải để bức thư của Sơn nói lên tiếng nói mở đầu, và giới thiệu đây là « bức thư của một người đã chết viết thay những người đang sống ».

Hải mong nó sẽ được ánh sáng cuộc đời soi rọi, để những kiếp sống tối tăm có dịp thấy rằng trên mặt đất này tình thương chưa phải đã tắt và mơ ước tâm thường của mình không phải là tiếng vọng. Phần Hải, tự đó cũng sẽ đo lường được sức lớn của bút mình.

Với bấy nhiêu Hải bả nhúm rất nhiều hy vọng.

Nhưng buồn biết bao nhiêu !

Hải phải chép phải gởi không biết mấy lần cho không biết mấy tờ báo niềm tin đó. Ở đâu Hải cũng nhận được sự lặng yên hoặc tiếng cuối cùng rất tiếc. Hải không biết vì sao nữa, vì nó nhỏ bé quá so với những to lớn khác chung quanh, hay vì người ta không muốn hoặc không thể nhìn thẳng và nói thẳng. Cứ thêm một lần chép gởi là thêm một lần hy vọng lụn thấp trong lòng Hải. Cho đến lúc Hải không còn một chút phần khởi nào đủ để viết lại được lần nữa những trang bản thảo đã trở thành bài học thuộc lòng thì Hải bắt đầu xoay cách khác. Hải nguyện trang, tiểu thuyết hóa sự thật để nó méo mó bớt, nhẹ nhỏ bớt.

Nhưng rồi, hôm nay số báo chót của thời hạn hai tháng chờ đã ra rồi. Và Hải vẫn còn nguyên là kẻ đi lật

tim an ủi như bao giờ.

Hải ứa nước mắt khi nghĩ rằng khả năng mình đến đó là cùng. Hải chẳng còn biết làm sao nữa để đời nghe rõ được tiếng thở dài của những người chết dở. Và những lời sau cùng của Sơn dành chỉ một mình Hải biết . . .

« ... Quí Mẹ là thơm lành kết tụ. Có hàng trăm ngàn kiếp sống đau thương đang từng ngày hứng lấy huệ ân. Nhưng thưa Mẹ, Mẹ có biết không ? có ngờ không ? giữa những kiếp sống đó và Mẹ lại có một khoảng cách, không cao lắm mà tưởng như không thể nào với tới. Một khoảng cách bởi những cụm mây mù nhỏ nhít.

Ngày còn nhỏ, đọc chuyện xưa con cứ lạ lùng mà thấy ở đâu có vị vua hiền là đó có bề tôi nịnh chuyên quyền. Lớn lên con mới hiểu vì sao. Và mới hiểu vì sao lê dân buồn.

Con từng sống nép dưới địu hiền của Mẹ. Con không hề nghe chung quanh con một tiếng nào than cơm áo thuốc men. Nhưng Mẹ ơi ! con người không chỉ sống đơn thuần với cơm áo thuốc men. Chúng con tự biết rằng bên trong lớp sần sùi lở lói này sự đói khát tình thương rất thiết.

Tình thương Mẹ có thừa như mặt trời thừa ánh sáng. Song ánh sáng từ Mẹ phát đi luôn luôn bị chặn che gạt lọc mất rồi, cũng như sự thật từ chúng con lên đến được Mẹ đã thành méo mó xấu xa. Mẹ có biết không nỗi lòng những kẻ nửa khuya bị đuổi đường đèo hoang vắng bơ vơ ? Mẹ có biết không nỗi cùng của tuyệt vọng để tới biết bao nhiêu.

Biết phận mình chúng con không hề dám mong, dám chờ những cái hôn đẫm lệ của Thánh Phan-xi-cô ngày xưa và nhà bác ái Raoul Follereau ngày nay. Chúng con cũng không dám xin sự hiến thể trọn vẹn của cha Damien, sự sớm hôm dìu đỡ của mẹ cha Francelle hay sự tự nguyện suốt đời phục vụ của các bác-sĩ Trần Văn, Kim-Mộng Không đâu, thưa Mẹ, đó là những người cha những người mẹ những người anh người chị rất hiếm mà mười triệu người phụng trên thế giới không dễ gì cũng cùng được gặp. Chúng con chỉ xin Mẹ, xin Mẹ hãy nhìn lại những kẻ dưới chân Mẹ đang dựa vào chân Mẹ

để xây mặt lại chúng con nhe những hàng nanh húng hiếp.

Mây mù là đó. Tủi buồn tự đó. Một sự hắt dẹp của Mẹ với chúng con hơn muôn nghìn viên thuốc sulfones...

Mẹ ơi ! Thư này đến được Mẹ, con đã nằm sâu trong đất. Con chết, Mẹ đừng hỏi vì sao. Chỉ mong Mẹ thấy cho rằng con đã nói tiếng chúng con trong lúc biết mình sắp mất. Nghĩa là, nói lên ước vọng cuối cùng con không còn vì con Mẹ hỏi !... »

YÊN-HY-BA

● Sự sợ hãi, tức là sợ | ẽ phải.

Sacha Guitry.

NHẬT BÁO THÌ QUÁ NHIỀU, MỖI NGÀY BIẾT CHỌN ĐỌC TỜ NÀO

CAU HỎI TRÊN ĐẶT RA MỘT SỐ TIÊU CHUẨN
ĐỂ CHỌN BÁO ĐỌC ĐƯỢC — ĐỌC ĐƯỢC NGHĨA LÀ :

- Trước hết, không có hại cho vợ, con trong gia đình về đạo-đức.
- Báo phải có văn-đề, có bàn luận thời cuộc chứ báo không hoàn-toàn là một thứ giải trí vô-bổ.
- Báo phải có nhiều tin, nhưng phải là tin có thể « tin được ».
- Báo phải tranh đấu cho Dân, dám ăn, dám nói, dám tin ở sức mạnh của ngòi viết.

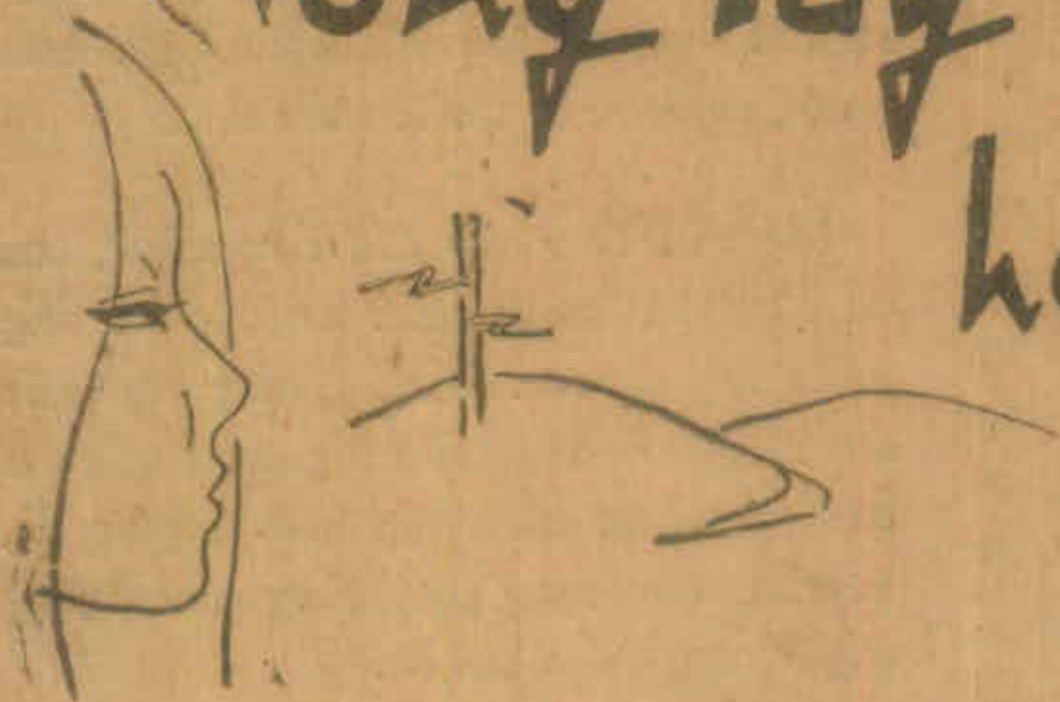
Nhật báo NGƯỜI VIỆT TỰ DO

THỰC CÓ ĐỦ MỌI ĐIỀU NÓI TRÊN
ĐÓ LÀ TỜ BÁO MÀ CHỒNG CŨNG ƯA,
VỢ CŨNG THÍCH CON CŨNG HAM

Bạn thử đọc một số xem !

Vòng tay

học trò



Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem từ BK 169)

VI

— Thưa cô có khách.

Trâm ném cái lược xuống bàn trang điểm:

— Vừa ngủ dậy, mới mở một con mắt đã khách với khứa. Ai vậy chị Ba.

— Dạ ông gì già già mập mập bên trường.

— À, lại ông Vu. Mời ông ấy ngồi phòng khách dưới, tôi sẽ xuống. Chị dọn ăn sáng cho Minh với Tuấn chưa.

— Thưa cô cậu Tuấn uống sữa xong đi rồi. Anh Minh không ăn ở nhà. Bảo sang trường ăn bánh mì bò bía.

— Lần sau bảo chúng nó ăn uống đàng hoàng rồi mới đi học, nghe không? Dọn dẹp trong phòng ngủ tôi lại.

Nhưng nói xong Trâm quay lại nhìn căn phòng ngăn nắp sạch sẽ và chợt

nhớ ra đêm qua nàng ngủ ở phòng khách bên kia, trước lò sưởi.

— Chị pha trà đi.

Trâm khoác thêm cái khăn che bốt chiếc áo len đen cổ rộng bó sát thân hình, không kịp vấn tóc và ra khỏi phòng. Nàng đi ngang phòng khách sắp sửa xuống lầu thì giọng ông Vu đã vang lên phía lò sưởi.

— Cô sáng nay không đi dạy? Trâm nhìn vào phòng, bực tức thấy ông ta ngồi ở bàn ăn từ bao giờ, đang tò mò nhìn về phía lò sưởi, chỗ còn ngọn ngang ly tách, sách vở, những cây nến, những thanh củi cháy dở.

Trâm mỉm cười bất đắc dĩ:

— Thưa ông. Sáng nay tôi không có giờ. Chắc ông có điều gì «dạy bảo» nên đến sớm thế.

— Không. Qua thăm cô chơi vậy thôi, chẳng có chuyện gì.

— Dạ, mắt thì giờ của ông quá.

Trâm nghĩ thầm : Chắc là lão vừa « nạo » học trò trước sân cò xong tạt qua ngay đây « điều tra » mình. Trâm cũng biết ông ta dò xét chuyện gì rồi, nhưng vờ ngó ngán để xem ông giám thị khởi đầu công tác ra sao. Trâm yên lặng chờ đợi những câu chất vấn ngang phè, như nàng đã quen nghe những lần hân hạnh được ông ta đến viếng vào những giờ bất thường.

Nhưng lão chỉ ngồi một tay chống cằm, một tay nắm chặt xuống mặt bàn như giáng xuống một quả dấm lơ đang nhìn lên hàng sách ám khói trên lò sưởi. Rồi cặp mắt ông chiếu lần xuống chiếc nệm nhỏ lệch lạc giữa sàn nhà, dừng lại ở cái gạt tàn thuốc và gói Salem cạnh đó.

Không quay lại Trâm, ông ta cười mim mím, nửa châm biếm, nửa thích thú như kẻ tìm ra tang chứng hữu ích trong công việc điều tra.

— Ban đêm, cô ngủ đây ?

Trâm cảm tức nhưng cố nén vẻ bất mãn. Nếu câu hỏi ấy từ miệng một người lạ đồng trang lứa, thế nào Trâm cũng nện cho một câu đáp lễ. Nhưng với ông Vu, kẻ thường nhân danh là quen biết xưa nay với gia đình Trâm, lấy « tư cách » là kẻ bao bọc, chỉ vờ cho Trâm những bước đầu vào nghề, cho nên Trâm im lìm chịu đựng. Và lại, dù sao nàng cũng hiểu ông ta thẳng tính, ưa nói ngang và không đắn đo lời nói. Câu đó chỉ là một nhận xét đột ngột, không hẳn có ẩn ý. Biết vậy nhưng Trâm vẫn tức : một người đàn

ông — dù có là ông trời ông đất gì — cũng không nên hỏi một người đàn bà câu đó nhất là lúc đột nhập sào huyệt người ta vào lúc sáng tinh sương, chưa ai kịp chuẩn bị để phòng, đối phó.

Trâm chưa kịp phản ứng thì lão ta đã bỏ túc phần nhận xét bằng lời bình luận :

— Kể cô cũng nghệ sĩ quá.

Trâm muốn đá tạ lời chưởi rửa ngọt lịm đó bằng một câu xương xóc. Nhưng nàng chỉ nhả nhận, bình tĩnh và lễ phép :

— Dạ, thưa ông, đêm qua mưa lớn phòng ngủ của tôi đột ướt phải di cư qua đây. Trời cũng lạnh quá, phải đốt lò sưởi lên mà ngủ.

Nói xong Trâm chợt tiếc là đã mất công phân trần như e ngại gì cái oa của ông ta, «Mình có làm gì phạm pháp đâu. Lão ta chỉ có quyền kiểm soát ở trường thôi. Đây là thế giới mình. Nhà này là của mình. Đời sống này là của mình. Không ai có quyền xâm lấn hay sửa chữa can cơ gì đến lão ta đâu mà xía dơ. Tôi ngủ trong phòng, bên lò sưởi, dưới bếp, ở nhà xe, hay đâu mặc xác tôi chứ, miễn là tôi không ngủ gục trong khi giảng bài, không ngủ quên trong lớp khi tan học. Trong bản nội qui nhà trường không thấy buộc giáo sư phải ngủ trên giường, cấm giáo sư nằm giữa sàn nhà, trước lò sưởi. Cũng như pháp luật không cấm đoán đàn bà sống độc thân. Vậy thì tôi muốn sống như thế đó. Và tôi có quyền sống như thế. Có hại gì ai không. Có làm mất mát gì của ông đâu.

Trâm chìa bao Winston về phía khách

— Mời ông.

— Cô cho xin điếu Salem kia. Tôi cũng ít hút thuốc. Cô hút nhiều?

Trâm nói dối kiểu Nguyễn-duy-Minh :

— Thuốc để mời khách thôi ạ. Nhưng Trâm nhìn theo con mắt của lão còn dán ở cái gạt tàn thuốc bên lò sưởi, tiếp luôn :

— Thỉnh thoảng tôi cũng hút, khi nào ăn mắm nêm xong.

Khách vừa lơ mơ nhả khói vừa ngắm tranh ảnh treo trên tường.

— Cô sống như thế này, nghệ sĩ thật đấy. Hồi xưa mới lớn, tôi cũng mê đời độc thân, thích làm chuyện khác thường, ưa phiêu lưu, nguy hiểm. Nhưng người đời đâu có để cho mình yên mãi, mà cũng không ai có thể sống được một mình nhất là đàn bà... như cô.

— Thưa ông, ông muốn nói tôi một mình... trong đời hay một mình trong nhà này?

— Trong nhà hay trong đời cũng đều không nên một mình.

Tự nhiên Trâm thấy lão Vu trở nên hiền lành chân thật và giọng nàng cũng bớt vẻ gay go.

— Tôi thì thích cô độc nhưng sợ cô đơn. Nhưng đã cô độc thì phải cô đơn rồi.

Không hiểu lão ta nghĩ gì, đột nhiên hỏi :

— Thằng học trò của cô thế nào?

« A vẫn đề chính đây rồi ». Trâm ngồi thẳng lên và sẵn sàng đương đầu.

— Dạ, thế nào là thế nào?

Ông Vu dúi mạnh tàn thuốc xuống mép bàn, ném qua cửa sổ.

— Tôi cũng định tìm học trò đưa qua ở trọ nhà cô nhưng cô đã tìm ra thì thôi.

— Thưa ông, trước khi nó đến tôi cũng đã có hỏi qua ý kiến của ông và chính ông cũng bảo như vậy là phải, còn hơn chia bớt nhà cho một gia đình đông đảo.

— Cái thằng ấy... con cái nhà ai thế.

Lẽ ra Trâm phải hỏi ý kiến ông ta, phải cho ông ta rõ việc này việc nọ theo lời ở nhà dặn. Nhưng sự thật thì ta không có quyền gì đối với Trâm và mọi việc thu xếp trong nhà này thuộc về Trâm. Vậy mà ông ta hỏi một đốm lửa châm ngòi vào tràng pháo. Trâm tự nghĩ là từ nay sẽ không nói, không hỏi gì ông ta nữa. Như đã có phe phái rõ ràng giữa nàng với cuộc đời, giữa nàng với ông ta, giữa nàng với cái dư luận hẹp hòi và ác độc xung quanh. Trâm thân nhiên nói dối :

— Nó cũng bà con bên ngoài với tôi, bà con xa.

— À, à bà con bên ngoài. Thấy câu chuyện kéo dài đã lâu, Trâm kiếm cớ đứng lên :

— Xin phép ông, tôi đi lấy nước. Nhưng mà khi Trâm gọi chị người làm bưng nước lên, ông ta vẫn ngồi đó, tỉ mỉ quan sát căn phòng với dáng điệu và thái độ cũ.

Bên ngoài, trời bỗng rực nắng. Màu vàng mỏng và mát tươi như lụa chảy dài từ rặng đồi xuống thung lũng lấp lánh trên màu lục non lóng lánh của cỏ cây. Bầy chim sau đêm mưa chuyển

mình đưa hót cuối rặng thông sau vườn. Trâm với tay mở cánh cửa sổ và chiếc khăn choàng rơi xuống. Ông Vu giờ mới nhìn ra Trâm mặc áo len và quần jean. Lão hỏi vớ vẩn.

— Cô sắp đi ?

— Dạ. Sáng nào nghỉ tôi cũng vào trong ấp xem người ta làm vườn.

Đến đó lão mới cáo từ. Trâm chờ tiếng giày của khách xa dần ngoài cửa, nghiêng người qua cửa sổ lầu cao hỏi vọng xuống vườn :

— Làm gì đó, ông Bá ?

Tiếng xới đất ngừng bật và lão làm vườn già nua hất cái mũ rơm rách nát nhìn lên nheo mắt cười :

— Xới đất cho cô chứ làm gì.

Trâm hét lên :

— Đứng. Tôi có mượn ông dậu. Đã bảo để tự tay tôi làm lấy mà. Dặn ông xin dậu hòa-lan mà không chịu xin, cứ cuốc vớ vẩn.

Lão già cười oà cúi xuống tiếp tục xới đất. Trâm nốc cạn chén nước, tìm cái khăn đồ khoác lên tóc, tháo đôi giày nhung đen và chạy thoăn thoắt xuống lầu. Nàng mở từng cánh cửa sổ, trèo lên và buông mình xuống vườn. Lão Bá chống cán cuốc vào cầm, kiếng chân nhìn Trâm nằm lăn dưới đất.

— Gãy giò đó cô giáo.

— Thì mọc giò khác.

Trâm lồm ngồm bò dậy phủi đất bám ở áo quần giăng lấy cái cuốc :

— Đưa đây tôi, lão này lì.

— Hay chưa. Tôi làm giúp, không lấy tiền công mà.

— Nhưng tôi muốn tự tay làm lấy.

— Cô phở xong miếng vườn này, trồng mấy cây đậu cho có trái thì tôi sẽ đi đầu lộn xuống đất.

Rồi lão cười hì hì móc túi lấy ra gói đậu giống quảng xuống đất :

— Đó, bà chủ làm lấy.

Lão làm lì, chậm chạp như một con bò già leo lên gò đất cao bên nhà Trâm nàng thấy cái đầu đội mũ lác của lão lác lư theo nhịp đi, chìm dần rồi khuất hẳn sau bờ lau trắng.

Nối tiếp công việc của lão làm vườn, Trâm xới hết mấy luống đất và gieo đậu mỗi nơi hai hạt, cách nhau khoảng một gang tay. Hạt giống cuối cùng nằm yên trong đất, Trâm mỗi một rờ rờ, ngồi tựa lưng vào gốc thông nhìn lên đời cao. Lớp nắng vàng hanh đột nhiên dịu xuống, và cả vòm trời như chập chờn xao động trong cơn gió lạnh như diu ký ức trôi về quá khứ mịt mù và đưa cơn mơ mộng về thế giới nào bao la không bờ bến. Trâm thấy tâm hồn mình đột nhiên xao xuyến và rung động, nở dần như một búp hoa quỳnh nở trắng trong khuya. Bóng tối cuộc đời sâu hút xung quanh chìm xuống tan biến. Chỉ còn lại những ý tưởng trong sáng và tốt đẹp, những tin tưởng mới mẻ và quyết liệt, vươn lên như những mầm cây xanh tốt giữa mùa xuân. Mùi thơm ướt và nồng của đất, ấm và lạnh của cỏ cây, êm mát và sát se của gió diu Trâm qua những mơ tưởng chập chùng. Hạnh phúc ở đời trở nên giản dị và gần gũi quá. Thế mà Trâm đã lăn lóc, đã khát khao, đã điên cuồng tìm kiếm ở những nơi nào xa tít. Niềm vui mênh mông

tự trong lòng mình, đâu phải ở những hội hè náo nhiệt, những yến tiệc linh đình, những đám đông huyền ảo. Một đời phóng khoáng, mê thích những công việc giản dị, tầm thường và khoác vào mỗi tinh vật đơn sơ này một linh hồn, một nghĩa lý. Như nắm đất. Như hòn đá. Như lá cỏ. Như thân cây. Trơ lì, phẳng lặng. Vẻ đẹp yên lành và chịu đựng, nhẫn nại như những kiếp người không bao giờ biết phiêu lưu tàn phá. Không biết công phân, phân loạn, chán chường. Không suy nghĩ. Không ưu tư. Như thiên nhiên và tình yêu của chúng nó đối với nhau, dịu dàng, calm lặng. Cái đầu dịu dàng của một bông lau âu yếm cúi xuống cánh tay êm đềm của lá cỏ. Miệng cười hồng thắm của bông hoa đại ghé hôn mái tóc buồn buồn của cành thông non. Cuộc đời lướt trôi đi, mơ hồ và êm ái theo từng cơn gió từng bóng nắng tự trời cao chảy xuống. Có lúc, trong thiên nhiên quen thuộc này, Trâm thấy những ý nghĩ của mình như thì thầm đối thoại, và từng niềm vui trong sạch lớn lên như bắp, như lúa trong đêm sương. Biết bao nhiêu gió bão đã đi qua miền thung lũng đó. Biết bao nhiêu hờn tủi đau buồn đã dày xéo lòng này. Hôm nay mùa xuân sắp sửa. Những tháng ngày tuần tự nối tiếp theo nhau. Chấm dứt đi để còn có bắt đầu. Có những buổi sáng, Trâm dậy thật sớm, mặc phong phanh một chiếc áo, đi trong sương mù ra đến con đường rừng. Tiếng chim đêm còn vọng lên những bụi bờ đầu đó. Chuyển xe lửa sắp xa thành phố gửi lại một lời còi thanh thân. Bốn vó nhịp đều của một con ngựa già chở rau cải trên đường ra chợ.

Rồi những tia nắng đầu tiên thấp

sáng núi rừng, vỡ vụn tung tóe trên những cửa kính lầu Trâm như pháo bông pháo cải thời thơ ấu. Và tiếng Minh vang dội như một âm thanh từ niên thiếu của Trâm vọng về : « Cô... cô, em đi học ». Cô cô. Lâu dần rồi Minh quen gọi nàng bằng cô cô. « Minh là trái dưa sao ? » Và Trâm cười một mình, bao giờ cũng một mình.

Trời bỗng dịu nắng và từng loạt mưa bụi nhỏ lờ mờ tới tấp bay xuống như những bông hoa tuyết mong manh. « Thế này là khối tưới nước cho đậu rồi ». Trâm vốc một nắm đất hồng mềm mại trong tay và tưởng như thấy rõ cái mầm trắng xanh nhú lên giữa hai mảnh đậu đã héo quăn. « Biết đâu rồi hạnh phúc mình đi tìm một ngày kia cũng sẽ nảy mầm từ đau buồn quá khứ... »

— Cô — cô. Em đi học về.

Trâm ngơ ngác nhìn lên. Minh đứng ở khung cửa sổ phòng nó, sắp sửa đánh đu ra ngoài vườn. Chiếc áo len xanh ngấn rướn lên để hở một khoảng da bụng trắng nuốt.

— Cô cô ơi, em đứng đầu lớp tháng này.

— Vậy thì trời gần sập rồi. Em mà đứng đầu.

— Thật mà Giấy tờ đây này. Cô làm... phụ huynh học sinh, ký cho em đi, mai nộp phiếu điểm lại.

Trâm chạy lại dưới cửa sổ Minh. Anh chàng nhảy thót xuống vườn, tờ giấy phơ phất trong tay. Trâm kêu lên :

— Thôi cắt đi, mưa lâm hết, tay tôi cũng bần đây này.

Minh xếp gọn tờ giấy vào túi quần rồi nhìn chăm chăm hai bàn tay búp măng bám đầy đất ướt của Trâm.

— Mưa rồi, cô vào đi.

— Còn hai luống đất đằng kia, tôi với cho xong, chiều kịp trồng tiếp.

— Em xới đất cho. Cô vào nghỉ đi.

Trâm nhìn hai bàn tay học trò trắng trẻo dính mấy vết mực xanh :

— Tay chân vậy mà làm quái gì. Đi học bài đi.

— Thì... tay chân cô cũng vậy. Cô làm được, em cũng làm được.

— Thì làm. Em tháo giùm tôi cái đồng hồ, lăm hết rồi.

Trâm đưa cánh tay bám đất từ cườm đến ngón cho Minh. Minh đứng yên một thoáng rồi dịu nhẹ, ngại ngần vòng hai ngón tay qua cườm tay Trâm, thong thả mở dây đồng hồ. Một cảm giác không tên chuyển từ ngón tay Minh lên làn da Trâm. Hai chéo khăn quàng đỏ thấm từ cổ Trâm rung động phập phồng vờn lên mặt Minh theo làn gió. Trâm quên cả tay bẩn, gỡ cái khăn ra đưa cho Minh, giọng nàng lạ đi như có cái gì vướng trong cổ :

— Em vào nhà cất giùm đi, cả đồng hồ nữa.

Minh chùi cái đồng hồ bám đất vào quần blue-jean và nghịch ngợm quần cái khăn của Trâm vào cổ, leo lên cửa sổ, nhảy vào phòng. Khi trở ra, Minh thấy Trâm đứng lặng im trong mưa, mái tóc lấm tẩm những hạt bụi nước lấp lánh rũ xuống, che khuất nửa khuôn mặt con mắt còn lại buồn buồn nhìn qua rặng đồi thoai thoai bên kia thung lũng :

— Tóc cô ướt hết rồi. Cô vào đi.

— Không. Phải làm cho xong.

Rồi Trâm cầm cái chìa ba, nhấn xuống lượt đất phẳng. Bỗng Trâm buông tay, kêu lên.

— Cái gì vậy, cô cô ?

— Con trùn. Ghê quá, mình nó đứt đôi, hai khúc quần quai. Thôi không làm nữa...

Nàng đến ngồi ở thân cây thông bèo đánh gậy ngang bờ cỏ. Minh đứng dựa gốc thông, hai chân tréo, một tay thọc túi quần.

— À, sao sáng nay em về sớm vậy.

— Em nghỉ giờ chót.

— Sáng thứ tư thời khóa biểu không thấy trống giờ chót.

Minh lúng túng :

— Dạ, giáo sư nghỉ.

— Giờ ai vậy ?

— Ông địa.

Trâm mỉm cười và Minh biết đã nói dối thoát. Thực ra thì lúc này còn năm phút chuông reo đổi sang giờ thứ tư, Minh đã ném cho tên trưởng lớp mẫu giấy nhỏ : « Tao chuẩn giờ chót, ông địa có bắt điểm danh, đừng ghi tao. Hậu tạ ». Và giáo sư vừa ra cửa, Minh đã thót ra theo. Bọn Hải-Lộc níu áo Minh lại : « Nhớ nhà hả mày ? » Minh búng tay cái tróc trước mặt cả lớp, ôm sách vở, chạy như bay qua sân chơi, xuống đồi.

— Minh, áo quần em sao lấm cả vậy, lại uỳnh lộn rồi. Phiền quá...

Minh lại dối :

— Đâu có uỳnh. Té ở sân basket-ball đó.

Gần đến nhà, dưới chân đồi, Minh bị một bọn choai choai chặn đường. Một thằng trong bọn nghênh chiến trước :

— Ê, Minh, mày bao nhiêu tuổi ? Minh ném sách vở xuống bãi cỏ, tóm lấy ngực áo thằng kia :

— Bằng tuổi cha mày.

Minh tát thằng kia một bạt tai và rút cái khóa xe bằng sắt quay một vòng vù vù :

— Tao làm gì thầy kệ tao, mắc gì đến tụi bây. Đờ chó săn.

Rồi Minh bỏ đi. Nhưng thằng kia gàng chân Minh lại, Cuộc vật lộn xảy ra. Hai đứa ôm nhau quật túi bụi giữa sườn đồi đầy rác thông và cỏ ướt cho đến khi có bóng giáo sư trực thấp thoáng ở sân cỏ. Chúng nó buông nhau ra, làm ra vẻ tỉnh bơ và mỗi đứa đi về một phía.

Minh không muốn dẫu Trâm những điều đó. Muốn nói hết cho Trâm nữa là khác. Nhưng Minh thấy những việc « lấm cấm » đó chưa đến lúc nên cho Trâm biết. Minh muốn đương đầu, đối phó một mình. Và lại nếu biết, Trâm cũng sẽ không làm sao hơn được, dù nguyên nhân và đầu đề mọi chuyện chính là nàng. Bọn học trò trêu chọc Minh. Các giáo sư cũng bắt đầu « chuy » Minh kỹ hơn từ ngày nó đến nhà Trâm ở. Minh bị « chuy » và « trù mặt » đủ mọi cách. Về những việc nhỏ nhặt, ti tiện đến việc học, những hành vi của Minh. Như Minh là một kẻ có trọng tội giữa

một hàng rào cảnh binh bao vây. Đến nơi nhiều khi Minh tưởng như người ta đang tìm một tội nào đó gán cho nó và buộc nó nhận chịu để dễ truy tố, hành hạ. Minh tức tối nói với bọn Lộc, Hải : « Tao có làm gì đâu. Có làm gì bọn họ đâu. Bọn tức tao cái gì vậy ? » Hải cười : « Thì tại họ xin chia nhà cô Trâm không được, mà mày lại được.

Đang tức, Minh nói liều : « Tức vì không được ở trong nhà cô Trâm hay không được ở với cô ấy ».

Trâm nhìn chăm chú nhưng bặt đất đồ ngẫu bám ở quần Minh, cô hỏi :

— Tại sao đánh lộn ?

Minh cúi đầu, xoắn hai bàn tay vào nhau bứt rứt :

— Tại bọn nó chọc tức em.

— Về chuyện gì.

Minh muốn nói : « Vì cô », nhưng lại quanh quẩn.

— Không, không có gì cả.

Trâm cau mặt ngồi bứt từng cọng cỏ vò nát trong tay. Nàng nhớ lại những tiếng thì thầm của bọn thằng Hải, Lộc với Minh mấy hôm trước : « Mày tính sao ? » Minh nói « Tại nó có dao à ? » « Chắc, hay là mình kéo cả băng số bốn về... » Rồi bọn họ bàn tính kế hoạch gì với nhau, nàng không nghe rõ. Trâm nghĩ đến một vụ thanh toán để tranh giành « đào », một cuộc « phục hận » nào đó. Nàng không hỏi, vì hỏi cũng không ai chịu khai rõ sự thật. Điều Trâm muốn biết là Minh đã có chuyện gì trước khi đến ở nhà nàng và bây giờ còn rắc rối nữa không. Tự nhiên nàng có ý

muốn thật sôi nổi là « sửa chữa » cuộc đời Minh lại và kéo Minh về với nếp sống bình thường như nàng đang tập tễnh bước vào khuôn khổ. Chuyện ấy không phải dễ, cho Minh cũng như cho nàng nhất là nàng không biết rõ gì về Minh hơn là căn phòng bừa bãi đầy những di tích tổ cáo tâm trạng của kẻ liễu lĩnh, bất chấp, vừa bê tha vừa chán nản. Nhưng rồi Trâm chợt nghĩ ngò « thiện chí » của mình « Có chắc mình tò mò về Minh để sửa đổi Minh không, hay là... » Bây giờ Minh ngồi đó, hai tay buông thõng trên đầu gối. Mái tóc rũ rượi lấm tấm nước mưa. Khói thuốc vờn lên nét mặt buồn buồn. Trâm muốn khám phá ra niềm u uẩn nào đang vò xé tâm hồn đó. Một mong ước không thành tựu. Hay một thất bại của cuộc đua tranh. Hay niềm ưu tư đời đời hằn đọng. Hay một khát khao sôi nổi vò xé không tên nào đó. Hay tiếng la tiếng hét nào nùng và tuyệt vọng trong im lặng.

— Em sao vậy, Minh.

Minh nhìn lên bằng con mắt say rượi đêm nào, lẳng lặng lắc đầu. Rồi nó búng cái tàn thuốc ra thật xa, và gục đầu yên lặng. Một lúc lâu, rồi Minh đột ngột hỏi :

— Cô cho em con tem.

— À, đúng là một chuyện gì đó.»

Trâm nghĩ đến xấp giấy viết thư màu xanh phảng phất thơm ở bàn học Minh. Những tấm hình Minh cắt kỹ trong hộp thỉnh thoảng mở ra nhìn. Những mẫu giấy viết xóa vò nát vất bừa bãi ở góc phòng. Và những phút Minh ngồi im lìm trên thành cửa sổ nhìn ra thật xa. Những hôm Minh đi

học về để nguyên cả giày áo nằm nhòa xuống giường vùi đầu trong gối không ăn uống. Dòng thư viết dở cho một thằng bạn xa Trâm vô tình đọc thấy «... mày chuẩn bị xong chưa? Tao sẽ cùng đi với mày đi thật xa, thật xa, chỉ còn có một cách đó »...

Tại sao. Có thể vì một vụ gì đó. Một ai đó. Mà cũng có thể không vì gì, vì ai cả, Muốn đó. Tự giải thoát, thế thôi như những ngày còn đi học, mỗi khi nhìn mặt biển nối tiếp chân trời, Trâm cũng khao khát phiêu du, cũng ước mơ những chân trời vô định rộng lớn. Để từ khước những tháng năm đều đặn, nếp sống lầm lì, khung cảnh quen thuộc, công thức sáo hủ của cuộc đời. Lớn lên, ai cũng một lần mơ ước thoát ly. Nhưng con đường sống là một vòng tròn mà tận cùng cũng là khởi điểm. Không thể làm thế nào khác. Cho nên con người đành ở lại trong khuôn khổ nhỏ bé của mình, nhận chịu cái giới hạn cuộc đời phi lý và mơ tưởng, nhớ nhung hài một quê hương mù mịt xa vời không bao giờ tìm đến.

Tiếng Minh đột nhiên vui vẻ như một lời reo đùa Trâm về thực tại :

— Cô cô để dành luống đất này trồng hoa. Sao cô cô không trồng hoa.

— Có chứ. Nhưng tìm chưa ra hoa gì đẹp để trồng.

— Em tìm đem về cho cô.

— Ừ, vườn này phải có hoa.

Trồng đậu trồng rau thôi đâu có đủ. Còn phải có hoa. Đâu phải đầy đủ những điều kiện vật chất là cuộc đời trọn vẹn. Giảng bài, chấm bài, ăn ngủ, nghỉ ngơi, ngày này qua ngày khác,

điệp khúc đó đều đều buồn nản bắt đầu, chấm dứt để bắt lại như tiếng bánh xe rời rạc lăn mãi trên đường. Âm thầm. Cần côi. Và an phận. Đời này vốn trống trải như quán trọ Y-Pha-Nho, con người làm lữ khách sống buồn vui tùy ở hành trang mình mang theo về đó. Không thể sống mà không yêu thương một cái gì, một người nào. Tình yêu, Trâm đã sợ hãi, đã chán chường, đã từ khước, đã lánh xa. Nhưng bao giờ còn nhịp đập của trái tim, bao giờ còn nhìn thấy mặt trời mọc mặt trời lặn bên kia đồi, bao giờ còn khoảng cách mênh mông của hai vì tinh tú trên xa kia, Trâm còn phải yêu để sống.

Minh yên lặng nhìn « cô giáo » ngồi mơ mộng trong mưa bay, đột ngột hỏi :

— Cô, đoạn kết trong phim «Thé et Sympathie» thế nào em quên rồi.

— Bà giáo đó bỏ đi, mãi sau người học trò một mình trở về chỗ cũ, hồi tưởng lại hình ảnh người mình yêu xưa thấp thoáng trong vườn rực rỡ màu hoa và sắc nắng...

— Sao lại bỏ đi ?

— Có lẽ bà ta... chạy trốn lòng mình. Minh mỉm cười ngẫm nghĩ rồi hỏi :

— Cô thích hoa gì ?

— Hoa gì em sẽ đem về trong vườn này.

(còn tiếp)

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

« ... Chia xẻ trọn vẹn sự bí mật một đời tôi đối với ông tôi không cảm thấy mất mát điều gì. Trái lại, nỗi cô đơn của lòng tôi như một vết dầu. Đã từ lâu, vết dầu đó cứ lần lần thấm sâu vào từng ngõ ngách trong cơ thể tôi. Đã từ lâu tôi đi trong đêm tối như một người mù ánh sáng. Đã từ lâu tôi không còn thấy hòa ngục nơi người khác : Tôi đã gặp nó ngay trong nỗi cô đơn của hồn tôi. Ông cũng vậy, phải không ông ? ».



HỒI CHƯƠNG TẮT LỬA

TRUYỆN THỂ NGUYÊN NAM SƠN XUẤT BẢN

Đã có bán tại các hiệu sách

Lại thêm một cuốn sách của nhà xuất bản THỜI MỚI sắp bán hết :

cái chết của I-VĂNG I-LÍCH

● Nguyên tác của LÉON COLSTOI

● Bản dịch của VŨ ĐÌNH LƯU



Vài kỉ niệm
về

LÊ-VĂN-TRƯƠNG

NGUYỄN-NGU-I

Sáng sớm hôm ấy, trên chiếc xe đồ sắp rời bến Long-Xuyên đi về Cần-Thơ, tôi để mắt lơ đãng lướt vội qua trang nhất tờ báo hằng ngày (1) vừa mua, thì những dòng kêu gọi giúp đỡ nhà tiểu thuyết họ Lê bắt tôi chú ý.

Gửi các văn nghệ sĩ
và kí giả toàn quốc

« Hãy giúp đỡ tiểu thuyết gia Lê-Văn-
« Trương.

« Chúng tôi được tin tiểu thuyết gia
« Lê-Văn-Trương hiện đau nặng tới
« thời kì rất trầm trọng, chưa biết
« còn mất ngày nào, hơn nữa, lại đang
« lâm vào một hoàn cảnh hết sức thiếu
« thốn, không thể tự lo việc thuốc thang
« điều trị. Nhân danh một số văn nghệ sĩ
« biết tin này trước tiên, chúng tôi xin
« trân trọng kêu gọi tình đoàn kết của các

« văn hữu, mong rằng mỗi người sẽ tùy
« tâm giúp đỡ tiểu thuyết gia họ Lê
« trong giờ phút nguy kịch này. Dù nhiều,
« dù ít, cũng là một niềm an ủi lớn cho
« người bệnh. (Xin liên lạc thẳng tại bệnh
« viện Đổ - thành. Hồi : ó. Lê-Văn-
« Trương, nằm trên lầu thượng, số
« giường 37).

ĐINH-HÙNG, VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG.
THIẾU-LANG, MẶC-THU.

— Trước khi đăng tin này, thi sĩ Nguyễn-Hữu-Túy (nguyên thiếu tá) đã gửi tòa soạn 300 đ. nhờ chuyển đến anh Lê-Văn-Trương.

Tôi nhìn kĩ ngày đề trên số báo. 27 tháng 2. In xong và bán tại Sài Gòn chiều ngày 26. Lời kêu gọi của bốn văn

(1) Người Việt tự do, ngày 27-2-64.

hữu trên đây có thể thảo trước đó một ngày, ngày 25. Hai ngày..., bốn mươi tám giờ... đã qua khi những dòng chữ đóng khung này đến nằm dưới mắt tôi. Chiếc xe đồ nhỏ đã rời khỏi châu thành, và lá xanh dong đưa bên đường đã thay thế những căn phố cứng đờ của tỉnh lỵ khá lâu rồi, mà tôi còn chú mục vào mấy hàng chữ nọ. Mắt tôi dán vào đó, nhưng trong kí ức, lại nổi lên dáng điệu lom khom, thiếu nảo của tác giả « *Một người* », với cái sơ mi cạt tong kẹp mớ bản thảo dày, mà tôi thoáng thấy đó đây, cuối năm rồi, trên vài vĩa hè Bến-Nghé, dưới nắng trưa hay khi thành phố sắp lên đèn; chiếc mô-bi-lét lướt tới, tôi vừa nhìn qua gương mặt hốc hác, xanh xao của anh là vội nhớ ngay đến tên một cuốn tiểu thuyết của anh; « *Lịch sử một tan vỡ* », mà nghĩ đến sự tan vỡ ở ngay người anh và ở chính trong tôi. Mắt tôi dán vào đó, nhưng tai như nghe mơ hồ tiếng chú tổng thư văn kì cựu của Bách Khoa, mười ngày trước: « ông Ngu-Í à, tôi vừa gặp ông Lê-Văn-Trương; chắc ông ấy sống không còn bao nhiêu ngày nữa; trông ông ấy hư quá rồi... »

Hai ngày... bốn mươi tám giờ... đã qua. Mà tôi, sớm lắm là năm hôm nữa, mới có mặt ở Saigon.

Thốt-Nốt.

Ô-Môn.

Tôi đợi chờ cái quận lỵ này từ xa, và khi xe lướt qua, tôi quay đầu lại, cố đoán thử trong những căn nhà hai bên chợ, nhà nào là nhà người bạn thân thuở thiếu thời, cách nhau gần hai chục năm trời và bây giờ chẳng biết lưu lạc hà phương. Hai mươi hai

năm về trước, bạn có rủ tôi về quê bạn — nơi đây — chơi năm bảy bữa. Tôi không nhớ lúc bấy giờ, tôi kẹt việc gì mà chẳng đi cùng bạn, nhưng hẳn nghĩ rằng không lần này thì lần khác vậy. Song một, hai, ba, bốn năm qua, tôi chưa qua khỏi Tiền Giang, rồi Cách mạng, rồi Kháng chiến. Và sau đó, chính bạn ghé lại thăm quê tôi trước, để rủ tôi cùng ra Bắc, nhưng lúc ấy tôi đã lìa quê nhà rồi, nên chúng tôi lại gặp nhau ở Hà-Nội. Có những đêm thu lạnh, bạn khoản về vận nước, chúng tôi không ngủ được, chong đèn gọi lại tình nhà. Bạn dẫn tôi về Ô-Môn đây, về nhà bạn, giới thiệu với song thân và với mấy chị em, mà tôi đã biết vài người, rồi mảnh vườn con, thửa ruộng méo, những chuyện vui, buồn .. Quán người trong chăn ấm, nằm nghe bạn tả, kể..., tôi lại ân hận: sao trước kia, mình không cố về chơi quê bạn, có phải giờ, mình cũng góp vào câu chuyện, cho bạn khỏi phải như người nói chuyện với bóng, và sao tôi cảm như mình có lỗi phần nào với bạn. Cho mãi đến nay, hai mươi năm qua từ ngày bạn rủ, tôi mới có dịp nhìn qua quê bạn, khi bạn giờ chẳng biết ở phương mô và gia đình bạn từ lâu không còn ở đây nữa.

Tôi nhìn lại tờ báo, cảm chút gì như ân hận và thấy sao mình như có lỗi với người bạn văn đàn anh này « chưa biết còn mất ngày nào », Hơn năm rồi, trong một buổi họp đặc biệt để dự định những gì sẽ làm trong năm thứ bảy, anh em có gọi cho tôi mục: « Những nhà văn tiền chiến, bây giờ đang làm gì? » và nên bắt đầu nói đến những nhà văn di cư, trong số đó, tự nhiên

có hai nhà văn từng có một thời oanh liệt: Nhất-Linh và Lê-Văn-Trương. Nhưng rồi, mục « hấp dẫn » ấy cứ nằm trong dự định. Rồi Nhất-Linh ra đi. Tôi vẫn còn mãi mê với những việc dở dang hay những vấn đề thời sự. Liệu tác giả « Trường đời » có còn sức nắn ná lại cuộc đời đang đè nặng lên anh để cho một kẻ đến sau ghi lại năm bảy điều anh ước, muốn... ?

Tôi từ già miền Tây sớm hơn một ngày. Khi sắp qua bắc Mi-Thuận, tôi được tin nhà văn họ Lê « chưa biết còn mất ngày nào » ấy đã mất ngày 25 — hai ngày trước khi lời kêu gọi cứu giúp đăng trên « Người Việt tự do » — và đã được an táng ngày sau đó.

Tòa soạn Bách Khoa giao cho tôi nhiệm vụ viết bài tưởng niệm anh, bằng cách gọi một số kỷ niệm của vài anh em cầm bút và của gia đình anh, cùng đôi giai thoại... để bạn đọc đã biết anh qua các văn phẩm nay lại hiểu rõ thêm về con người anh thêm nữa.

Rồi ban thường vụ Bút Việt cử các anh Vi - Huyền - Đắc, Thanh - Lãng, Nguyễn-Văn-Trung và tôi thay mặt hội đến phúng điếu và chia buồn, cùng tang quyến và quyết định buổi nói chuyện tháng tới sẽ dành cho nhà văn quá cố họ Lê, do anh Trung đảm nhận. Tôi nhận việc tìm địa chỉ mới của gia đình anh để chiều hôm sau cùng ba bạn trên đến đây.

Trên đường về, tôi ghé anh Nguyễn-Vỹ. Người chủ trương bán nguyệt san Phổ-Thông và nhật báo Dân-Ta này đang cặm cụi dưới đèn. Dân-Ta đã có lời phàn nàn sao chẳng thấy « các bạn già » của Lê-Văn-Trương trong mấy

ngày tàn của nhà văn xấu số này, thì hẳn là người chủ nhiệm của nó biết nơi chị Trương hiện ở.

Anh để cặp gương xuống bàn.

— Tôi nghe đâu sau đám táng của anh, chị Trương về ở đâu ở trong Gia-Định.

— Thế anh đến thăm anh Trương lần cuối cùng ở đâu ?

— Tại nhà cũ, anh biết chứ ?

Tôi gật đầu.

— Số 67, hẻm 100, Trần-Hung-Đạo.

— Căn nhà ấy đã bán cho người ta, nhưng chưa giao. Anh Trương tắt thờ trong nhà này.

— Nhưng sao anh hay kịp để đến đó nhìn ảnh lần chót ? Phần đông anh em hay tin anh đau trầm trọng trên mặt báo, thì anh đã mất hai ngày rồi và đã được an táng xong xuôi, rất ít anh em biết để đưa anh đến nơi an nghỉ cuối cùng. Cô Diệu-Huyền trách anh em trong làng thế là oan lắm đấy !

Người chủ nhiệm Dân-Ta không nói gì đến cô Diệu-Huyền, mà chỉ nói đến anh Nguyễn-Vỹ.

— Tôi tình cờ biết được ảnh đau nguy kịch do một cú tê-lê-phôn. Người cho hay chẳng cho biết tên. Tôi đang bận, nhờ Trần-Tuấn-Kiệt lại nhà. Ảnh đang sửa soạn vào nhà thương Đô-thành. Kiệt dìu ảnh ra xe, đưa tận giường bệnh, rồi về cho tôi hay. Tôi cậy Kiệt mang đến ảnh năm trăm và thăm chừng ảnh. Khi hay gia đình đưa anh về nhà, tôi đến ngay, thì anh vừa nhắm mắt.

Trưa hôm sau, tôi tìm anh Lê-Văn-Siêu ở tòa soạn « Miền Nam ». Hỏi thăm chỗ ở mới của chị Lê-Văn-Trương, thì anh Siêu cho biết năm rồi, ghé lại đây thăm anh em, anh Trương có nói với anh Văn-Thanh là đã dọn về Tân-Định, nhưng quên nói đường nào, số nào.

Người « bạn già » này của Lê-Văn-Trương — nói theo chữ cô Diệu-Huyền — trách ngay người bạn đồng nghiệp giữ mục « Nhựt lí » của báo Dân-Ta này đã phản nản sao anh và Vũ-Bằng, Lãng Nhân... đã tỏ ra thờ ơ với người bạn văn ấy trong mấy ngày tàn. Không đến thăm anh, không đi đưa anh, vì khi nghe tin trên mặt báo, thì anh đã nằm yên trong lòng đất.

Tôi hỏi anh :

— Cái thuyết « người hùng », chẳng rõ anh Lê-Văn-Trương mượn ở sách vở hay tìm được ở cuộc đời ?

— Chắc là ở cuộc đời nhiều hơn. Vì anh đã sống khác bạn đồng nghiệp cùng thời. Sau những cuộc khùng bỏ nặng nề của Pháp khi cuộc khởi nghĩa Yên-Bái thất bại, phần đông anh em văn nghệ sĩ dấn ra chán chường, hoang mang. Trừ một số ít sống có tổ chức, còn thì hầu hết buông xuôi, truy lạc hay quay về quá khứ. Có thể nói Lưu-Trọng-Lư và Nguyễn-Tuân là đại diện cho lớp văn nghệ sĩ này. Riêng Lê-Văn-Trương thì sống « ngang tàng » : khai khẩn đồn điền, săn bắn tận rừng sâu, buôn lậu ở Cao-Miên, Xiêm-La, ở Tân-Gia-Ba, tìm vàng ở Bắc-Việt, thầu công việc ở Trung-Hoa... Tác phẩm của anh phản ảnh phần nào những đoạn đời phiêu lưu, mạo hiểm ấy.

— Và ảnh thời cái « chất hùng » của anh vào các nhân vật chánh...

Anh gật đầu. Tôi mỉm cười :

— Mà đã thời, thì chắc anh cũng thời... phòng lên ?

— Tránh sao cho khỏi điều đó. Và thiên hạ đã từng bảo những « người hùng » của anh đều mắc bệnh huênh hoang. Nhưng phải công nhận rằng đã có một thời Lê-Văn-Trương, thời 1935 — 1940. Trong khoảng năm năm đó, thiên hạ « mê Lê-Văn-Trương như điếu đổ ». Ta có thể nói là ba thế hệ cùng mê tiểu thuyết « trung hiếu tiết nghĩa » của Lê-Văn-Trương. Thế hệ già thì thích những gương đạo đức hợp với thời mình, thế hệ sồn sồn thì ưa những mảnh đời không « ao tù » như đời mình cam sống, thế hệ trẻ thì say những con người dám nổi loạn, lăn xả vào nguy hiểm, khinh bằng cấp, danh vọng, tiền tài... Một ảnh hưởng sâu, rộng đáng kể.

— Tôi từng nghe người ta bảo : cuộc cách mạng dân tộc năm 1945 là kết quả ba ảnh hưởng : ảnh hưởng của Tự-Lực văn đoàn (đả phá cái cũ), ảnh hưởng của nhóm Hàn-Thuyên (đưa ra những viễn ảnh mới), và ảnh hưởng của Lê-Văn-Trương (người hùng làm những việc khác thường, triệt để hi sinh cho Lí tưởng, tôn thờ Danh dự và Tổ quốc). Anh đồng ý chớ ?

Anh cười.

— Tôi vốn ở trong nhóm Hàn-Thuyên, anh miễn cho tôi phát biểu ý kiến về nhóm mình. Còn về văn đoàn Tự-Lực và người hùng của Lê-Văn-Trương, tôi đồng ý.

« Nhưng khi Lê-Văn-Trương đem áp dụng cái « hùng » trong cuộc sống hàng ngày, có đôi cái « trẻ con » và buồn cười.

— Xin anh kể cho đôi trường hợp.

— Có lần hai đứa con trai anh giành nhau một món đồ chơi. Anh túm hai đứa ra sân, để đồ chơi « tranh chấp » ấy với một đồng bạc thượng — ba mươi năm về trước, một đồng bạc to lắm — trên mặt ghế, rồi đứng làm trọng tài. Hai đứa trẻ xuất xoát tuổi nhau ấy phải lấy sức mạnh mà giải quyết... vấn đề : đánh nhau, mà cảm không được khốc, ai khốc kể là thua. Xong rồi, hai « đối thủ » bắt tay nhau và đứa thua không được kêu ca gì cả, không thì « chết với bố ».

« Đó là với con. Còn với người giúp việc... Có lần có thằng ở mới, thấy anh lơ đãng, bừa bãi, tưởng dễ qua mặt anh, bèn ló mòi gian vật. Có biết đâu anh đóng vai « con mèo lim dim mắt để dễ bề rình chuột ». Anh bắt ngay tại trận, trói lại, đánh cho một trận nên thân, rồi mới giảng dạy: « Con đừng tưởng cậu khờ, cậu ngu, mà làm chết, con ạ. Cậu biết hết, cậu hiểu hết, cậu thấy hết. Không có cái gì qua khỏi mắt cậu. Cậu ghét nhất là tánh gian tham. Ở với cậu, phải cho ngay thẳng. Thì muốn gì, cậu cũng cho. Còn gian xảo, thì... lần này, chứ lần sau, cậu đánh cho chết ngắt, rồi cậu còn bỏ tù cho rục xương. Thôi, lau mặt đi, và đây, cậu cho một đồng để tối đi chén. Cầm đi ! Cậu cho thì phải lấy, cậu đánh thì phải chịu. » Ấy thế, là từ đó, thằng ở coi ông chủ mình như ông trời con !

— Đối với con, với người ở, là

thế. Còn đối với bạn bè ?

— Đối với bạn, anh rất rộng rãi, hào phóng. Anh có thuê một nông trại ở Láng, để làm chỗ viết lách, nghỉ ngơi, và để họp bạn văn. Có anh hay không có anh, anh em đến ở chơi năm bảy ngày, là cơm nước tươm tất. Anh đã « cru mạng » một số anh em khi họ ở trong cảnh hàn hàn hay thất thế, hiện giờ, có nhiều anh sống ở đây.

« Nhưng cái tốt với bạn của anh nhiều khi thiếu... sáng suốt. Chính điều này, khiến Trương-Tửu cự anh và là một cơ khiến Trương-Tửu xa dần anh. Lắm bạn cần năm đồng bạc để sống qua một tháng ngặt nghèo, anh biết, mà không giúp bạn số tiền kia, lại kéo bạn xuống Khâm-Thiên hay Vạn-Thái hát một chiều, lại ăn, lại hút, tiêu cho kì hết năm đồng kia ! Bạn mà có chối từ, thì là hờn, giận, có khi nặng lời, rồi đoạn tuyệt !

Tôi cười ; anh kể tiếp :

— Với bạn, anh « bốc đồng » thế, nhưng với Vũ-Đình-Long, anh rất mực đàng hoàng, không như nhiều anh khác cộng tác với ông chủ nhà xuất bản Tân-Dân này. Nhưng anh này thường mượn tiền trước, nhưng đến ngày hẹn, tác phẩm chưa xong, họ Vũ coi thường. Còn anh, tác phẩm giao rồi, người ta mới đến nhận nhuận bút, anh trả lời : để thông thả, rồi đợi khi xong tác phẩm thứ ba — anh viết rất nhanh, một tháng đôi quyển là việc thường — anh diện đồ tốt vào, đội mũ nỉ, cầm can, lên xe nhà, bảo kéo lại Tân-Dân xuất bản cục. Giao tác phẩm, lãnh luôn một số tiền lớn, rồi trịnh trọng lên xe ra về.

« Vũ-Đình-Long nể ảnh và ưu đãi ảnh ra mặt : sách ảnh bán chạy, ảnh lại viết đều, viết nhanh. Cho nên đến giờ, tôi vẫn không tin là có lần ảnh đã bị họ Vũ « mua chuộc » mà « phản » anh em. À, anh có nhớ vụ anh em cộng tác với Vũ-Đình-Long định công chứ ? »

— Tôi nhớ. Vào khoảng 1940 thì phải. Lời kêu gọi của các anh giúp cho tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san, Tao-Đàn có đăng ở các báo thời bấy giờ. Để đòi tăng lương, vì cảm thấy mình bị bóc lột.

— Đúng thế. Cuộc tranh chấp không đem lại kết quả như ý, vì anh em cho có người « xé rào ». Người ấy, là anh Lê-Văn-Trương. Tôi thì nghĩ có lẽ đó là một đòn li gián khéo léo của Vũ-Đình-Long, gây sự hiểu lầm có lợi cho ông ta. Vì lúc ấy, anh Trương đang khá giả, lại là tác giả đang thời « ăn khách », có lo gì thiếu đất dụng võ đâu, mà bị « mua chuộc ». Và lại, đứng vào phe một kẻ mạnh để bắt chẹt những người yếu, mà những người này lại là bạn đồng đội của mình, điều này lại là điều tối kỵ đối với ảnh. Nếu lúc ấy, ảnh không thể đóng vai « người hùng » được, thì ảnh cũng chẳng thể nào đóng vai « thành hèn » được. Tiếc rằng khi anh còn, tôi lại quên hỏi rõ anh việc này. Tuy thế, tôi vẫn tin rằng Lê-Văn-Trương tiền chiến không thể hèn trong vụ tôi vừa kể.

Gia đình anh bây giờ ở đâu ?

Gia-Định ? Tân-Định ?

Một người bạn đã gọi điện thoại

báo « Dân-chủ » hỏi giùm tôi ; báo « Dân chủ » không biết, báo hỏi báo « Người Việt tự do », anh hỏi báo này, báo này chỉ biết địa chỉ cũ, báo hỏi báo « Dân ta » ; anh hỏi báo « Dân ta », báo này cho địa chỉ : 100/67, Trần-Hưng-Đạo.

Thôi thì lại nhà cũ, hỏi lần, may anh Nguyễn-Văn-Trung tinh mắt, thấy mấy chữ viết bằng phấn trắng ở góc tường. Chị Trương để lại địa chỉ mới : 168, bến Vân-Đồn, Vinh-Hội. Một người láng giềng dẫn tìm nhà phía mé sông, bên mặt, vì bên trái cũng có số này.

Bốn chúng tôi đứng nhìn lại căn nhà. Nhà trong kẹt, hẹp, thấp, trống trơn. Bảy năm dài, nó đã nhiều phen chứng kiến cảnh chạy ăn từng bữa của một nhà văn thất thế, túng nghèo, bình hoạn, bầu bạn với năm bảy con chó và mấy chục con mèo.

Anh Trung bảo tôi : « Anh nói với Bách-Khoa chụp ảnh căn nhà này ».

Tôi gật đầu, và hỏi một bà láng giềng : « Lũ chó, mèo, bà Trương có đem đi hết không ? ».

— Bà chỉ có đem theo một con mèo. Chó thì ai bắt mất. Chó mèo thì khuya, có mấy con về đây, kêu, nghe thâm lăm. Chúng khôn lăm : lúc ổng về đây, chét, chúng ở đâu chạy về, liếm chun ổng, rồi mới đi.

Bến Vân-Đồn, số 168.

Thấy chúng tôi, người chủ nhà đoán ngay là đến tìm bà Lê-Văn-Trương và chỉ cái cửa bên hông, lên trên gác. Tôi chân thang gác hẹp, anh Vi-Huyền-Đắc ra đầu cho tôi lên trước, còn anh

và hai anh Thanh-Lãng, Nguyễn-Văn-Trung ở đó, chờ. Tôi gặp ngay chị Lê-Văn-Trương, nói lí do. Chị vội mặc áo và chít khăn tang, xuống thang, mời khách.

Anh Thanh-Lãng nói mấy lời chia buồn, phúng điếu và cho biết Bút Việt sẽ tổ chức một cuộc diễn thuyết về anh ngày 5 tháng tới.

Chị đưa chúng tôi vào một cái buồng con. Chị mời chúng tôi ngồi, rồi nói :

— Em mới dọn về đây được hai hôm. Nhà của con rế. Ảnh của nhà em mất đâu cả; anh Triều-Đầu cho mượn lại cái ảnh nhà em tặng riêng anh ấy; em đang nhờ anh Phạm-Cao-Cũng chụp lại, rửa lớn ra, để thờ. Mới về đây, bề bộn quá. Em chỉ mới có dọn được cái bàn nhỏ này và bày lọ hoa kia, mai mới có ảnh...

Rồi chị nghẹn ngào.



Tại nghĩa địa Phú Thọ-Hòa,
trước khi hạ huyệt. Người đội mũ nỉ là ông
Lưu-Quang-Hồng, chủ nhiệm báo « Ý Dân »
(ảnh của Ý Dân)

Chúng tôi hỏi về phút cuối cùng của anh, chị cho biết : anh nằm nhà thương Đô-thành, được ba ngày, thì đòi về để được chết ở nhà ; về 12 giờ trưa ngày 13 tháng giêng giáp thìn, (nhằm ngày thứ ba 25 tháng 2-1964) thì nửa giờ sau, anh nhắm mắt. Hai người em gái anh chẳng hiểu vì lẽ gì muốn chôn gấp, chị phải chiều theo. Bốn giờ chiều hôm sau, 26 tháng 2 dương lịch, thân nhân và một số bạn bè đưa linh cữu anh đến nghĩa địa Phú-Thọ-Hòa. Việc an táng anh được chu đáo một phần lớn là nhờ một bạn cũ của anh, ông Lưu-Quang-Hồng, chủ nhiệm báo « Ý-Dân », ông này với các bạn kí giả trong bộ biên tập « Ý-Dân » đã vận động các đoàn hát đang diễn gần nhà anh để mượn xe đưa đám. Và cùng với xe đưa, các đoàn Út-Bạch-Lan Thành-Được, Kim-Chương, Thống-Nhất, Thanh-Minh Thanh-Nga có cử người đến phúng điếu và đi đưa. Thành ra, sống

về nghề viết, mà khi anh từ già trường đời, đưa anh, nhà văn rbà báo chẳng có là bao, mà nghệ sĩ sân khấu thì lại khá nhiều.

Chúng tôi cáo từ, anh Nguyễn-Văn-Trung và tôi hẹn lại hôm sau đến, hỏi tìm thêm tài liệu để viết bài diễn thuyết, để viết bài đăng báo.

Ngày hẹn, tôi đến một mình, anh Trung bị ốm.

Bản thờ tạm của anh có thêm một lư hương, và tám ảnh lớn anh chụp ở Hà-Nội năm 1953, với bút tích và chữ kí. Tôi lại may mắn được gặp một trong những người con nuôi của anh, tên là Phú, đã sống bên anh trong những ngày cuối cùng và đã đưa anh vào nhà thương.

— Cậu cháu đau nặng từ 28 Tết (1) Dạ, vì già có, vì ăn uống thiếu thốn có, lại còn mắc bệnh ho nữa. Nhưng cậu cháu lại không nằm nhà để tĩnh dưỡng, lại cố đi thăm các nhà báo quen đã giao bản thảo để mượn ít tiền tiêu Tết, nhưng chẳng gặp ai, trở về nhà, kiệt sức.

— Cháu có nhớ cậu thăm những ai và tên các bản thảo đã gửi cho họ không ?

— Cháu nhớ cậu cháu tìm đến chú Mặc-Thu, chú Nguyễn-Vỹ và ông Nguyễn-Văn-Ba. Còn tên tác phẩm gửi, con chỉ nhớ có một : *Vĩ nhân trong đêm* gửi ở chú Mặc-Thu.

Chị Trương tiếp lời :

— Nhà em đau nặng từ 28 Tết, nhưng em đã lo từ trên hai tháng trước. Em nhớ nhà em không làm ở đài phát thanh quốc gia chừng một tháng, thì xảy ra cuộc đảo chánh mừng 1 tháng 11. Trước đó mấy ngày vào buổi trưa, một đứa con nuôi của ở nhà em hốt hoảng chạy về cho em hay nhà em té xỉu trước rạp hát bóng Đại-Nam, em bèn chạy ra, đưa nhà em về. Nhà em đau thật sự từ đấy.

« Đến mừng 9 Tết (2) anh chị Đình-Hùng có đến thăm. Thấy nhà em suy yếu quá, chị Đình-Hùng hỏi có bằng

lòng cho anh em đăng lên báo nhờ bạn bè giúp để vào nằm nhà thương không. Nhà em bằng lòng. Phú, con nói tiếp giùm mẹ.

— Bệnh tình cậu cháu càng nguy kịch. Churn thì sưng lên. Nhiều lúc sáng mê. Mẹ cháu quyết định bán nhà để có tiền đưa cậu cháu vào bệnh viện. Ngày 22 tháng 2 tây, có anh Sa-Giang Trần-Tuấn-Kiệt thay mặt chú Nguyễn-Vỹ đến thăm, thấy tình cảnh ấy, nói với cháu cứ sửa soạn lần đi, anh về nói chú Nguyễn-Vỹ đưa tiền để đưa cậu cháu vào nhà thương. Anh vừa đi, thì có người đến đặt cọc mười ngàn đồng để mua nhà.

Chị Trương xen vô.

— Lúc ấy, em không có ở nhà. Nhà em mới lấy tiền ấy, bảo cháu Phú đưa vào nhà thương Đô-thành. Nằm trên giường bệnh rồi, nhà em lấy mười ngàn bạc ra rải chung quanh và trên mình ; chính lúc đó, anh Trần-Tuấn-Kiệt đến, trao năm trăm bạc của chú Nguyễn-Vỹ.

Tôi nghĩ thầm: gặp cảnh này, mà nếu nhà thơ Sa-Giang ấy chưa có một bài thơ nào, thì cũng đáng tiếc.

— Và sau đó, có bác Nguyễn-Đắc-Lộc đến thăm, tặng bảy trăm đồng.

Tôi ngập ngừng, hỏi :

— Cậu nằm giường... có tiền chớ ?

— Dạ, một trăm sáu chục đồng một ngày. Cậu cháu nằm được ba ngày.

(1) Dương lịch, thứ ba 11-2-1964.

(2) Dương lịch 21-2-1964.



Bà Lê-Vân-Trương khóc chồng vừa nhắm mắt Phát thanh Quốc gia được mấy tháng, (ảnh của Ý Dân) lúc đầu được tám ngàn, nhưng rồi có

Tôi thở dài, mừng anh khỏi nằm giường thí. Tôi nhớ lại mười hai năm về trước, vừa ở hậu phương hồi cư về, bị xe cam nhông nhà binh Pháp cán, tôi phải nằm thí một tháng trời, cũng tại nhà thương Đồ thành... Có tuổi, sắp chết và từng tiêu pha tiền huy hoác như anh, mà cuối cùng, nếu phải chịu cảnh nằm nhà thương thí...

Người con nuôi có tên là Phú ấy nói tiếp :

— Nằm nhà thương, mà cậu con bỏ đi ra ngoài thường lắm. Bác sĩ bảo nhà thương Đồ-thành là nhà thương cứu cấp, mà cậu cháu thì bị lao, nên đưa vô nhà thương Chợ - Rẫy. Trưa ngày 25, cậu cháu thấy mình khó sống, bảo đưa về nhà gấp. Về nhà độ nửa giờ, cậu cháu mất.

Tôi quay qua, hỏi chị Trương :

— Anh mắt có trời trần gì, không chị ?

— Thưa không. Từ lúc về nhà, nhà em không nói được nữa.

« Chị nhìn em và các cháu, rồi thì nhắm mắt.

Tôi định hỏi chị : « Anh mắt có đau đớn lắm không chị ? », nhưng giữ lại kịp, và hỏi sang việc khác.

— Xin lỗi chị, hẳn mấy tháng trước khi anh mất, chị cũng vất vả lắm...

Chị dàu dàu nét mặt :

— Từ khi nhà em thôi làm ở nha Chiến tranh Tâm lí, thì cảnh nhà sa sút lắm. Phải nhờ vả bạn bè. May sao nhà em được làm ở đài Phát thanh Quốc gia được mấy tháng, lúc đầu được tám ngàn, nhưng rồi có một ngàn. Nhà em nghỉ làm đài Phát thanh được gần năm tháng thì mất. Nhưng cũng may là khi nhà em thôi việc ở đài, thì có một người bạn gái giúp em mười ngàn bạc để mua bán gạo, mắm tròng xóm, cũng đủ đáp đổi qua ngày. Bà con lối xóm đều thương tình, nên tuy nợ xung quanh độ năm ngàn đồng, mà không ai nỡ đòi.

Tôi hỏi sang gia cảnh. Chị cho biết anh gặp « chị cả », tên là Nguyễn-Thị-Hỉ, ở Cao-Miên lúc anh làm sở Bưu điện trong ấy. « Chị cả », vốn chính người Bắc, nhưng rất giỏi tiếng Miên. Anh chị nhiều khi cao hứng nói chuyện với nhau toàn bằng tiếng Kờ-me ! « Chị cả » theo anh, mắt trong kháng chiến, có năm người con, hiện hai trai và một gái ở ngoài Bắc ; hai người trai vào Nam thì một đã chết. Còn chị gặp anh năm 1938, lúc mười chín tuổi, nay chị được bốn mươi sáu tuổi, được một trai và một gái.

— Có một thời hai chị ở chung, mà vẫn trong âm ngoài âm, chắc là anh chị có bí quyết gì đó chứ?

Chị vui ra mặt :

— À, đó là thời chúng tôi ở gần chợ Hôm, nhà trước chùa Vua. Thưa anh, có gì là bí quyết. Chị cả rất tốt rất lành, em thì biết phận mình, không đại gì ghen ngược.

— Còn anh ?

— Nhà em thì khỏi nói. Điều kiện đã ra trước rồi, chúng em mà làm sai, là nhà em trị thẳng tay.

— Nhưng sau đó chị về trại Láng mấy năm ?

— Thưa anh, bảy năm cả thầy.

— Chắc chị cũng đã khổ nhiều với một số bạn bè anh đưa về đây chơi?

Chị cười cười.

— Có nhiều anh rất dễ mến, nhưng cũng có lắm anh rất khó chịu. Bực mình thì sao cho khỏi, thưa anh. Song vẫn cắn răng mà chịu. Nhà em quý bạn, trọng khách lắm. Có gì, là phần lỗi luôn luôn về chủ !

— Trước kia, có khi nào anh « kéo » chị vào những cuộc phiêu lưu, mạo hiểm của anh không ?

— Có một lần, đi buôn thuốc phiện lậu với nhà em ở Bắc-Giang.

— Thế sống mạo hiểm với anh, chị có khi nào tiếc cuộc đời êm ả ở Fantasio chứ ?

Nhưng người cựu vũ nữ hoa khôi ngồi trước tôi, già từ vũ trường thuở đào tơ sen ngó ấy mỉm cười, không đáp mà lại nói :

— Nhà em phải tản cư cuối 1946, và được cử làm Chủ-tịch ủy ban đại bàng toàn cõi Bắc-Việt ; sau đó nhà em vào bộ đội ; chị cả em chết ở Chợ-Bến, nhà em lại đau yếu, hồi cư về Hà-Nội đầu năm 1953. Anh Lê-Văn-Siêu mời nhà em cộng tác với tuần báo « Mới » ở đây. Giữa năm 1954, nhà em vào Sài-Gòn trước, ở chung với anh Siêu tại tòa soạn báo Phương-Đông, một tháng sau, em di cư với các cháu, ở đường Arras ; bây giờ là Cống-Quỳnh, sát bến xe hơi. Đến năm 1956, mới mua căn nhà ở hẻm Trần-Hưng-Đạo đó.

— Dường như khoảng này, anh có sắm xe hơi ?

Phụ trả lời :

— Dạ phải. Lúc ấy, cậu cháu có nhiều tiền lắm. Thuê một phòng ở Hôtel des Nations, đường Nguyễn-Huệ, để đến đó viết.

— Viết tiểu thuyết ?

— Dạ phải. Ông Lê-Trung-Nghĩa, (em ông Lê-Văn-Tất, tân tỉnh trưởng Tây-Ninh, chắc ông có biết) cung cấp tài liệu cho cậu cháu để viết quyển « Những người có sức mạng », quyển lịch sử tiểu thuyết này kể lại những việc xảy ở Nam-Bộ từ trận chiến tranh thứ nhì bùng nổ, tức năm 1939, đến hiệp định Genève năm 1954. Cậu cháu trước tự cho thời hạn một năm phải viết xong, nhưng càng viết, càng kéo dài, hết một năm mà chưa xong. Giữa lúc đó, vợ cháu lại đau thần kinh, cậu cháu chạy chữa, hết cả tiền, phải bán cả xe...

— Nhưng bây giờ « Những người có sức mạng » đã xong chưa ?

Chị Trương đáp.

— Thưa anh, xong rồi ạ. Nhà em nói dày tới 3.600 trang.

— Bản thảo, hiện chị giữ ?

— Thưa không. Ông Lê-Trung-Nghĩa giữ và lo xuất bản. Chính ông Nghĩa đã đề tựa quyển ấy (1).

— Thế xin chị cho tôi xem qua những gì anh viết mà chưa in.

Chị bảo đưa con trai và đứa con nuôi sang buồng bên, lấy một cặp da và mấy cái sơ mi cạt tông. Tôi xin phép mở ra. Một số bài ngắn viết cho đài Phát thanh, những đoạn « *Những người có số mạng* », đánh máy, một số thư người ta gửi cho anh, đã rách ít nhiều, một mớ giấy tờ lộn xộn; chỉ còn một tác phẩm đầy đủ, gồm có bốn tập, 311 trang, tên « *Những kiếp mắt lịch sử* ». Rất có thể đây là quyển tiểu thuyết cuối cùng của anh.

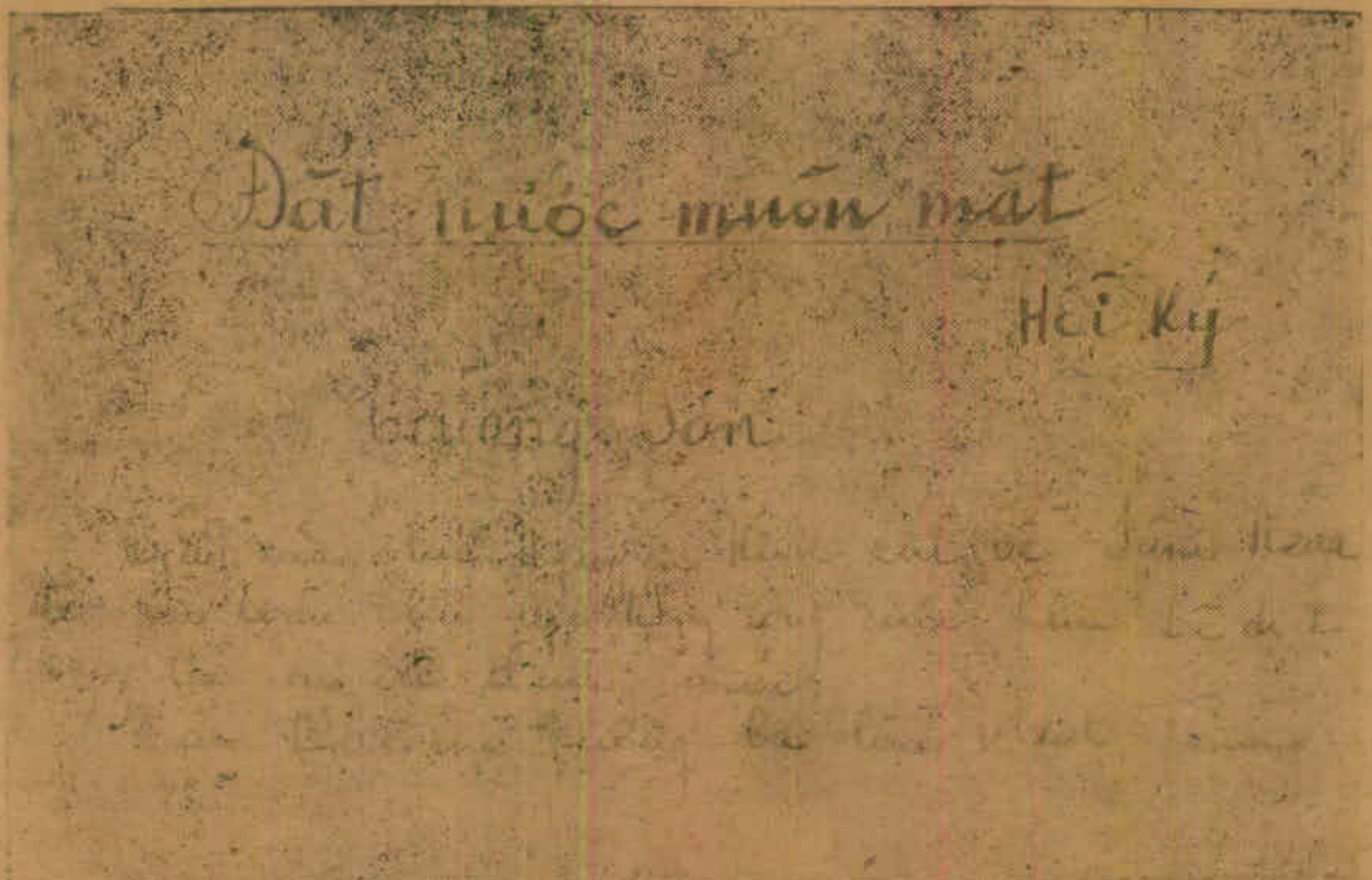
Tôi chép lại đoạn nằm trên chữ « Hết » to đậm :

« *Nước Việt thiếu gì người có lòng. Khi ta làm việc vì chính nghĩa, chúng ta có thể tin cậy một sự giúp đỡ không bờ bến. Lòng đất này thiếu gì hiền nhân quân tử, nữ kiệt, anh hùng. Bằng không thì mất từ tám kiếp! Lấy ai để giữ bền cho tới bây giờ ? »*

Đoạn cuối này, viết hơi dỗi, vài chữ phải chú ý lắm mới đoán ra.

Tôi hỏi chị mượn một trang nào có chữ kí của anh để về làm bản kèm cho bài mình sắp viết. Chị nhớ không còn. Bỏn

(1) Nhưng theo chỗ chúng tôi biết, thì tác giả « *Những người có số mạng* », vốn là ông Lê-Trung-Nghĩa. Tác giả chỉ mới viết xong có nửa, độ ngàn trang đánh máy và đến nay còn dề dờ dang. Ông Nghĩa có nhờ Lê-Văn-Trương nhuận sắc khoảng 1959-60 nhưng việc này cũng gián đoạn. Điều này chắc chị và em Phú chưa được biết.



chúng tôi cùng lục đăm giấy má, thư từ. Văn chẳng thấy. Tôi sức nhớ ra.

— Tôi sẽ mượn anh Triều-Đầu vậy. Anh Triều-Đầu có một tập kỷ niệm anh chị em văn nghệ sĩ, có bút tích, ảnh, chữ kí. Tôi có thấy trang anh viết.

Tôi mượn chị một tờ hồi kí, nhan « Đất nước muôn mặt », mở đầu bằng « Trường-Sơ », mà anh mới viết được năm dòng, và để dở dang sau chữ thì.

— Chị có biết tác phẩm anh viết mà chưa in thành sách được mấy cuốn không ?

Chị còn đang nhớ lại, thì Phú — người con nuôi — lên tiếng.

— Cháu nhớ độ ba mươi quyển.

Khiêm, người con ruột, xác nhận bằng một cái gật đầu.

Chị phụ họa theo :

— Tôi cũng nhớ trên dưới ba mươi quyển.

— Như vậy, thì thất lạc đi nhiều quá. Đây, hiện có một : *Những chớp mắt lịch sử* ; anh nói với cháu Phú anh Mặc - Thu còn giữ *Vĩ nhân trong đêm*, anh Nguyễn-Vỹ và bác sĩ Nguyễn - Văn - Ba giữ mỗi người một bản thảo. Vị chị là bốn tác phẩm. À, tôi còn nhớ tuần báo « Mới » có đăng hai tiểu thuyết của anh viết sau thời hồi cư, mà chưa xuất bản : « Cô em họ » và « Những người của mùa xuân ». Và *Anna Hời* từng đăng một phần trên một tờ nhật báo nào, tôi quên mất, dường như « Cách mạng quốc gia » thì phải.

Chị reo lên :

— À, xuất nữa em quên quyển *Anna Hời*. Dày trên ngàn trang, nhà em gửi ở cha Trần-Đức-Huân, ở nhà thờ Huyện-Sĩ. Nhà em rất thích *Anna Hời*.

— Trong các tác phẩm chưa in, anh có nói với chị anh thích tác phẩm nào nhất ?

— Nhà em thích nhất cả ba cuốn *Anna Hời*, *Những chớp mắt lịch sử*, *Vĩ nhân trong đêm*.

Trời gần tối. Tôi nhìn bàn thờ anh hương còn cháy dở.

— Chị có nhớ sách anh xuất bản rồi, bao nhiêu cuốn.

— Thừa anh, em không nhớ rõ, nhưng đâu trên hai trăm quyển.

« Phải không, các con ? »

Hai người con gật đầu.

— Bảy năm về trước, anh có nói với tôi, và tôi có ghi lại ở tiểu sử anh đăng ở mục Gia-đình Văn nghệ báo *Phương-Đông* (1) : anh đã sản xuất hai trăm bốn mươi bảy quyển tiểu thuyết. Có vài bạn cho rằng tôi nghe lộn hay ghi sai. Các bạn ấy bảo tới cuối năm 1942, Vũ-Ngọc-Phan có nói trong « Nhà văn hiện đại » anh có được dăm chục bộ tiểu thuyết đã xuất bản. Ba năm tiếp 1943, 44, 45, anh có sản xuất giỏi lắm cũng được dăm chục cuốn nữa. Rồi thì kháng chiến, anh hồi cư đầu 1953, thì đến giữa 1954, anh viết nhanh thì được dăm chục cuốn nữa là cùng.

Cộng chung không quá trăm rưỡi cuốn. Có đâu đến gần hai trăm rưỡi

(1) Ngày 8 8-1954

cuốn. Nhưng cuối năm 1959 khi anh trả lời cuộc phỏng vấn về truyện ngắn hay do tôi phụ trách ở tạp chí Bách-Khoa (1) anh cũng cho lại con số 247 ấy.

— Thưa anh, nhà em không nói ngoa đâu. Nhà em có làm một cái danh sách, kê đủ các tên.

— A ! tôi có thấy danh sách này. Anh có đưa tôi xem qua, trong một dịp anh ghé thăm tôi tại nhà riêng, khoảng tháng 10 năm 1959 ; tiếc rằng tôi xem qua loa nên không nhớ rõ. Chị còn giữ danh sách ấy, chị cho tôi mượn...

Chị quay lại phía hai con :

— Hai con có nhớ cậu gởi danh sách ấy cho ai xem không ?

«Dường như ông Nguyễn-Hữu-Tiêm hay cha Huân...»

Hai người con cố nhớ, nhưng không ra.

— May chị và hai cháu nhớ được và lấy lại, xin để cho tôi mượn sao lại dùng tài liệu sau này. Anh thích quyển nào nhất trong những quyển đã xuất bản. Chị dạy lại Phú.

— Cậu con có nói thích nhất ba cuốn gì, mợ quên mất. Con còn nhớ ?

Phú điềm dậm trả lời.

— Dạ, có. *Trường đời, Một người, Tôi là mẹ* (2).

Chị reo lên.

— Đúng rồi. Thưa ông. Trong *Tôi là mẹ*, nhà em tả mỗi tình của nhà em với chị cả em đấy ạ. Ông có xem rồi chứ !

Tôi gật đầu.

— Ông còn nhớ Vinh là người Bắc vào làm sở Bưu-Điện ở Nam Vang rồi đổi lên Siem-Rệp, ở nhà một gia đình chồng Bắc vợ Nam, có cô con gái tên Vân. Rồi hai người lấy nhau đem, nhau đến Lovéa khai khẩn đồn điền, rồi vì nạn kinh tế 1931 mà lỗ lã, phải đi qua Xiêm buôn thuốc phiện lậu.

— Rồi Vinh bị giết. Vân ở vậy nuôi con rồi đưa con về Bắc học hành như lời Vinh dặn...

— Sự thật tới chỗ buôn thuốc phiện lậu thôi. Sau là tiểu thuyết. Nhà em đâu có chết, và cùng-chị cả và mấy cháu về Bắc cả.

Rồi chị lẩm bẫm :

— Phải rồi. *Trường đời, Một người, Tôi là mẹ*. Ba quyển.

Nghe chị nói, tôi nghĩ : con số ba dường như có duyên nợ gì với tác giả. « *Ngựa đã thuần rồi, mời ngài lên* » một ý thoáng qua đầu, tôi bèn hỏi chị :

— Anh mất rồi, có chị... thứ ba nào đến khóc anh chăng ?

Chị hơi giật mình, mắt chớp :

— Thưa anh có.

Rồi chị nói nhỏ một cái tên đôi, đẹp như giấc mộng Trang-Chu.

— Anh biết để bụng, vì người ta nay đã chồng con hẳn hoi. Trước kia,

(1) Số 106, ngày 1-6-1951.

(2) Ba năm về trước, trong một cuộc phỏng vấn, anh cho tôi biết anh thích nhất tiểu thuyết « Ông Hoàng một đêm » (B.K. số 106, ngày 1 tháng 6 năm 1961)

chính chị cả và em đi cưới cho nhà em đây. Nhưng rồi...

Nhắc đến tác phẩm đã in, tôi chợt nhớ các tác phẩm tái bản, mà phần lớn bán xôn; tính cũng có hai mươi quyển.

— Trước, nhà « Sống-Mới » in lại, bán ở hiệu sách đảng hoàng thì mỗi quyển được từ năm đến tám ngàn. Sau, ông giáo Nguyễn-Hữu-Tiêm in để bán xôn, thì chẳng được bao nhiêu; ban đầu, ông ta đưa mỗi cuốn một ngàn, rồi sau, năm trăm, ba trăm...

— Trong những ngày cuối, anh có gặp đôi điều gì an ủi anh không, chị?

— Cách đây khoảng bảy tháng, có một ông cụ ở Pháp về, tìm đến tận nhà, hết lời ngợi khen và cảm ơn nhà em: nhờ quyển « Sự sống » của nhà em, mà con trai cụ ấy nên người. Thấy nhà hư, cụ biểu năm ngàn đồng để sửa chữa; thỉnh thoảng đem xe hơi đến rước nhà em đi chơi. Rồi khi trở về Pháp, cụ còn biểu hai ngàn nữa. Nhà em rất sung sướng thấy tác phẩm mình có ảnh hưởng xây dựng thế.

Làm rộn chị đã quá nhiều, tôi toan đứng dậy cáo từ, bỗng một thắc mắc nhỏ đến. Tôi xin phép chị được xem qua thẻ căn cước của anh.

— Nhà em và em đánh mất thẻ kiểm tra có hai năm giờ rồi, hẳn anh muốn biết rõ năm sinh của nhà em?

Tôi gật đầu, cười

— Các báo đăng tin anh mất, có báo nói anh thọ 59 tuổi, có báo nói: 64 tuổi. Thẻ thì anh sinh năm 1905 hay

năm 1900. Nhưng mười năm trước, trên báo Phương-Đông, anh có đọc cho tôi ghi năm sinh anh: 1907 và cách đây ba năm, khi anh cho tiểu sử để đăng ở tạp chí Bách-Khoa, anh cũng viết: 1907.

— Năm Tây em không biết; em chỉ biết nhà em tuổi Ngọ. Năm mười chín tuổi...

— Năm mười chín tuổi ta, năm mười tám tuổi Tây, theo chị thì anh sinh năm 1906. Mất thẻ căn cước nhưng chị còn tờ khai gia đình?

Chị lấy trao tôi.

Nhà chỉ có hai người:

1. — Lê-Văn-Trương, 2-3-1905, Hà-Nội, nhân viên Đài Phát thanh quốc gia.

2. — Nguyễn-Thị-Đào, 1919, Nam-Định, buôn bán.

Nhìn lại trang đầu:



Căn nhà 100/67 Trần-Hưng-Đạo nơi Lê-Văn-Trương sống 7 năm

« Quận 2, phường Bùi-Viện, xóm 8, liên gia 9, số nhà 100/67. »

Mất tôi chú ý chữ viết bằng bút chì nguyên tử xanh, đóng khung hẳn hoi nằm kể số nhà.

nhà, đất của tôi

Tường chữ của anh; nhưng muốn chắc, tôi hỏi lại chị; chị xác nhận.

Nhà là của anh rồi. Nhưng đất, tôi biết là đất chú Hỏa. Làm tôi chẳng khỏi bâng khuâng. *Đất của tôi*, trong khi đất chẳng phải của mình. Anh đã viết trong hồi trí chưa tỉnh? Nền của người, làm tường của mình? Hay vì buồn thấy mình trọn đời luân lạc, chẳng biết nhắm mắt ngày nào, mà chẳng có lấy một tấc đất trong tay, đành phải dối mình bằng bút mực?

* *

Cư xá Trương-Tấn-Bửu. Nhà anh Triều-Đầu. Trưa gát. Cái quạt máy quay tít mà trán chúng tôi vẫn rịn mồ hôi. Tôi noi gương chủ nhà cởi áo ngoài ra, ngồi phịch xuống nền gạch bông, rồi dở tập Kỷ niệm văn nghệ sĩ của tác giả « Trên vĩa hè Hà-Nội ».

Đây rồi. Anh, chữ kí với những dòng gởi lại bạn văn chương :

« *Giới Đất vô cùng, không thể đo và không thể lường, như Thiên tài* ».

« *Sao lạ nhỉ? Và nói đến Thiên tài, là nói đến trái Tim. Chỉ có cái vô cùng của trái Tim, mới đo lường nổi cái vô cùng của Đất Trời* ».

Rồi anh kể :



Lê-Văn-Trương và Triều-Đầu, 1959

— Non ba mươi năm trước, tôi là một « quan phán » bắt đắc dĩ. Anh còn lạ gì cái cảnh thiết thời, lắm khi tử nhục của người công chức thời thuộc Pháp, ở Nam hay ở Bắc gì cũng thế. Giữa lúc ấy, tôi đọc tiểu thuyết « *Một người* » của Lê-văn-Trương. Linh, viên tham tá trẻ tuổi, con nhà giàu, vì đời lỗi lầm nhỏ, bị viên xếp người Pháp mắng nặng lời và tát tai. Linh xắn xô xông lại toan làm dữ, thì viên xếp hỏi tâm xuống nước. Dọa : « Tôi sẽ cách chức anh ! » Linh đáp lại ngay : « Tôi không cần. Ngay từ bây giờ, tôi sẽ từ giã cái địa ngục mà người ta coi tôi như chó lợn này ». Và mặc dầu cha dọa dẫm, mẹ năn nỉ, Linh cũng nhất định thôi việc, nhận sống đời thiếu thốn, gian lao của một người trai trọng danh dự làm người và quyết hi sinh cho nghề viết văn làm báo. Cái phần

ứng quyết liệt và khí phách của Linh đã gây một niềm hào hứng đặc biệt trong giới anh em công chức trẻ bấy giờ. Chúng tôi coi Linh như người lí tưởng và coi tác giả « Một người » là một thần tượng.

« Nhưng mãi đến mười sáu năm sau, tôi mới tình cờ được gặp anh ở nhà một người bạn chung. Sau đó, mấy dòng anh nhận xét về tác phẩm của tôi đăng ở báo Tia sáng (tôi còn nhớ rõ ngày 30-10-1953) khiến tôi thấy ở nơi anh, ngoài một kẻ đi trước đáng trọng, còn là một bạn văn nghệ hiểu mình. Tình bạn chúng tôi bắt đầu đậm đà từ đây. Anh cho phép tôi đọc lại mấy dòng « hiểu nhau » ấy.

« Có một văn hữu đọc những tác phẩm của Triều-Đầu nói rằng văn ông đã tả không đúng sự thật, chẳng đầu cuối ra sao cả.

« Nếu ngòi bút phải là một cái máy ảnh, nếu nghệ sĩ chỉ là thành hề chạy theo mà nhai lại cuộc đời cho chúng ta xem, thì đời không cần nghệ sĩ.

« Chúng ta đòi hỏi ở nghệ sĩ một cái gì hơn thế, chúng ta đòi hỏi ở nghệ sĩ những gì nó không hẳn là sự thật, mà nó đúng hơn sự thật, linh động hơn sự thật. Chúng ta đòi hỏi ở nghệ sĩ những điển hình của sự sống không phát nhát đối với thời gian. »

« Với những dòng này, anh vô tình làm tôi là kẻ chịu ân anh. Cái ân này, tám năm sau, chẳng ngờ tôi được dịp trả phần nào. Số là khoảng trung tuần tháng bảy năm 1961, anh hoàn thành truyện dài « Dưới bóng Đẻ-Thiến » và tìm tôi, ân cần nhờ tôi đề tựa. Và anh hẹn ba ngày sau anh đến lấy. Tôi đọc

bản thảo : đó là truyện chàng Néak Skrok trước một nghịch cảnh vô cùng bi đát, vẫn giữ được thái độ kiêu hùng và cư xử đầy tình nhân loại, xem xong, tôi thấy mình không bị mà được đề tựa. Đúng ba ngày sau, anh đến. Làm tôi cảm động. Vì anh đạo ấy vốn vô tâm, quên, nhớ thất thường. Lúc mới đọc, mặt anh hơi nhăn lại, để rồi rạng rỡ dần. Đọc xong, anh nắm hai vai tôi, lắc mạnh, sung sướng mà thấy rằng tôi đã hiểu ý, tình anh gửi trong tác phẩm. »

Anh mời tôi cạn chén nước trà.

— À, anh biết anh Lê-Văn-Trương sinh năm nào.

— Năm bính ngọ, dương lịch nhằm năm 1906.

— Anh có chắc không ?

— Chắc chắn. Chính anh Trương nói với tôi. Và theo tử vi, tuổi ngọ năm nay gặp đại nạn. Anh Trương chết. Đúng, anh tuổi ngọ. Mà sao anh hỏi kĩ thế ?

— Để « hậu thế » khỏi phân vân ! 1900, 1905, 1906, 1907, biết chọn năm nào ?

Từ nhà anh Triều-Đầu, tôi chạy lại nhà anh Am-Hà. Anh ở sát chợ Vườn Chuối, ồn ào quá, nên anh mời tôi đến một nơi khác êm ả hơn để nói chuyện anh Lê-Văn-Trương. Và trong khi cho xe mô-bi-lét chạy trước lên Tân-Định, tôi không khỏi nhớ lại lời anh Nhật-Tiến : « Để tôi giới thiệu anh với người bạn này, vốn giáo sư ở Bạc-Liêu và Bến-Tre. Anh ấy từng chung sống với Lê-Văn-Trương, coi nhau như ruột thịt. »

Đến nơi, tôi thấy quả là chốn thuận cho người ta buông xuôi về quá khứ. Một căn gác gọn gàng, yên tĩnh dưới bóng cây xanh; mấy bức tranh thủy mặc phác họa những cảnh non Bồng nước Nhược. Nằm dài trên chiếu trải sau khi uống vài chung trà ngon, đậm, nóng, rồi qua làn khói thuốc thơm...

— Tôi chơi thân với anh Nguyễn-Đình-Lạp, anh Lạp, sau này vào nhóm Hàn-Thuyên, tác giả « Ngoại - ô », « Ngõ hẻm », anh biết chứ? Anh Lạp chơi thân với anh Trương. Rồi do anh Lạp mà chúng tôi biết nhau, thân nhau, coi nhau như thủ túc. Anh gọi mẹ tôi bằng mẹ, và mẹ tôi rất thương và nể anh. Nhiều khi, thêm đi hát cô đầu, mà cả hai gặp hồi chấy túi, tôi xin tiền mẹ tôi, mẹ tôi biết được xin tiền để làm chi, không cho mà lại còn rầy, tôi bèn xúi anh xin, thì quả mười lần như một, mẹ tôi đều cho cả. Tôi quý anh như người anh cả. Nhưng sau này... Mà thôi, ta nói chuyện trước kia vậy.

« Kể chuyện về anh Trương thì cả ngày e không hết. Vậy tôi nói anh nghe anh đã chơi, đã làm việc thế nào, và sau là một kỉ niệm cảm động giữa chúng tôi.

«... Anh Trương chơi hết mình. mà làm việc cũng hết mình.

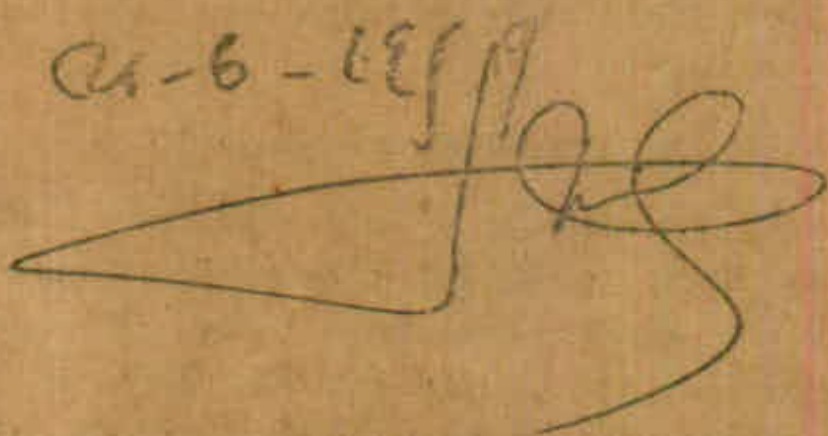
« Anh thường nói » : *Đã chơi không « cô », đã « cô » không chơi* ». *Cô* đây là so đo, tính toán, cân đi nhắc lại.

« Một trong những cái thú nhất của anh là đi hát ả đào. Mà đi hát thì phải kéo bạn bè, em út theo. Có lần anh dan díu với đào Sen, gắn bó với nhau trong suốt hai năm trường. Đào Sen làm chủ một « đặng xing », và ba cái nhà hát, thuộc loại sang, ở Vạn-Thái. Đào Sen trẻ, đẹp, thích khách văn chương. Một tháng, anh hát ở nhà đào Sen đến hai mươi sáu đêm là thường, và anh kéo Nguyễn-Đình-Lạp và tôi đi cho có bạn. Anh hát, thì đào Sen nhất định không lấy tiền... anh. Bà chủ tên Sen ấy có thể chịu thiệt mãi, nhưng quan viên họ Lê này chẳng thể để tình trạng nợ kéo dài. Anh năn nỉ với anh Lạp và tôi lấy tiền anh mà thay phiên nhau chi tiền hát. Đào Sen còn lạ gì việc làm che mắt ấy, nhưng phải giả vờ như không biết, nhận tiền để làm vui lòng anh. Cả hai anh chị đều được « lợi » cả, chỉ khổ cho hai đứa tôi miễn cưỡng đóng vai em út khá giả « bao » cho người anh lớn đang độ « tưng tiền ».

« Sau cái thú hát ả đào, anh còn cái thú chơi tổ tôm. Anh chơi say mê và dẻo dai hơn ai hết. Có những sòng anh ngồi đến hai ngày hai đêm liền, mà vẫn tỉnh táo, trong khi các tay khác thay phiên nhau mấy lượt.

« Anh hỏi đến cái thú đi mây về gió à? Người như anh chủ trương làm trai cái gì cũng biết cả, nhưng chẳng lụy cái nào, làm sao mà chẳng biết qua cái thú này. Anh cũng từng thấy anh ấy tả cái thú hút thuốc phiện trong *Trường*

CS-6-1959



chữ kí của Lê-Văn-Trương

đời, và hít cocaine trong *Có tư Thung*. Có lần, anh thề với vài đàn em, trong đó có tôi, rằng anh sẽ bỏ hút (1). Và anh giữ lời thề. Rồi thay lúc anh cai, lại nhằm lúc anh đau bao tử. Bệnh: hành, thiếu thuốc phiện: hành, làm anh đau đớn trăm chiều, và quần quai trên giường bệnh trông rất thảm thương. Người nhà khuyên nủ, rồi năn nỉ anh cứ hút lại, cho bớt một cực hình. Anh nhất định không chịu, vì « đã thề với các chú ». Tôi chứng kiến cảnh ấy, thương anh quá, vội chạy mượn ngay bàn đèn, rồi nài nỉ anh: « Xin anh thương lấy chị, và các cháu và chúng em mà hút lại cho qua cơn ngặt nghèo, không thì anh chết mất, sự nghiệp dở dang. Để chữa bệnh xong rồi, anh sẽ chữa thuốc, thì anh vẫn giữ đúng lời hứa với chúng em. Có khi biển cũng có khi quyền. Đây, chẳng phải anh nuốt lời, mà chính em — thay mặt các bạn khác — van xin anh hút lại một thời gian. » Vợ con anh quì xuống khóc, tôi tiêm thuốc, ép anh. Anh đành nghe theo. Rồi khi nhẹ bệnh, anh bỏ thuốc phiện...

« Anh chơi thứ nào cũng mê say, nhưng khi anh làm việc, thì cũng say mê không kém. Tôi còn nhớ trong năm 1937, anh chuẩn bị viết quyển « Một người ». Anh gọi chúng tôi đến, cho chè chén, tom chát, rồi tuyên bố: « Anh cần mười ngày để viết một quyển sách. Vậy, anh cấm các chú phá rầy anh. Để anh yên. Chừng nào viết xong, anh sẽ tìm lại các chú mà khao một bữa. » Anh cũng cấm vợ con như thế. Đến bữa cơm, người ở mang phần ăn đến nơi anh mượn riêng, đứng ngoài ngõ lên tiếng, anh ra lấy đồ ăn vào, ăn xong, đem chén bát ra ngõ trao

cho người ở mang về. Không một ai qua khỏi ngõ khi anh viết. Và anh viết ngày viết đêm, thường quấn một khăn ướt lên đầu để « trí óc tươi tỉnh ». Quả mười ngày, anh viết xong. Cho gọi bạn bè, em út lại, xuống xóm cô đầu: gầy lư trăm, chọn cô đầu nào tốt giọng, đọc mấy đoạn anh đặc ý nhất để cùng nhau thưởng thức, sau đó là ăn uống, hát xướng no say.

« Một chỗ yếu của anh là hay nói phét. Tôi bực quá, có lần nặng lời chỉ trích anh giữa đám anh em. Anh cười: « Người khác thường bao giờ cũng mang một tật gì đó. Anh các chú mắc phải tật nói phét, đành phải chịu. Nhưng anh lại thích cái tật này, thì các chú có thương anh thì cố mà chịu đựng. Và lại nghĩ cho cùng, anh nói phét chẳng hại gì ai. À mà có, có hại cho anh. Thì đó cũng như các chú phạt anh rồi vậy. »

« Nhưng được cái là anh rất chân thành, nên anh em « cho qua » vài cái tật của anh.

« Kỉ niệm cảm động nhất tôi giữ về anh, lại là trong thời kháng chiến. Lúc ấy, mới năm 1947, tôi tản cư về huyện Cẩm-Thúy, thuộc miền núi tỉnh Thanh-

(1) Xin chép lại ý kiến của một người hùng của Lê-Văn-Trương về nghiện, đã làm Vũ-Ngọc-Phan phải lên tiếng, hai mươi ba năm trước.

— « Thế ông không sợ nghiện à ? »

— Nghiện. Nghiện ở mình. Một người đã đề cho thuốc phiện bắt phải nghiện thì người ấy là một người hèn. Nói tí dụ nếu một ngày kia mà tôi có nghiện thì chính tự tôi phải nghiện, chứ không phải thuốc phiện bắt tôi làm cho tôi phải nghiện được. (Trường đời).

Hóa. Tôi lãnh một công tác văn hóa, và lấy làm sung sướng mà nghe người ta thường nhắc đến nhà văn Lê-Văn-Trương. Một hôm, có người hỏi tôi lúc ở Hà-Nội, có biết anh không, tôi trả lời anh là nghĩa huynh của tôi, tức thì một anh thừa phái cũ nhìn tôi, khinh bỉ ra mặt : « Mặt anh mà là nghĩa đệ ông Lê-Văn-Trương ? » Thật ra lúc ấy tôi đang đau, không tiền chạy thuốc mặt chẳng đáng đồng xu. Tôi dần được, không thì đã có cuộc ẩu đả. Vài ngày sau đó, người cựu thừa phái này tình cờ đi chung một chuyến đò dọc với anh Trương đang đi ngược sông Mã để tìm mỏ vàng cho chánh phủ ; anh ta mới hỏi anh có biết tôi không. Anh mừng rỡ, cho biết tôi là nghĩa đệ của anh, và nhờ đưa đến nhà tôi. Chúng tôi xa nhau từ đêm lịch sử 19 tháng chạp năm 1946, nên gặp nhau, mừng ra nước mắt. Thấy rõ hoàn cảnh chúng tôi, anh ngậm ngùi thương xót, rồi :

« Anh bận đi công tác, chẳng thể ở lâu. Tiền bạc lại không còn. Anh có bộ đồ kaki này, biểu chú thím. Thím đem bán đỡ, lấy tiền mua thuốc cho chú uống. Chuyển về, thể nào anh cũng ghé thăm ». Rồi anh đi. Vợ tôi bán bộ đồ anh cho được trăm hai chục đồng ; nhờ có món tiền này mà tôi lành bệnh.

« Rồi tôi hồi cư về Hà-Nội. Năm 1953, anh mới về. Nhưng tôi thấy anh đã đổi khác. Rồi di cư vào Nam, anh lại càng đổi khác. Cách đây bốn năm, anh giận tôi vì một cơ không đâu, rồi chẳng thèm tới nhà tôi nữa. Tôi cũng buồn, không đến thăm anh từ dạo ấy.

« Vì với tôi, Lê-Văn-Trương thời tiền chiến, Lê-Văn-Trương thời kháng chiến, Lê-Văn-Trương « người hùng » đã không còn. Và từ hiệp định Genève cắt hai đất nước, ở miền Nam này, chỉ còn cái bóng của Lê-Văn-Trương.

Nước trà nóng, một tách, rồi hai, ba tách.



Tại tòa soạn « Miền Nam », tháng 8-1963
Lê-Văn-Trương với Văn-Thanh, Phạm-Duy, Tạ-Tị

Khói thuốc lại nhẹ nhàng tỏa, thơm tho.

* * *

« Một kỉ niệm về... Lê-Văn-Trương... tiền chiến... »

« Lần đầu tôi đến trại Láng của anh. Nhìn qua, là biết vắng bàn tay đàn bà. Nhưng chẳng sao, đã có anh. »

« Anh đãi tôi một trò đặc biệt. »

« — Đây, cậu xem. Mười cây phi tiêu đây. Bia đó. Mười thước từ đây tới đó. Cậu xem này ! »

« Và tay anh phóng liên hồi. Xem bia : cả mười phi tiêu đều trúng đích. »

« Anh vỗ vai tôi : »

— Cậu thấy tài anh chưa ? »

— À, anh nhớ tuổi anh Trương chớ ? »

— Sáu mươi bốn tuổi. »

— Chính anh nói ? »

Tác giả « *Thơ say* » chau đôi mày :

— Tôi không nhớ. Nhưng nhiều bạn đều bảo anh sáu mươi bốn tuổi. »

Tôi mỉm cười nghĩ : Chắc anh ấy nói tuổi mình với bè bạn và ghi cho mình trong anh ấy vừa đọc lại tập thơ đầu của Vũ-Hoàng-Chương !

* * *

Tôi chỉ còn tìm anh Đinh-Hùng. Mà tìm anh như thể tìm...chim. Nhà riêng nhà báo, đài phát thanh, câu lạc bộ báo chí... Nhưng thiếu anh, không được. Và anh là một trong bốn văn hữu đã kêu gọi anh em giúp đỡ anh Lê-Văn-Trương và đã gặp tác giả « *Hận nghìn* »

đời » bốn hôm trước khi anh từ già cõi đời.

Sau cùng, tôi gặp anh ở câu lạc bộ báo chí. Anh đã biết trước tôi tìm anh để làm chi, nên anh kể ngay :

— Chiều hôm ấy, cũng vào giờ này, bảy giờ, tôi đang ngồi đây trò chuyện với hai anh bạn trẻ, anh Tùng-Linh và anh Phổ-Đức thì chợt thấy anh hiện ra ở cửa. Tôi giật mình. Vì anh trông tiêu tụy và thiếu nảo quá, và khi anh mệt nhọc mở miệng nói : « Mình sắp chết, cậu à », thì tôi không còn thần nhiên như bao lần trước. Thần sắc anh khác quá rồi. Và khi anh tiếp : « Bốn hôm nữa, mình chết », là tôi tin anh ngay. Đúng như thế, bốn hôm sau, anh không còn nữa. »

« Nhưng lời cuối cùng của anh ? Anh tỏ ý phần nàu vài ông bạn chủ báo : giữ bản thảo anh quá lâu, chẳng đăng mà cũng chẳng trả lại tác phẩm. Lúc ấy, tôi có nói với anh, nửa đùa nửa thật : « Họ thấy anh thế này, chắc rằng anh chết nay mai, thì đại gì họ trả anh bản thảo... » Anh về, tôi bàn với hai anh Tùng-Linh và Phổ-Đức nên cho các bạn anh hay tình cảnh hiện thời của anh. Hai bạn này nhận lời. Còn tôi, hôm sau, đưa vợ con đến thăm anh, ép anh để tôi viết lời kêu gọi đăng lên báo. Viết xong gửi nhà báo, lại được tin anh đã vào nhà thương, tôi phải lấy bài lại, sửa ; vì thế mà trễ thêm một ngày ; bài ra thì anh đã ra người thiên cổ... »

Anh Lê-Văn-Trương,

« ... đã ra người thiếu cô. »

Tôi đọc lại câu này, thở dài.

Một cảm giác trái ngược đang xâm chiếm người tôi. Vừa nhẹ nhõm, lại vừa nặng nề.

Nhẹ nhõm, vì vì sau khi chạy đó hồi đây, tôi đã trình bày xong những gì đã thấu nhận được, về anh.

Nặng nề, vì giờ, đến phiên mình.

Xem lại đồng hồ, đã hai giờ sáng. Từ cái gác con đang ngồi viết, tôi nhìn ra mảnh trời hiện dưới tấm màn tre : một con trăng sắp đầy với một vì sao lấp lánh trên một nền xanh.

Đúng một tháng, anh già từ cuộc sống.

Trong tôi, đã lắng xuống bao điều. Và hân hương hồn anh cũng đã chẳng còn chút bận gì để bình tĩnh tiếp nhận lời người trần thế.

Tôi nhìn ảnh anh, thời tiền chiến, cách hai mươi hai năm, trong « Nhà văn hiện đại » của Vũ-Ngọc-Phan, quyển tư, tập thượng. Tôi bỗng nhớ lại lời anh Vũ-Hoàng-Chương, mới đây : « Vũ-Ngọc-Phan đã quá nặng tay với Lê-văn-Trương « Nhà văn hiện đại » ấy đã nâng cao vài người mà cũng đã hạ thấp đôi người. » Tôi lướt mắt qua mấy cuốn tiểu thuyết của anh tôi vừa tìm đọc lại : « *Cô tư Thung* », truyện dài đầu tay của anh, do nó tôi bắt đầu làm quen với anh, đúng ba chục năm về trước, « *Một người, Tôi là Mẹ* », quyển anh thích nhất, mà tôi cũng từng say sưa đọc ; cuộc phỏng vấn anh trong Bách-Khoa, về quan niệm



Lê-Văn-Trương, 22 năm về trước

sáng tác, mà đây là đoạn kết :

« Tôi hỏi anh câu cuối.

« Người ta cho rằng những anh hùng anh tạo là những anh hùng rơm, chỉ có tài nói huênh hoang. Anh có giận không ? »

« Anh lắc đầu, tỏ vẻ không thừa sức đâu mà giận.

« — Những người đó họ sống ít, sống hẹp, sống cạn, chớ thật ra, những người anh hùng ngoài đời mà tôi được gặp, họ còn có những hành vi, cử chỉ anh hùng gặp mười lần những anh hùng trong tiểu thuyết của tôi »

« Và người cha đẻ thuyết... người hùng bước đi, chậm, yếu « bóng nghiêng nghiêng ».

Anh có biết đâu, lần ấy, lần cuối cùng tôi tiễn anh ra khỏi căn nhà hẹp, dựa cửa, nhìn theo anh dần mất ở ngã ba đường, trong nắng xế, tôi cảm tất cả cái chua xót của người đang lặng yên nhìn một phần dĩ vãng quý yêu còn sót mình cố nâng niu nay lại vỡ tan dần...

Vì anh còn lạ gì, lớp trai trẻ vừa lớn lên khi anh xuất hiện với « Trước cảnh hoang tàn Đế-Thiên Đế-Thích » ở hiệu sách rồi với « Cô tư Thung » ở trên « Tiểu thuyết thứ bảy ». Họ khát khao một tia sáng trong cảnh tối tăm của, cảnh nước mất, dân hèn.

Anh Nhất-Linh và anh đã đến.

Và lạ lùng thay, hai anh chống hẳn nhau trên đường nghệ thuật, nhưng lớp chúng tôi lại quý trọng cả hai anh, và cùng coi anh là hai thần tượng, mỗi người trên một bệ khác nhau.

Ai không mơ mình sẽ là một chàng Dũng, đi theo tiếng gọi của núi sông để rồi một xuân nào đó, « giữ áo phong sương trên gác trọ ».

Nhưng mà chàng Dũng ấy trí thức quá, phức tạp và tế nhị quá, lại quá phiêu diêu mộng lung, « khi gần khi xa » như một nhân vật nữ của truyện Kiều.

Còn người hùng của anh, mới gần gũi làm sao, tuy « nó » có thua phần quyền rũ. Song « nó » gần hơn, thực hơn, và nếu có lên, « nó » ở vừa tầm với bắt.

Mình là một công chức bị người xếp ngoại bang hiếp đáp, thì chống lại rồi già từ kiếp đời sớm vác ô đi chiều vác về, mà sống đời tự lập như Linh (1).

Mình là người làm ăn to rủi ro bị sạt nghiệp? Thì đi làm công cho người

như Trọng-Khang (2) nhưng không quì lụy, mà thẳng thắn, hiên ngang.

Đã là quyền huynh thế phụ, thì *Người anh cả* cứ hết lòng dạy dỗ, gây dựng cho đàn em, rồi sau có sao, vẫn vui vì đã tròn bổn phận.

Cho dầu chưa tới nửa chừng xuân, đã thành góa phụ, thì trên tay có ba đứa con thơ, gia đình bên chồng ruộng rẫy, cũng đành phụ lòng người thật dạ quý yêu mình để nuôi dạy đám con nên người, vì « *Tôi là mẹ* ».

Mà những kẻ bị đời rẽ rúng xem thường, như cô gái buôn hương, cậu em bán báo cũng có thể thành người đáng cho ta quý, trọng. Thế hệ chúng tôi đã không thể như cha, ông, hành động như những anh hùng Lương-Sơn-Bạc, như Quang-Vân-Trường, như Đơn-Hùng-Tín, cũng không thể như lớp đàn anh đua đòi theo các nhân vật quá lẻo lả của Từ-Trầm-Á, của Song-An, hay quá phi thường như Bách-Si-Ma, Hoàng-Ngọc-Ẩn, thì những « người hùng » của anh đến, thật hợp cảnh hợp thời.

Trách sao chúng tôi không say sưa, không vồ vập, và cố noi gương.

Anh đã dạy chúng tôi biết bất bình, không an phận, khinh phú quý giàu sang tội lỗi, trọng gian nguy nghèo khổ thanh cao, và nhất là không chấp nhận cái hèn, cái hèn hạ thấp con người, cái hèn làm nhục dân-tộc. Và nhờ anh mà hai câu thơ này của Phạm-Ngọc-Khuê được phổ biến và làm châm ngôn cho một số người :

(1) Trong *Một người*

(2) Trong *Trường đời*.

*Lấy chí ngang tàng và lòng quyết thắng
Làm hơi rợn mạnh để say sưa...*

Anh cho phép tôi đọc lại trọn bài.
Chắc có lẽ lâu lắm rồi, anh không còn
nhớ « Con trâu » ấy nữa.

*Nay là lúc mang sức trâu mãnh liệt
Kéo lưỡi cày rạch vỡ hết ruộng nương,
Khởi mạch sống ở trong lòng đất chết,
Mở đường lên cho hạt thóc đang uơm.*

*Nay là lúc gặt cỏ khô, rơm cứng,
Giảm bùn lầy và chơi với nắng mưa.
Lấy chí ngang tàng và lòng quyết thắng
Làm hơi rợn mạnh để say sưa...*

*Cho mặt đất lung linh như biển cả,
Gió ngả nghiêng đùa ngọn lúa xanh tươi,
Cho nắng lửa gay go và tàn phá,
Phải bó tay thua sức sống muôn loài.*

Đọc anh, chúng tôi say mê vì nhận
rằng đó là một mảnh của cuộc đời, mà
người viết nó đã sống qua, hay đã nghe
đã thấy, và tác giả đã cầm bút, vì tin
chắc rằng mình đang làm một sứ mạng.

Những người có tuổi, chỉ đứng về
mặt nghệ thuật mà xét tác phẩm của anh,
đã cười anh huênh hoang, đã trách anh
ba hoa, chê bỏ cục quyền này lỏng lẻo,
chê nhân vật nọ phờng tuồng, bắt bẻ
chữ dùng sai, moi móc cách hành văn
luộm thuộm. Chẳng phải lớp trẻ chúng
tôi, có học ít nhiều, không thấy những
khuyết điểm đó, nhưng chúng tôi « cho
qua » những điều đó. Và chúng tôi cho
chàng Vinh (trong *Tôi là mẹ*) cũng rất
« hùng » khi đi buôn lậu : đem tài, trí

sức ra để « qua mặt » kẻ thù đất nước
và lũ tay sai của chúng, đó cũng là gián
tiếp trả thù cho dân tộc !

Rồi chúng tôi lại biết anh đã bị
đuổi khỏi trường Bưởi vì cùng vài bạn
cầm đầu một cuộc bãi khóa để phản kháng
ông hiệu trưởng đã mắng học sinh :
« Quân An-Nam đơ bản ! » Và ngọn
bút của Cô-Lý trên « Trung-Bắc tân
văn » đã « giết » tên chủ gánh
xiệc ngoại quốc đã làm nhục dân tộc
Việt trên đất nước nhà.

Vì chúng tôi lúc bấy giờ như những
con thuyền nằm trên cạn, mơ những
cuộc viễn du, nhìn xuống con sông mà
chỉ thấy có sức nước cuồn cuộn chảy,
không để ý chi đến cũi mục, cành khô,
rác rến... cuồn theo dòng.

Anh có biết không, tôi đã từng là
« nạn nhân » của anh, ba mươi năm về
trước. « *Có tư Thung* » của anh mới ra
mất độc giả hàng tuần, đã khiến một
số chúng tôi thấy anh « không giống
như người ta ». Và có người vừa ngây
thơ vừa tò mò, đã bỏ một buổi sáng
chúa nhật đẹp trời để đi hết khu Tân-
Định, kiểm con đường *d'Hérel de Brissis*,
để sau đó tìm tòa nhà ba tầng, nguy
nga, đồ sộ ở giữa phố. Nhưng con đường
kia chỉ có trong tưởng tượng anh, thì
làm sao tìm được nơi người kì nữ kia
đang ở hay đã ở. Ấy đó mà lớn thêm
năm tuổi, tôi vẫn còn bị gạt kiểu đó,
lần này, thì là nạn nhân anh Nhất-Linh.
Đọc bài thay lời tựa cho « *Đôi bạn* »,
tôi tìm đến nơi Dũng trọ, vùng Đa-Cao.
Đường có thật : *Albert 1^{er}*. Nhưng con
số nhà, thì đi mút đường, vẫn chưa
bằng con số tác giả ghi. Mười lăm năm
sau, tôi đã hỏi anh Nhất-Linh tại sao

cho một số nhà không có để tội cho một kẻ đọc mình, sốt sắng, tò mò và ngây thơ. Còn anh, thì tôi chưa kịp hỏi.

Mười bốn tuổi, đã mệt vì anh. Mười tám tuổi lại khổ. Vốn ở nội trú trường công, chiều thứ năm, được ra, mua tờ «*Ich-Hieu*» đổi mới do anh chủ trương, cố động cho triết lí sức mạnh, vô, giấu cho người gác cổng da đen dân Pháp chẳng biết, giấu cho thầy giám thị đừng hay, rồi tôi, trước khi ngủ, giả bộ đi tiêu, vào cầu xí mà đọc vội đọc vàng...

Và năm đệ tứ niên, khi ông giáo Việt văn họ Phạm ấy trả bài Luận có cái đề: «*Trong các tiểu thuyết ta hiện nay, trò thích quyển nào nhất? Trò hãy tóm tắt cốt truyện và nói vì sao trò thích quyển ấy nhất*», tôi và một bạn thân được điểm lớn nhất. Bạn chọn «*Đoạn tuyệt*», còn tôi: «*Một người*», rồi sau này, bạn thích Dũng bước hẳn vào giới Nhạc, còn người tra Linh đi vào vườn Văn.

Rồi cuộc Cách mạng dân tộc bùng nổ.

Chúng tôi mang trong tâm hồn cái «*lãng mạn cách mạng*» của chàng Dũng - Nhất-Linh, cái «*quyết liệt ngang tàng*» của những Người-Hùng Lê-Văn-Trương, mà đứng lên đáp lời sông núi.

Và từ đó, vô tình, anh làm ông Tư bà Nguyệt cho hơn một lứa đôi. Có những người thanh nữ — độc giả anh — đã dám cãi cha anh, xem thường dư luận «*để đấng cay cùng chịu*» với những chàng thanh nam thất thế, tạt nguyên, tay trắng... bởi vì các nàng ấy thấy trong những chàng kia một tinh thần

bất khuất, một chí khí nam nhi, trong thời «*non sông gấm vóc*» tôi bởi vì ai... »

Thực tế và khối lửa tạo nên màu người trai lí tưởng khác. Rồi phản bội, gạt lừa, tàn bạo... đã làm chúng tôi ngờ ngác, ngần ngại; một số lớn trở lại sống đời cây cỏ. Dũng, Người-Hùng, đã yên giấc tự bao giờ, mà mối tình đầu do anh Nhất-Linh và anh đem lại ấy, mấy ai nào dễ đã quên.

Và với ai thì sao cũng được. Nhưng Nhất-Linh không thể phản dân tộc. Nhưng Lê-Văn-Trương không thể là thằng hèn. Thế hệ thanh niên 1935-1945 không cho phép hai anh.

Thế rồi, anh Nhất-Linh làm chúng tôi thất vọng phầa nào, song anh đã «*bắt đầu hay, tiếp tục dở, và kết thúc đẹp*».

Và khi chậm bước theo chiếc xe tang tác giả «*Đoạn tuyệt*», tôi đã nghiêng đầu nói nhỏ với một người bạn đồng lứa: «*Chúng mình đưa đám Nhất-Linh, mà cũng đưa đám một phần hoa niên của chúng mình*».

Bạn tôi gạt đầu.

Nhất-Linh một đi rồi. Còn lại anh.

Tôi đã mong anh tự kết thúc cuộc đời khác hơn anh đã tiếp tục nó. Cách nào? Tôi cũng chẳng biết.

Bây giờ, anh vĩnh biệt chúng tôi vừa đúng tháng. Trong tôi, đã lắng xuống bao điều. Tôi phải hiểu sau đây?

Hay là tôi nên hiểu rằng có hai Lê-Văn-Trương. Một Lê-Văn-Trương của chúng tôi, sống bừa bãi đấy, hay

nói huênh hoang đấy, nhưng mà sống thật, ngang tàng, hào hùng, và rất chân thành. Lê-Văn-Trương ấy đã chết đi khi đất nước này — sau mười năm máu xương tang tóc — bị cắt làm hai.

Còn Lê-Văn-Trương mà lần đầu tôi gặp ở thủ đô miền Nam, khoảng tháng tám 1954, do anh Lê-Văn-Siêu giới thiệu, mở đầu câu chuyện đã tự xưng là « đệ » và gọi tôi là « huynh », Lê-Văn-Trương sau này chỉ là cái bóng của Lê-Văn-Trương kia.

« Í ngu » này, anh có chấp nhận không, anh ?

Gần giờ gà sắp gáy. Tôi còn gì để nói nốt với anh đây ?

À, số Bách Khoa mới, các anh Triều-

Đầu, Bùi-Đình, Thái-Văn, chung nhau làm một bài thơ để tưởng niệm anh. Nhan là : *Ngàn năm Lê-Văn-Trương*. Để tôi đọc anh nghe.

Ba anh ấy chung làm một bài thơ. Nên nói đến *Ngàn năm*.

Riêng tôi, một mình, tôi viết cho anh bức thư này, bằng văn xuôi. Nên tôi nói 1 con số ít hơn ba anh ấy nhiều.

Thời của anh, có năm năm : 1935 — 1940, nhưng mà Người-Hùng của anh đến 1945 mới hết thời.

1935 — 1945

Mười năm Lê-Văn-Trương !
anh nhé.

25-III-64

NGUYỄN-NGU-Í

TIN MỪNG

Ngày 4-4-1964, nhà văn **THẾ NGUYỄN** vâng lệnh song thân, làm lễ thành hôn với cô **TẶNG HOÀNG SINH**. Hôn lễ cử hành tại nhà thờ Chánh Tòa Mỹ Tho, Định Tường. Thành thật cầu chúc hai bạn nhiều may mắn và hạnh phúc.

THẾ PHONG - PHẠM QUANG HUYẾN - KHẢI TRIỀU - PHẠM XUÂN DƯƠNG và toàn thể anh em **ĐẠI NAM VĂN HIẾN**

CÒN MỘT ÍT

KHI NGƯỜI CHẾT CÓ MẶT

(THÌ NGƯỜI SỐNG PHẢI LÀM SAO ?)



Quyền truyện giá trị của **NGUYỄN-NGU-Í** (**BÌNH-NGUYỄN-LỘC** đề tựa) mà không tủ sách gia-đình nào có thể thiếu được.

Bán tại Nhà sách **KHAI-TRÍ**

62, Lê-Lợi, Sài Gòn.

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

Bách Khoa vừa nhận được :

Thôi — Còn mắt (Mây Trùng Dương) Tình yêu tôi — Thật tại... (Triệu Cung Tinh) Thơ tôi hôm nay (Lữ Thứ) Đầy niềm nhớ... (Dương Minh Loan) Cho vơi nỗi sầu (Thương Hoài Ngọc Liễu) Hình ảnh (Thảo Tâm) Lịch sử (P.X. Trường Thủy) Du mục — Tình yêu của tuổi (Phương Thế Sơn) Vì đâu (Đình Thuần) 4 đoản ca trong đời chàng (Mây Hải Đảo) Tưởng niệm Nguyễn Nho Sa Mạc (Người chưa quen) Tuổi huyên... (Ngọc Minh) Ngừng đi em (Du Tử Lê) Dẫn thân (Thành Tôn) Biệt khúc... (Quang Hoài) Bài ca không tên

— Tiếng hát một loài chim (Lê Thị Đài - Trang) Tiếng nói trong lòng mắt... (Ái Vi Tâm) Thân thoai... (Dạ Vũ) Vầng vàng (Như-Nguyệt - Sa) Đỗ dành — Ưu Phiến (Lê Đình Phạm Phú) Ký thác... (Nguyễn Văn Hoa) Quê hương và mình (Mai Lê Văn) Tiếp nối khổ đau (Mặc - Duy - Thành) Gửi cho người yêu (Nguyệt Nhật Nam) Gửi cho người yêu (Nguyễn Nhật Nam) Mong ước (Thuận Hiền) **Anh Lê Đình Phạm Phú** — Sẽ đăng « Ưu Phiến ». Có thư sau tới anh. **Anh Dạ Vũ** — Xin cho biết địa chỉ để gửi thư tới anh.

X.H.

NHÀ XUẤT BẢN

HUỆ-MINH

27-29, Phan-Văn-Trị — Sài Gòn

ĐÃ PHÁT HÀNH

● PHI LẠC SANG TÀU

ĐANG IN

● KẾ THỀ

● MUỐN HIỀU CHÁNH TRỊ (in lần thứ ba)

● THUỐC TRƯỜNG SANH

Nhà xuất bản **SÁNG TẠO**

đã cho phát hành ba tác phẩm mới

GÌN VÀNG GIỮ NGỌC

tập truyện của Doãn-Quốc-Sỹ —
Ngọc-Dũng trình bày và minh họa
170 trang. Giá 44đ. (xuất bản lần 2)

*(Một thức hương nhân loại mà nhân
loại cần biết để hiểu thêm người dân
Việt người đàn bà Việt đã làm gì
trong cuộc chiến đấu trường kì, người
trí thức Việt đã chịu đựng những
thiếu thốn nào trong cuộc chiến đấu
giành tự do).*

Báo MAI tháng 9-1960

BƠ VƠ

truyện dài của cô Minh Đức
Hoài Trinh — Ngọc Dũng trình bày
và minh họa 220 trang. Giá 52đ.

*(Những nhận xét cực kỳ di-dòm
của một người đàn bà thông minh.
Một bối cảnh xa lạ với chúng ta
thật đấy (Pháp và Algérie) Nhưng
vẫn gần gũi làm sao !)*

TRÁ! CÂY ĐÀU KHỔ

tập kịch của Doãn-Quốc-Sỹ —
Ngọc Dũng trình bày và minh họa.
140 trang. Giá 40đ.

Bản Quý của mỗi tác phẩm trên
giá 100đ. Thư từ liên lạc xin đề
theo địa chỉ : Doãn - Quốc - Sỹ
338/60B Thành-Thái Cholon.

Sách Báo Mới

Bách-khoa đã nhận được :

— **Lập trường** số 1 tuần
báo chính-trị văn-hóa, xã hội, xuất
bản tại Huế do ông Tôn-Thất Hạnh
làm chủ nhiệm, ông Lê-Tuyên chủ
bút và ông Cao-Huy-Thuần tổng-
thư-ký tòa soạn. Tòa soạn đặt
tại 17B Lý-thường-Kiệt Huế. Báo
ra khổ lớn (30 x 43) gồm 16 trang
mỗi số 6đ.

Xin trân trọng giới thiệu cùng
độc giả Bách Khoa và kính chúc
đồng nghiệp mạnh tiến trên đường
ngôn luận.

CÁO LỖI

*Vì lý do ngoài ý muốn tuần báo
Ý-THỨC chưa thể ra mắt như đã
báo trước. Xin cáo lỗi cùng độc
giả chờ đợi và xin hẹn một ngày
gần đây.*

Ban biên tập Ý THỨC

ĐÃ PHÁT HÀNH

Con đường tình nhân

●
*thi phẩm thứ II của HẢI PHƯƠNG
Bìa của Trịnh Cung, phụ bản của
Đình Cường. Sách khổ 24 x 25 dày
80 trang trên giấy bl. Fin 9ogr
Giá 60đ.*

Chính Luận

Tờ báo tranh đấu cho

TỰ DO, DÂN CHỦ

Để tiến tới

HÒA BÌNH, THỐNG NHẤT

● **VỚI SỰ HỢP TÁC CỦA**

các nhà văn được cảm tình nhất của bạn đọc :

HOÀNG-HẢI-THỦY, VĂN-QUANG, PHAN-NGHỊ
DƯƠNG-HÀ, PHI-LONG, TỪ-KHÁNH-PHỤNG
HỒNG-DƯƠNG, TỐ-NGỌC

● **CÁC CHUYÊN VIÊN CÓ UY TÍN NHẤT**

Các bác sĩ : ANH-TUẤN, THIỆN-Ý PHẠM-HỮU-
CHƯƠNG, TRẦN-VĂN-ĐỒ

Các luật sư : LÊ - QUANG - LUẬT, TRẦN-VĂN-
TUYÊN, NHƯ-TRỊ

Các giáo sư : TIÊU-HÀ, VÕ-TƯ-KHIÊM, QUANG-
HOA, BÙI-DIÊM,

● **CÁC DANH HỌA SẮC NÉT NHẤT :**

ĐỨC-KHÁNH, NGỌC-DŨNG, BY-LINH, TRẦN-
VŨ, TUYẾT.

● **VỚI SỰ PHỤC VỤ THƯỜNG XUYÊN CỦA :**

TỪ-CHUNG, CAO-GIAO, THÁI-LÂU, THÁI-LINH,
PHAN-NGHỊ, TỪ-NGUYỄN, NGƯỜI-ĐIỆN-ẢNH,
HOÀNG-THÔNG, HÀ-MAI-LAN, KIỀU-DIÊM-
HỒNG, VŨ-THÀNH.

Chủ-nhiệm,

B.S ĐẶNG-VĂN-SUNG

Biên tập,

TỪ-CHUNG

BÁCH-KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Dinh-Phùng

Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA

DÀI HẠN

Phương danh độc giả. _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thê thức trả tiền _____

_____ ngày _____ tháng _____ 1967

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm : 200 \$

6 tháng : 100 \$

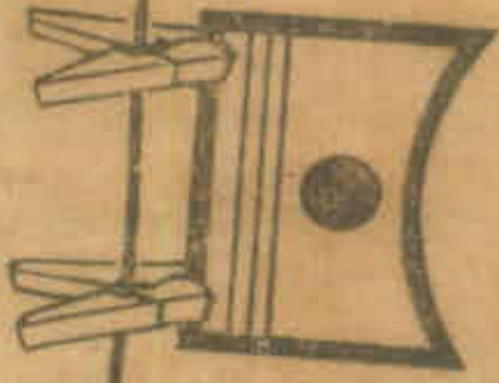
- Mua dài hạn Bách-Khoa
- Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.
- Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó

— rá trước 200 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 \$ (22 số thường 220 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 \$ = 260 \$)

● Mua dài hạn Bách Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gửi bưu phiếu.



hơn

50

năm

tại

Việt

- Nam

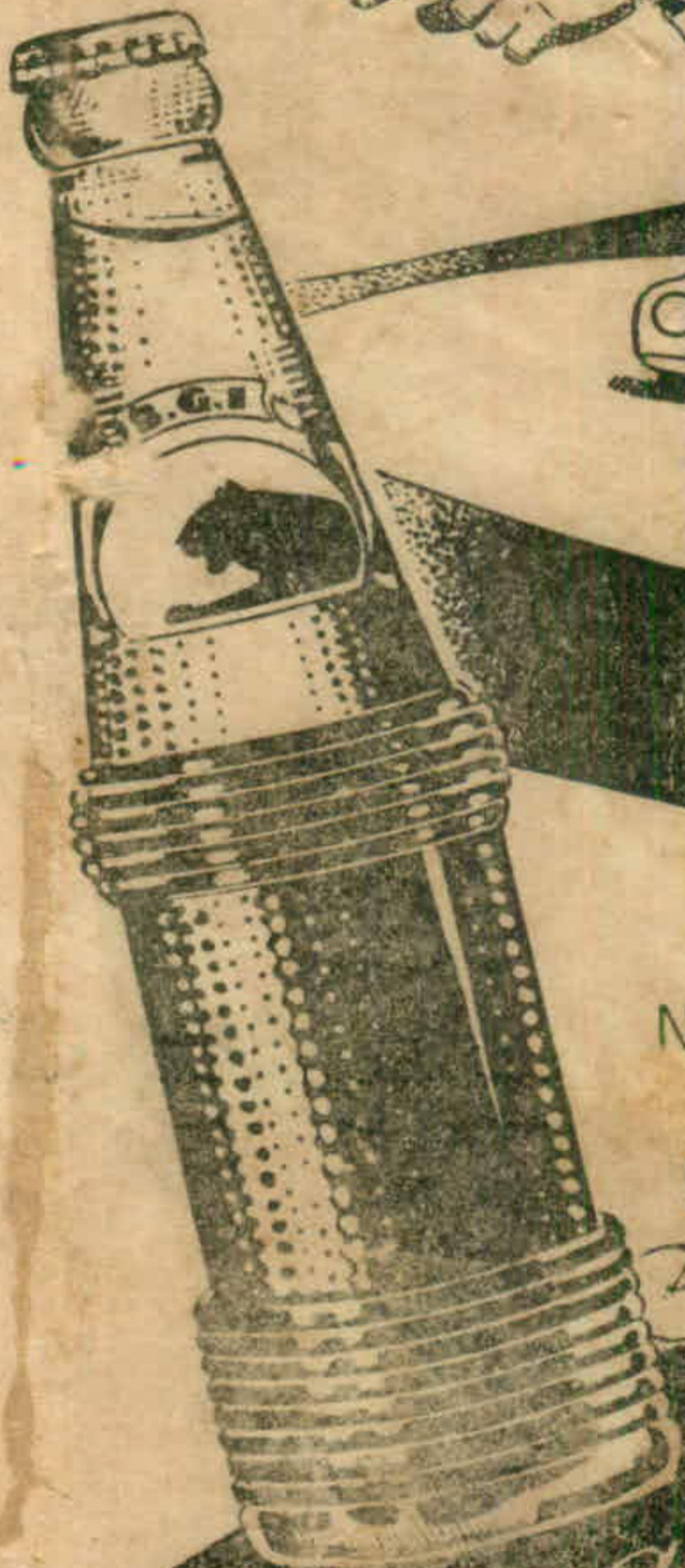
SHELL

TRONG GIA-ĐÌNH EM-AM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai **HỎA TIÊN!**

COTIAB



Cigarettes

VIRGINIE